

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Nguyễn Thị Hà Nhung**

Giảng viên hướng dẫn: **Ths. Lương Khánh Chi**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU
THỦY TAM BẠC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : **Nguyễn Thị Hà Nhung**

Giảng viên hướng dẫn : **Ths. Lương Khánh Chi**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Hà Nhung

Mã SV: 110471

Lớp: QT 1102K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ
phần Công nghiệp Tàu Thủy Tam Bạc

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP CNTT Tam Bạc
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP CNTT Tam Bạc

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty CP CNTT Tam Bạc trong 3 năm gần đây
- Số liệu về thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP CNTT Tam Bạc

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp: Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu Thủy Tam Bạc

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Lương Khánh Chi**

Học hàm, học vị: **Thạc sỹ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại Học Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp.
- Định hướng cách hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp
- Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP CNTT Tam Bạc
- Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 05 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Hà Nhung

Ths. Lương Khánh Chi

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ, chịu khó
- Khiêm tốn, cầu thị
- Hoàn thành nhiệm vụ được giao, đảm bảo đúng tiến độ làm khóa luận tốt nghiệp

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khóa luận tốt nghiệp được tác giả trình bày trong 111 trang, kết cấu logic, hợp lí

Tác giả đã hoàn thành các nhiệm vụ cơ bản của đề tài từ tập hợp số liệu, khảo sát các thông tin cụ thể, chi tiết của đề tài. Số liệu khảo sát minh họa phong phú, có độ tin cậy cao. Trên cơ sở khảo sát, tác giả đã đề xuất được một số biện pháp cụ thể áp dụng tại đơn vị.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....10,0 (Mười điểm).....
.....
.....

Hải Phòng, ngày 03 tháng 07 năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

Ths. Lương Khánh Chi

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1	Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.....	3
1.1.1	Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu.....	3
1.1.2	Vai trò của nguyên vật liệu.....	3
1.1.3	Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.....	4
1.1.4	Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.....	4
1.1.5	Phân loại nguyên vật liệu.....	5
1.1.6	Tính giá nguyên vật liệu.....	6
1.2	Tổ chức kế toán nguyên vật liệu.....	10
1.2.1	Hệ thống chứng từ kế toán sử dụng.....	10
1.2.2	Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	11
1.2.2.1	Hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song.....	11
1.2.2.2	Hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	13
1.2.2.3	Hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp ghi sổ số dư.....	14
1.2.3	Kế toán tổng hợp NVL.....	16
1.2.3.1	Hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	16
1.2.3.2	Hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kì.....	25
1.3	Tổ chức sổ kế toán.....	28
1.3.1	Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	28
1.3.1.1	Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung.....	28
1.3.1.2	Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	28
1.3.2	Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái.....	30
1.3.2.1	Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	30
1.3.2.2	Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái... ..	30
1.3.3	Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	32
1.3.3.1	Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	32

1.3.3.2	Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ...	32
1.3.4	Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.....	33
1.3.4.1	Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.....	33
1.3.4.2	Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	34
1.3.5	Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	35
1.3.5.1	Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính.....	35
1.3.5.2	Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính...	35

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY TAM BẠC

2.1	Khái quát chung về Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Tam Bạc.....	37
2.1.1	Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP CNTT Tam Bạc.....	37
2.1.2	Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP CNTT Tam Bạc :.....	38
2.1.3	Thuận lợi và khó khăn.....	38
2.1.3.1	Thuận lợi.....	38
2.1.3.2	Khó khăn.....	39
2.1.4	Quy trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty CP CNTT Tam Bạc.....	40
2.1.5	Cơ cấu tổ chức của Công ty CP CNTT Tam Bạc.....	44
2.1.6	Tổ chức công tác kế toán tại Công ty CP CNTT Tam Bạc.....	48
2.1.6.1	Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty CP CNTT Tam Bạc.....,,	48
2.1.6.2	Đặc điểm các chính sách và phương pháp kế toán công ty áp dụng	50
2.2	Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP CNTT Tam Bạc.....	51
2.2.1	Phân loại nguyên vật liệu.....	51
2.2.2	Công tác quản lý nguyên vật liệu.....	51
2.2.3	Tính giá nguyên vật liệu.....	52

2.2.3.1	Tính giá nguyên vật liệu nhập kho.....	52
2.2.3.2	Tính giá nguyên vật liệu xuất kho.....	53
2.2.4	Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu.....	53
2.2.4.1	Thủ tục nhập kho.....	53
2.2.4.2	Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu.....	65
2.2.5	Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty CP CNTT Tam Bạc...	69
2.2.6	Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu.....	76
2.2.6.1	Chứng từ kế toán sử dụng.....	76
2.2.6.2	Tài khoản kế toán sử dụng.....	76
2.2.6.3	Quy trình hạch toán.....	76
2.2.7	Công tác kiểm kê nguyên vật liệu.....	81

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CP CNTT TAM BẠC

3.1	Đánh giá chung công tác hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty CP CNTT Tam Bạc.....	83
3.1.1	Tình hình chung của công ty.....	83
3.1.2	Những thành tựu công ty đạt được.....	83
3.1.2.1	Ưu điểm.....	85
3.1.2.2	Hạn chế.....	86
3.2	Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty CP CNTT Tam Bạc.....	88
3.2.1	Nguyên tắc hoàn thiện.....	88
3.2.2	Yêu cầu hoàn thiện.....	88
3.2.3	Nội dung hoàn thiện.....	88
3.2.4	Điều kiện thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu trong công ty.....	108

LỜI MỞ ĐẦU

Chuyển sang kinh doanh trong cơ chế thị trường và thực hiện hạch toán độc lập, mỗi quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp là thực hiện bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh với mục đích cuối cùng là lợi nhuận. Để đạt mục tiêu này thì các doanh nghiệp phải áp dụng đồng thời nhiều biện pháp và một trong những biện pháp quan trọng đối với doanh nghiệp đó là : sản phẩm sản xuất ra phải có chất lượng cao và giá thành hạ, tức là chi phí để sản xuất ra sản phẩm phải tiết kiệm hợp lý và có kế hoạch. Vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất vật chất. Chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng số chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Bởi vậy mà doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ vật tư từ khâu thu mua đến bảo quản,, dự trữ và sử dụng, vừa đáp ứng được nhu cầu sản xuất, tiết kiệm hạ giá thành sản phẩm, chống mọi hiện tượng xâm phạm tài sản của đơn vị và cá nhân. Để làm được điều này, các doanh nghiệp cần phải sử dụng công cụ quản lý mà kế toán làm công cụ giữ vai trò trọng yếu nhất. Từ lý do trên em chọn đề tài “ Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP CNTT Tam Bạc ”

Mục đích nghiên cứu là vận dụng những lí luận về kế toán nguyên vật liệu vào thực tiễn kế toán tại Công ty CP CNTT Tam Bạc để từ đó đề ra một vài ý kiến đề xuất làm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP CNTT Tam Bạc.

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu là nghiên cứu công tác kế toán NVL tại Công ty CP CNTT Tam Bạc, lấy số liệu năm 2010 để minh họa.

Phương pháp nghiên cứu là vận dụng phương pháp thống kê, phương pháp phân tích, phương pháp so sánh, phương pháp tổng hợp lý luận và các phương pháp của kế toán để nghiên cứu.

Sau một thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Tam Bạc, đi sâu tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhận

thấy tầm quan trọng của công tác kế toán nguyên vật liệu, và ảnh hưởng của chi phí nguyên vật liệu đến hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

Trên cơ sở những kiến thức có được từ học tập, nghiên cứu, cùng với sự hướng dẫn, giúp đỡ nhiệt tình của Thạc sĩ Lương Khánh Chi và các anh chị cán bộ kế toán của Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Tam Bạc em đã viết khóa luận tốt nghiệp với đề tài : “ Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Tam Bạc “.

Kết cấu đề tài gồm 3 chương như sau :

- ❖ Chương 1 : Những vấn đề lý luận chung về tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp
- ❖ Chương 2 : Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Tam Bạc
- ❖ Chương 3 : Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Tam Bạc.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất :

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu :

➤ **Khái niệm :**

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động đã được thay đổi do lao động có ích tác động vào nó. Nguyên vật liệu là đối tượng lao động nhưng không phải bất cứ một đối tượng lao động nào cũng là nguyên vật liệu mà chỉ trong điều kiện đối tượng lao động mà do lao động làm ra thì mới hình thành nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh giá trị nguyên vật liệu tiêu hao trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo nên giá trị của sản phẩm dịch vụ tùy thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp sản xuất thì giá trị nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn và chủ yếu trong giá trị sản phẩm.

➤ **Đặc điểm của nguyên vật liệu :**

Về mặt hiện vật : Trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm, nguyên vật liệu chỉ tham gia vào 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh và khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu được tiêu dùng toàn bộ.

Về mặt giá trị : Giá trị của nguyên vật liệu chuyển dịch toàn bộ một lần vào giá trị sản phẩm mới được tạo ra.

1.1.2. Vai trò của nguyên vật liệu :

Từ đặc điểm cơ bản của nguyên vật liệu, ta có thể thấy nguyên vật liệu được xếp vào tài sản lưu động, giá trị nguyên vật liệu thuộc vốn lưu động. Nguyên vật liệu có nhiều loại, thứ khác nhau, bảo quản phức tạp. Nguyên vật liệu thường được nhập xuất hàng ngày.

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến sản phẩm được sản xuất. Thông thường trong các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu thường chiếm một tỷ trọng rất lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, nên việc tiết kiệm nguyên vật liệu và sử dụng đúng mục đích,

đúng kế hoạch có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kết quả sản xuất kinh doanh.

Xuất phát từ vai trò quan trọng của nguyên vật liệu đòi hỏi các doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu ở tất cả các khâu thu mua, bảo quản, dự trữ, sử dụng. Trong một chừng mực nào đó, giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu là cơ sở để tăng thêm sản phẩm mới cho xã hội, tiết kiệm được nguồn tài nguyên vốn không phải là vô tận.

1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất :

Muốn quản lý tốt nguyên vật liệu ta phải quản lý tốt trên các khâu : Thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng.

➤ Ở khâu thu mua : Phải tổ chức quản lý quá trình thu mua nguyên vật liệu sao cho đủ về số lượng, đúng chủng loại, tốt về chất lượng, giá cả hợp lý, nhằm hạ thấp chi phí nguyên vật liệu đưa vào sản xuất, góp phần quan trọng trong việc hạ giá thành sản phẩm.

➤ Ở khâu bảo quản : Phải đảm bảo theo đúng chế độ quy định tổ chức hệ thống kho hợp lý, để nguyên vật liệu không thất thoát, hư hỏng kém phẩm chất, ảnh hưởng đến chất liệu sản phẩm.

➤ Ở khâu dự trữ : Phải tạo điều kiện cho quá trình sản xuất được tiến hành liên tục, cần quan tâm quản lý tốt khâu dự trữ. Phải dự trữ nguyên vật liệu đúng mức tối đa, tối thiểu để không gây ứ đọng hoặc gây gián đoạn trong sản xuất.

➤ Ở khâu sử dụng : Do chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất vì vậy cần sử dụng nguyên vật liệu đúng mức tiêu hao, đúng chủng loại, phát huy cao nhất hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ thấp chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm.

Do đó, công tác quản lý nguyên vật liệu là rất quan trọng nhưng trên thực tế có những doanh nghiệp vẫn để thất thoát một lượng nguyên vật liệu khá lớn do không quản lý tốt nguyên vật liệu ở các khâu, không xác định mức tiêu hao hoặc có xu hướng thực hiện không đúng. Chính vì thế cho nên luôn luôn phải cải tiến công tác quản lý nguyên vật liệu cho phù hợp với thực tế.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất :

Nhận thức được vị trí của nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất đòi hỏi hệ thống quản lý phản ánh chính xác đầy đủ các thông tin số liệu về nguyên vật liệu. Do vậy, nhiệm vụ đặt ra đối với công tác hạch toán nguyên vật liệu là :

➤ Tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, nhập, xuất tồn nguyên vật liệu. Tính giá thực tế của nguyên vật liệu đã mua. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua nguyên vật liệu về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn,... nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất kinh doanh.

➤ Áp dụng đúng đắn phương pháp hạch toán nguyên vật liệu. Hướng dẫn và kiểm tra các phân xưởng, các phòng ban trong đơn vị thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu về nguyên vật liệu.

➤ Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ, sử dụng nguyên vật liệu. Kiểm tra tình hình nhập xuất nguyên vật liệu. Phát hiện, ngăn ngừa đề xuất biện pháp xử lý nguyên vật liệu thừa, thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất để động viên đúng mức nguồn vốn nội bộ, tăng nhanh tốc độ chu chuyển vốn. Tính toán chính xác số lượng, giá trị nguyên vật liệu thực tế đã đưa vào sử dụng và tiêu hao trong quá trình sản xuất kinh doanh. Phân bổ các giá trị nguyên vật liệu đã tiêu hao vào các đối tượng sử dụng.

➤ Tham gia kiểm kê và đánh giá nguyên vật liệu theo chế độ quy định. Lập các bản báo cáo về nguyên vật liệu. Phân tích kinh tế tình hình thu mua, dự trữ, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu.

1.1.5. Phân loại nguyên vật liệu :

➤ **Phân loại theo vai trò và công dụng của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh có các loại :**

- *Nguyên vật liệu chính* : là đối tượng lao động chủ yếu, cấu thành nên thực thể của sản phẩm. “ Nguyên liệu “ là thuật ngữ chỉ đối tượng lao động chưa qua chế biến công nghiệp, “ vật liệu “ dùng để chỉ những nguyên liệu đã qua sơ chế.

- *Vật liệu phụ* : là những vật liệu có tác dụng phục vụ trong quá trình sản xuất, được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính làm tăng chất lượng, mẫu mã của sản phẩm hoặc được sử dụng để bảo đảm cho công cụ lao động hoạt động bình thường hoặc dùng để phục vụ cho nhu cầu kỹ thuật, nhu cầu quản lý.

- *Nhiên liệu* : là những thứ được tiêu dùng cho sản xuất năng lượng như than, dầu mỏ, hơi đốt... Nhiên liệu thực chất là vật liệu phụ được tách thành 1 nhóm riêng do vai trò quan trọng của nó và nhằm mục đích quản lý và hạch toán thuận tiện hơn.

- *Phụ tùng thay thế* : gồm các loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải.

- *Thiết bị xây dựng cơ bản* : bao gồm các loại thiết bị cần lắp, không cần lắp, các vật kết cấu dùng cho công tác xây dựng cơ bản, trong công nghiệp.

- *Vật liệu khác* : là các loại vật liệu không được xếp vào các loại kể trên. Chủ yếu là các loại phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất, hoặc từ việc thanh lý TSCĐ.

➤ **Phân loại theo nguồn hình thành gồm 3 loại :**

- *Vật liệu tự chế* : là vật liệu doanh nghiệp tự tạo ra để phục vụ cho nhu cầu sản xuất

- *Vật liệu mua ngoài* : là loại vật liệu doanh nghiệp không tự sản xuất mà do mua ngoài từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu

- *Vật liệu khác* : là loại vật liệu hình thành do được cấp phát, biếu tặng, góp vốn liên doanh.

➤ **Phân loại theo mục đích sử dụng :**

- *Vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm*

- *Vật liệu dùng cho các nhu cầu khác* : phục vụ cho sản xuất chung, cho nhu cầu bán hàng, cho quản lý doanh nghiệp.

1.1.6. Tính giá nguyên vật liệu :

Nguyên tắc tính giá nguyên vật liệu : Áp dụng điều 04 chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 về hàng tồn kho được ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài Chính “ Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được “. Trong đó :

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm : Chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được : là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Như vậy phù hợp với chuẩn mực kế toán hàng tồn kho trong công tác hạch toán NVL ở các doanh nghiệp, NVL được tính theo giá thực tế.

➤ **Tính giá nguyên vật liệu nhập kho**

Tính giá của nguyên vật liệu nhập kho tuân thủ theo nguyên tắc giá phí. Nguyên vật liệu nhập kho trong kỳ của doanh nghiệp bao gồm rất nhiều nguồn nhập khác nhau. Tùy theo từng nguồn nhập mà giá trị thực tế của vật liệu nhập kho được xác định khác nhau.

- Đối với vật liệu mua ngoài:

$$\begin{array}{rclclcl} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi phí} & & \text{Các khoản thuế} & & \text{CKTM,} \\ \text{của NVL} & = & \text{ghi trên} & + & \text{thu mua} & + & \text{không được hoàn} & - & \text{Giảm giá} \\ \text{mua ngoài} & & \text{hoá đơn} & & & & \text{lại} & & \text{hàng mua} \end{array}$$

- Đối với vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{rclclcl} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá thực tế} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí} \\ \text{của VL thuê} & = & \text{của VL xuất thuê} & + & \text{thuê ngoài} & + & \text{vận chuyển} \\ \text{ngoài gccb} & & \text{ngoài gccb} & & \text{gccb} & & \text{(nếu có)} \end{array}$$

- Đối với vật liệu tự chế:

$$\begin{array}{rclcl} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá thành} & & \text{Chi phí vận} \\ \text{của VL tự chế} & = & \text{sản xuất VL} & + & \text{chuyển (nếu có)} \end{array}$$

- Đối với vật liệu được cấp:

$$\begin{array}{rcl} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá theo} \\ \text{của VL được cấp} & = & \text{biên bản giao nhận} \end{array}$$

- Đối với vật liệu nhận góp vốn liên doanh:

$$\begin{array}{rcl} \text{Giá thực tế của vật liệu} & & \text{Giá trị vốn góp} \\ \text{nhận góp vốn liên doanh} & = & \text{do hđld đánh giá} \end{array}$$

- Đối với vật liệu được biếu tặng, viện trợ:

$$\begin{array}{rcl} \text{Giá thực tế của vật liệu} & & \text{Giá thị trường} \\ \text{được biếu tặng, viện trợ} & = & \text{tại thời điểm nhận} \end{array}$$

- Đối với phế liệu thu hồi từ sản xuất:

$$\begin{array}{rcl} \text{Giá thực tế của} & & \text{Giá có thể sử dụng lại} \\ \text{phế liệu thu hồi} & = & \text{hoặc giá có thể bán} \end{array}$$

➤ **Tính giá nguyên vật liệu xuất kho :**

Việc lựa chọn phương pháp tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho phải căn cứ vào đặc điểm của từng doanh nghiệp về số lượng danh điểm, số lần nhập xuất nguyên vật liệu, trình độ của nhân viên kế toán, thủ kho, điều kiện kho tàng của doanh nghiệp. Điều 13 chuẩn mực số 02 nêu ra 4 phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho. Ngoài ra trên thực tế còn có phương pháp giá hạch toán. Tuy nhiên khi xuất kho kế toán tính toán, xác định giá thực tế xuất kho theo đúng phương pháp đã đăng ký áp dụng và phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán.

** Phương pháp tính giá thực tế đích danh :*

Theo phương pháp này, vật tư xuất thuộc lô nào theo giá nào thì được tính theo đơn giá đó. Phương pháp này thường được áp dụng cho những doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Ưu điểm : Xác định được chính xác giá vật tư xuất làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại.

Nhược điểm: Trong trường hợp đơn vị có nhiều mặt hàng, nhập xuất thường xuyên thì khó theo dõi và công việc của kế toán chi tiết vật liệu sẽ rất phức tạp.

** Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ:*

- Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá tính bình quân. Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả vật tư hàng hoá khi nhập, xuất kho. Công thức tính:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{vật liệu xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng thực tế} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá thực} \\ \text{tế bình quân} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \end{array} = \frac{\text{Trị giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế vật liệu nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật liệu nhập trong kỳ}}$$

Trong đó: Đơn giá bình quân được xác định cho từng thứ vật tư

- Đơn giá bình quân có thể được xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ. Với cách tính này khối lượng công việc tính toán sẽ giảm bớt nhưng thông tin sẽ không được cung cấp kịp thời vì chỉ tính được trị giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho vào thời điểm cuối kỳ.

- Đơn giá bình quân có thể được xác định sau mỗi lần nhập được gọi là đơn giá bình quân liên hoàn. Với cách tính này khối lượng công việc tính toán sẽ nhiều nhưng sẽ đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, phương pháp này thích hợp với doanh nghiệp áp dụng kế toán máy.

** Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO) :*

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và đơn giá của hàng nhập trước sẽ được dùng làm đơn giá để tính cho hàng xuất trước. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.

Ưu điểm : Cho phép kế toán có thể tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời, phương pháp này cung cấp một sự ước tính hợp lý về giá trị vật liệu cuối kỳ. Trong thời kỳ lạm phát phương pháp này sẽ cho lợi nhuận cao do đó có lợi cho các công ty cổ phần khi báo cáo kết quả hoạt động trước các cổ động làm cho giá cổ phiếu của công ty tăng lên.

Nhược điểm : Các chi phí phát sinh hiện hành không phù hợp với doanh thu phát sinh hiện hành. Doanh thu hiện hành có được là do các chi phí nguyên vật liệu nói riêng và hàng tồn kho nói chung vào kho từ trước. Như vậy chi phí kinh doanh của doanh nghiệp không phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu.

** Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO) :*

Theo phương pháp này, nguyên vật liệu được tính giá thực tế xuất kho trên cơ sở giả định vật liệu nào nhập sau được sử dụng trước và tính theo đơn giá của lần nhập sau. Phương pháp này cũng được áp dụng đối với doanh nghiệp ít danh điểm vật tư và số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều. Phương pháp này thích hợp trong thời kỳ giảm phát.

Ưu điểm : Đảm bảo nguyên tắc doanh thu hiện tại phù hợp với chi phí hiện tại. Chi phí của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu. Làm cho thông tin về thu nhập và chi phí của doanh nghiệp trở nên chính xác hơn. Tính theo phương pháp này doanh nghiệp thường có lợi về thuế nếu giá cả vật tư có xu hướng tăng, khi đó giá xuất sẽ lớn, chi phí lớn dẫn đến lợi nhuận nhỏ và tránh được thuế.

Nhược điểm : Phương pháp này làm cho thu nhập thuần của doanh nghiệp giảm trong thời kỳ lạm phát và giá trị vật liệu có thể bị đánh giá giảm trên bảng cân đối kế toán so với giá trị thực của nó.

Ngoài 4 phương pháp trên theo chuẩn mực quy định, thực tế các doanh nghiệp còn có thể sử dụng *phương pháp hạch toán (Hệ số giá)*:

Hiện nay thực tế nhiều doanh nghiệp không áp dụng xác định trị giá vật liệu xuất kho theo cách trên mà áp dụng giá hạch toán để tính toán nhằm giảm bớt khối lượng công việc hàng ngày.

Giá hạch toán nguyên vật liệu là giá do doanh nghiệp tự quy định và được sử dụng thống nhất ở doanh nghiệp trong thời gian dài. Hàng ngày kế toán sẽ sử dụng giá hạch toán để ghi sổ chi tiết giá trị nguyên vật liệu nhập xuất tồn, cuối kỳ kế toán phải tính hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của nguyên vật liệu để tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng trong kỳ để ghi sổ tổng hợp theo công thức:

$$\text{Hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của NVL} = \frac{\text{Giá thực tế của NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá thực tế của NVL nhập kho trong kỳ}}{\text{Giá hạch toán của NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá hạch toán của NVL nhập kho trong kỳ}}$$

$$\text{Giá thực tế của NVL xuất dùng trong kỳ} = \text{Giá hạch toán của NVL xuất dùng trong kỳ} \times \text{Hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của NVL}$$

Trên đây là các cách tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo giá vốn thực tế và theo giá hạch toán. Tùy theo tình hình thực tế của từng doanh nghiệp khác nhau về tính chất ngành nghề sản xuất, yêu cầu quản lý và sử dụng vật liệu, trình độ của cán bộ công nhân viên mà các cách đánh giá trên sẽ được áp dụng cho phù hợp.

1.2. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu :

1.2.1. Hệ thống chứng từ kế toán sử dụng :

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chứng từ kế toán nguyên vật liệu bao gồm:

- 1- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- 2- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)

- 3- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 03-VT)
- 4- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04-VT)
- 5- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 05-VT)
- 6- Bảng kê mua hàng (Mẫu 06-VT)
- 7- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (Mẫu 07-VT)
- 8- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01GTGT-3LL)
- 9- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02GTGT-3LL)
- 10- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03P XK-3LL)

Tùy vào đặc điểm sản xuất của từng doanh nghiệp mà các doanh nghiệp lựa chọn hình thức chứng từ sao cho thuận tiện khoa học. Mọi chứng từ phải được lập đầy đủ, kịp thời theo quyết định ban hành về mẫu biểu nội dung, phải tổ chức luân chuyển theo trình tự, người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Sau đây là một vài mẫu chứng từ, sổ sách kế toán nguyên vật liệu

- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu S10-DN)
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu S11-DN)
- Thẻ kho (Sổ kho) (Mẫu S12-DN)

1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu :

1.2.2.1. Hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song:

➤ Nội dung :

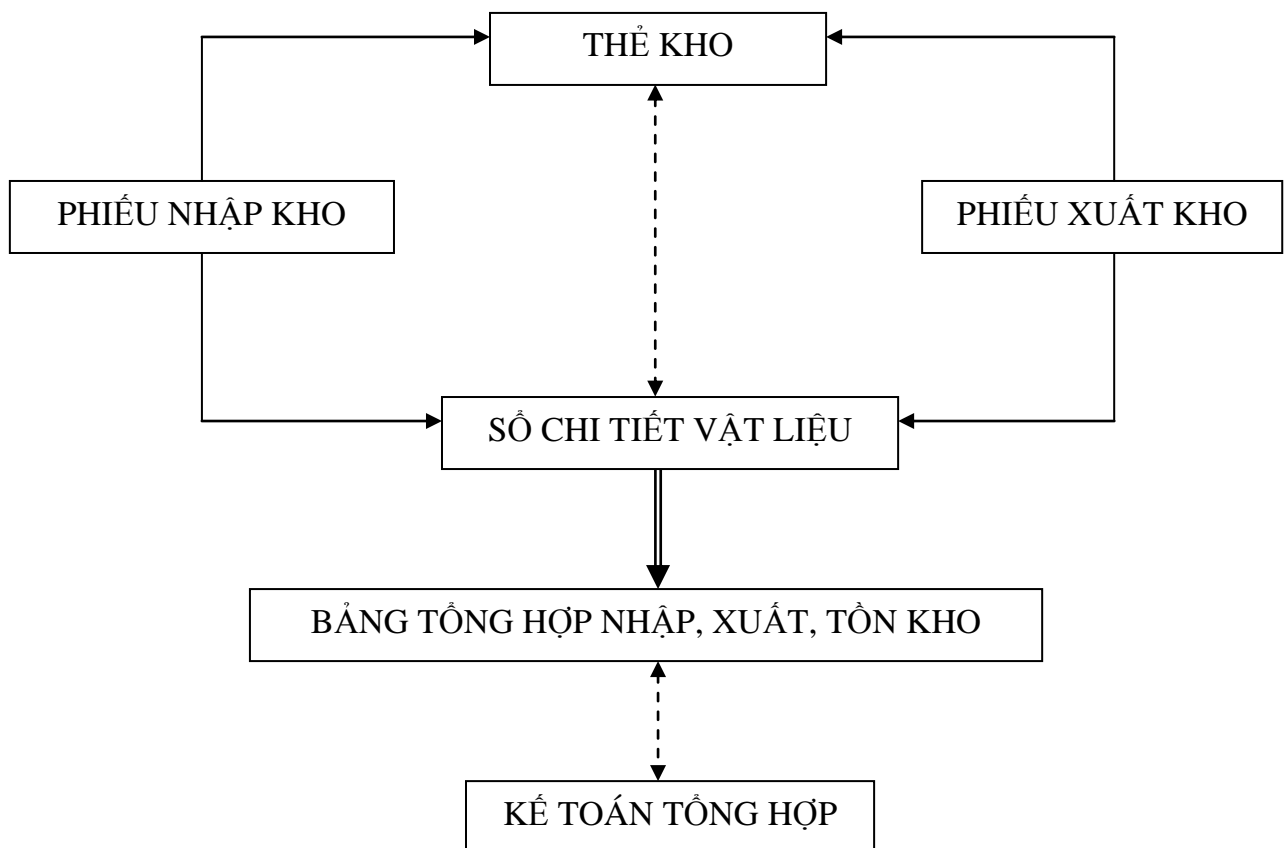
- Ở kho: Thủ kho sử dụng “thẻ kho” để ghi chép hàng ngày tình hình nhập xuất tồn kho của từng thứ vật liệu theo chỉ tiêu số lượng. Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép các số thực nhập, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho, cuối ngày tính ra số tồn kho trên thẻ kho. Định kỳ thủ kho gửi các chứng từ nhập xuất cho kế toán đã được phân loại theo từng thứ vật liệu.

- Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng các sổ chi tiết vật liệu để ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho của từng thứ vật liệu theo cả chỉ tiêu số lượng và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được chứng từ nhập xuất vật liệu do thủ kho gửi lên, kế toán phải tiến hành kiểm tra lại chứng từ, xác định giá trị hoàn chỉnh chứng từ và phản ánh vào các sổ chi tiết vật liệu, mỗi chứng từ được ghi một dòng

☞ Cuối tháng, căn cứ vào các sổ chi tiết vật liệu để lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu và tiến hành so sánh số liệu giữa:

- Sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho của thủ kho
 - Đối chiếu số liệu dòng tổng cộng trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn với sổ kế toán tổng hợp
 - Đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê thực tế.
- *Ưu điểm:* Ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu
- *Nhược điểm:* Trùng lặp giữa kế toán và kho về mặt số lượng
- *Điều kiện áp dụng:* Thích hợp với doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, việc nhập xuất diễn ra không thường xuyên. Tuy nhiên nếu trong điều kiện doanh nghiệp đã áp dụng kế toán máy thì phương pháp này vẫn áp dụng vào những doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu.
- ☞ Phương pháp này có khuynh hướng ngày càng được áp dụng rộng rãi bởi tính thuận tiện của nó cũng như việc áp dụng kế toán máy ngày càng được phổ biến trong các doanh nghiệp.

Sơ đồ 1.1. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối tháng
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu

1.2.2.2. Hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển :

➤ **Nội dung:**

- *Ở kho:* Thủ kho vẫn sử dụng “thẻ kho” để ghi chép tình hình nhập xuất tồn của từng loại nguyên vật liệu về mặt số lượng.

- *Ở phòng kế toán:* Để theo dõi tình hình nhập xuất từng loại vật liệu cả về mặt lượng và mặt giá trị, kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển. Sổ đối chiếu luân chuyển được mở cho cả năm và được ghi chép 1 lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp những chứng từ nhập, xuất trong tháng, mỗi danh điểm vật liệu được ghi vào một dòng trên sổ.

Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho, kế toán sẽ tiến hành kiểm tra hoàn chỉnh chứng từ, tiến hành phân loại theo từng loại vật liệu riêng hoặc có thể lập “bảng kê nhập” và “bảng kê xuất”.

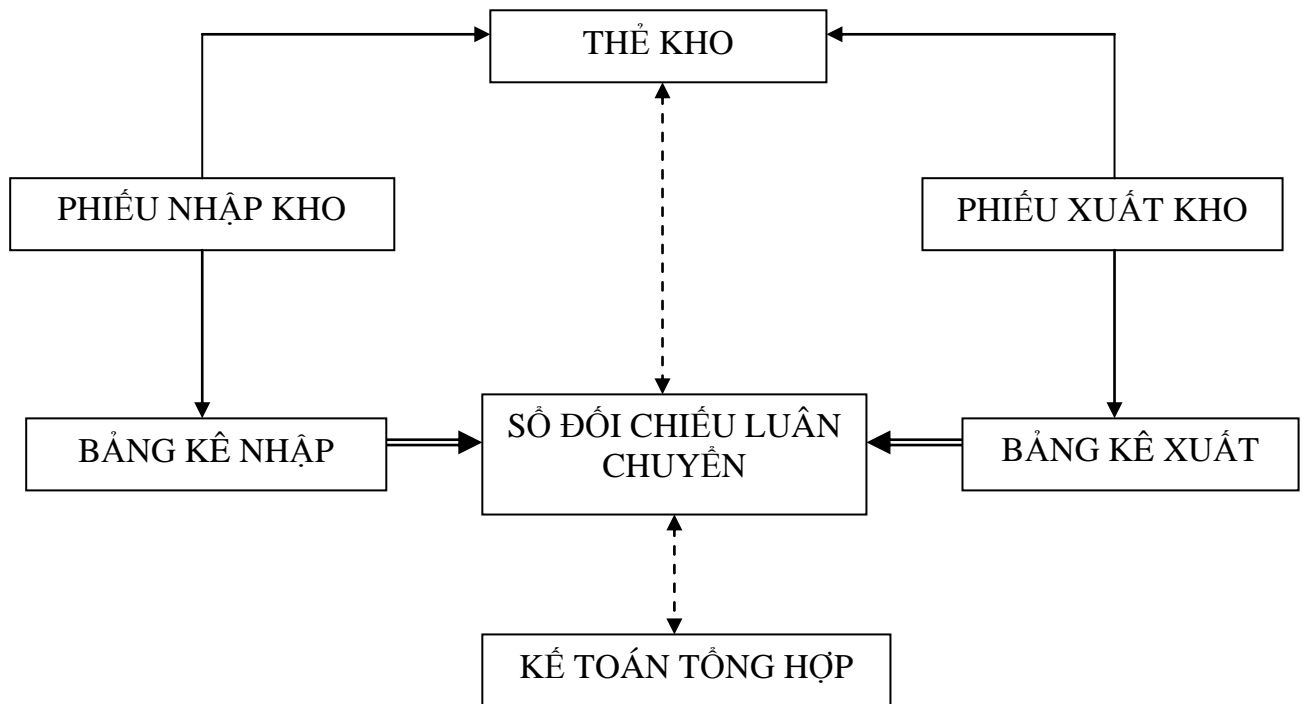
☞ Cuối tháng, tập hợp số liệu từ các chứng từ hoặc bảng kê ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển và tính ra số tồn cuối tháng. Tiến hành đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

- *Ưu điểm:* Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi 1 lần vào cuối tháng.

- *Nhược điểm:* Phương pháp này vẫn trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng. Việc kiểm tra số lượng chỉ được tiến hành vào cuối tháng do vậy hạn chế tác dụng kiểm tra của kế toán.

- *Điều kiện áp dụng:* Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép tình hình nhập xuất hàng ngày. Phương pháp này ít được sử dụng trong thực tế.

Sơ đồ 1.2. Hạch toán chi tiết vật liệu phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==→ Ghi cuối tháng
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu

1.2.2.3. Hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp ghi sổ số dư :

➤ **Nội dung:**

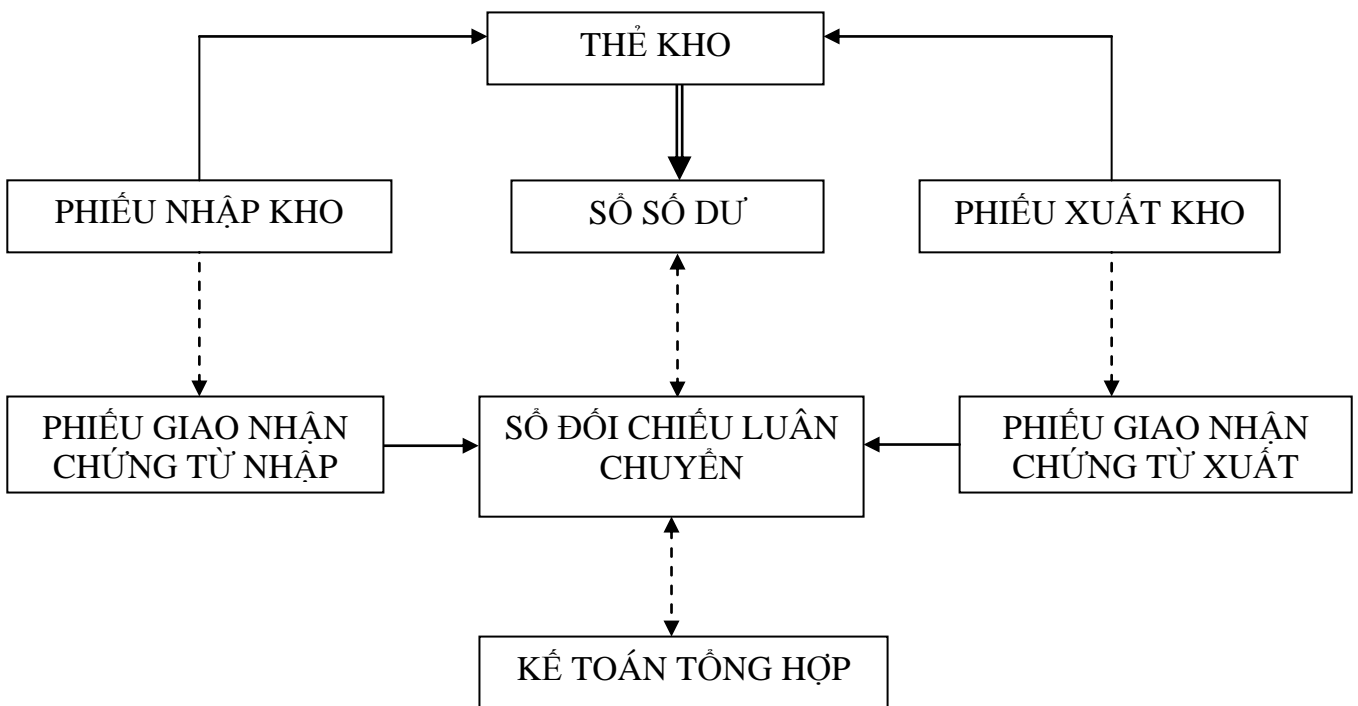
- Ở kho: Thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho theo chỉ tiêu số lượng của từng loại vật liệu. Định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập kho, xuất kho phát sinh theo từng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm quy định. Sau đó, lập phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho kế toán viên kèm theo các chứng từ nhập, xuất kho vật liệu, dụng cụ, sản phẩm. Ngoài ra, thủ kho còn phải ghi số lượng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm tồn kho cuối tháng theo từng danh điểm vào sổ số dư.

- Ở phòng kế toán: Kế toán định kỳ xuống kho hướng dẫn và kiểm tra lại việc ghi chép trên thẻ kho của thủ kho và thu nhận chứng từ nhập xuất kho. Khi nhận được chứng từ, nhân viên kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ và tổng cộng số tiền và ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ. Đồng thời,

ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm vật liệu, dụng cụ, sản phẩm (nhập riêng, xuất riêng) vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn kho.

Tiếp đó, cộng số tiền nhập, xuất trong tháng và dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm vật liệu, dụng cụ, sản phẩm. Số dư này được dùng để đối chiếu với cột “số tiền” trên sổ số dư (số liệu trên sổ số dư do sổ kế toán vật tư tính bằng cách lấy số lượng tồn kho \times giá hạch toán).

Sơ đồ 1.3. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi định kỳ
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

- Ưu điểm:

• Phương pháp này sẽ giúp giảm bớt được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi theo chỉ tiêu số tiền và theo nhóm vật liệu.

• Đã kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán nghiệp vụ và hạch toán kế toán. Kế toán đã thực hiện được việc kiểm tra thường xuyên việc ghi chép và bảo quản trong kho của thủ kho.

- Khối lượng công việc được giàn đều trong tháng.

- *Nhược điểm:*

- Kế toán chưa theo dõi chi tiết đến từng thứ vật liệu nên để thông tin về tình hình nhập xuất tồn của từng loại vật liệu thì phải căn cứ vào thẻ kho.

- Việc kiểm tra phát hiện sai sót giữa phòng kế toán và kho là phức tạp.

- *Điều kiện áp dụng:*

- Đối với doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật liệu, việc nhập xuất diễn ra thường xuyên.

- Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống giá hạch toán và xây dựng được hệ thống danh điểm vật liệu hợp lý. Các cán bộ kế toán có trình độ chuyên môn vững vàng.

1.2.3. Kế toán tổng hợp NVL :

1.2.3.1. Hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên :

➤ Nội dung và các tài khoản sử dụng:

- **Nội dung :**

- Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Phương pháp này được sử dụng phổ biến ở nước ta vì những tiện ích của nó như: độ chính xác cao, cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời cập nhật.

- Theo phương pháp này, kế toán có thể theo dõi số lượng nhập xuất tồn kho của từng loại nguyên vật liệu và trị giá vốn thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho trên tài khoản sổ kế toán được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kế toán.

- **Các tài khoản kế toán sử dụng :**

TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động về các loại nguyên, vật liệu của doanh nghiệp theo giá trị vốn thực tế (Có thể mở chi tiết cho từng loại, nhóm thứ vật liệu)

Tùy theo yêu cầu quản lý của từng loại doanh nghiệp TK152 có thể mở các tài khoản cấp 2 chi tiết như sau :

TK 1521 : Nguyên vật liệu chính

TK 1522 : Vật liệu phụ

TK 1523 : Nhiên liệu

TK 1524 : Phụ tùng thay thế

TK 1525 : Thiết bị xây dựng cơ bản

TK 1528 : Vật liệu khác

*** Kết cấu và nội dung phản ánh của TK152**

Bên Nợ :

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn liên doanh hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Bên Có :

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến, hoặc đưa đi góp vốn
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua
- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Số dư bên Nợ :

Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

TK 151 - Hàng mua đang đi đường

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá các loại nguyên vật liệu mua ngoài mà DN đã mua đã chấp nhận thanh toán và thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng chưa về nhập kho của doanh nghiệp, còn đang đi trên đường vận chuyển ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho hoặc hàng đi đường tháng trước tháng này nhập kho.

*** Kết cấu và nội dung phản ánh của TK151**

Bên Nợ :

- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư mua đang đi đường cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng hóa tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Bên Có :

- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng

- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng hóa tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Số dư bên Nợ :

Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (Chưa về nhập kho đơn vị)

TK 331 - Phải trả người bán. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

TK 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ của các ngành công nghiệp, xây lắp, nông lâm ngư nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, kinh doanh khách sạn, du lịch, dịch vụ khác.

TK 627 - Chi phí sản xuất chung. Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh chung phát sinh ở phân xưởng, bộ phận, đội, công trường ... phục vụ sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ.

TK 641 - Chi phí bán hàng

TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

TK 142 - Chi phí trả trước ngắn hạn

TK 241 - Chi phí xây dựng dở dang

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản như TK 111, TK 112, TK 141, TK 138...

★ *Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:*

▪ Khi mua nguyên liệu, vật liệu về nhập kho của đơn vị, căn cứ hóa đơn, phiếu nhập kho và các chứng từ có liên quan phản ánh giá trị nguyên liệu, vật liệu nhập kho ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có các TK 111,112,141,331,... (Tổng giá thanh toán).

▪ Trường hợp mua nguyên liệu, vật liệu được hưởng chiết khấu thương mại thì phải ghi giảm giá gốc nguyên liệu, vật liệu đã mua đối với khoản chiết khấu thương mại thực tế được hưởng, ghi:

Nợ các TK 111,112,331...

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

▪ Trường hợp nguyên liệu, vật liệu mua về nhập kho nhưng đơn vị phát hiện không đúng quy cách, phẩm chất theo hợp đồng ký kết phải trả lại người bán hoặc được giảm giá, kế toán phản ánh giá trị hàng mua xuất kho trả lại hoặc được giảm giá, ghi:

Nợ các TK 111,112,331...

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

▪ Trường hợp doanh nghiệp đã nhận được hoá đơn mua hàng nhưng nguyên liệu, vật liệu chưa về nhập kho đơn vị thì kế toán lưu hoá đơn vào tập hồ sơ riêng “Hàng mua đang đi đường”.

▪ Nếu trong tháng hàng về thì căn cứ vào hoá đơn, phiếu nhập kho để ghi vào Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”.

▪ Nếu đến cuối tháng nguyên liệu, vật liệu vẫn chưa về thì căn cứ vào hoá đơn (trường hợp nguyên liệu, vật liệu dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ), kế toán ghi:

Nợ TK 151 - Hàng mua đang đi đường

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả người bán; hoặc

Có các TK 111,112,141,...

Sang tháng sau, khi nguyên liệu, vật liệu về nhập kho, căn cứ vào hoá đơn và phiếu nhập kho, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 151 - Hàng mua đang đi đường

▪ Khi trả tiền người bán, nếu được hưởng chiết khấu thanh toán, thì khoản chiết khấu thanh toán thực tế được hưởng được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Chiết khấu thanh toán).

▪ Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh vào giá gốc nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu theo giá có thuế nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá có thuế nhập khẩu)

Có TK 331 - Phải trả người bán

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu)

Đồng thời phản ánh thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312 - Thuế GTGT hàng nhập khẩu)

- Nếu nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thì số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp được phản ánh vào giá gốc nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá có thuế TTĐB của hàng nhập khẩu)

Có TK 331 - Phải trả người bán

Có TK 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt

▪ Các chi phí thu mua, bốc xếp, vận chuyển nguyên liệu, vật liệu từ nơi mua về kho doanh nghiệp, trường hợp nguyên liệu, vật liệu mua về dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có các TK 111,112,141,331,...

▪ Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập kho do thuê ngoài gia công, chế biến:

- Khi xuất nguyên liệu, vật liệu đưa đi gia công, chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

- Khi phát sinh chi phí thuê ngoài gia công, chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có các TK 111,112,141,331,...

- Khi nhập lại kho số nguyên liệu, vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến xong, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

- Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập kho do tự chế:

- Khi xuất kho nguyên liệu, vật liệu nhập kho do tự chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

- Khi nhập kho nguyên liệu, vật liệu nhập kho do tự chế biến, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

- Đối với nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê đã xác định được nguyên nhân thì căn cứ nguyên nhân thừa để ghi sổ, nếu chưa xác định được nguyên nhân thì căn cứ vào giá trị nguyên liệu, vật liệu thừa ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 338 - Phải trả phải nộp khác (3381 - Tài sản thừa chờ giải quyết)

- Khi có quyết định xử lý nguyên liệu, vật liệu thừa khi phát hiện trong kiểm kê, căn cứ quyết định xử lý, ghi:

Nợ TK 338 - Phải trả phải nộp khác (3381)

Có tài khoản khác có liên quan

- Nếu xác định ngay khi kiểm kê số nguyên liệu, vật liệu thừa là của các đơn vị khác khi nhập kho chưa ghi tăng TK 152 thì không ghi vào bên Có Tài khoản 338 (3381) mà ghi vào bên Nợ Tài khoản 002 “Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công”. Khi trả lại nguyên liệu, vật liệu cho đơn vị kế toán khác ghi vào bên Có Tài khoản 022 (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).

- Khi xuất kho nguyên liệu, vật liệu sử dụng vào sản xuất, kinh doanh, ghi:

Nợ TK 621 - Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

Nợ TK 326,627,641,642....

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

- Xuất nguyên liệu, vật liệu sử dụng cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sửa chữa lớn TSCĐ, ghi:

Nợ TK 241 - Xây dựng cơ bản

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

- Đối với nguyên liệu, vật liệu đưa đi góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

- Khi nguyên liệu, vật liệu đưa đi góp vốn liên doanh, ghi:

Nợ TK 222 - Vốn góp liên doanh (Theo giá đánh giá lại)

Nợ TK 811 - Chi phí khác (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại nhỏ hơn giá trị ghi sổ)

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Theo giá trị ghi sổ)

Có TK 711 - Thu nhập khác (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ của nguyên liệu, vật liệu tương ứng với phần lợi ích của các bên khác trong liên doanh)

Có TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ của nguyên liệu, vật liệu tương ứng với phần lợi ích của mình trong liên doanh).

- Khi cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đã bán thành phẩm sản xuất bằng nguyên liệu, vật liệu nhận góp vốn, hoặc bán số nguyên liệu, vật liệu đó cho bên thứ ba độc lập, bên góp vốn liên doanh kết chuyển phần doanh thu chưa thực hiện vào thu nhập khác trong kỳ, ghi:

Nợ TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện

Có TK 711 - Thu nhập khác

- Khi xuất nguyên liệu, vật liệu đưa đi góp vốn vào công ty liên kết, ghi:

Nợ TK 223 - Đầu tư vào công ty liên kết (Theo giá đánh giá lại)

Nợ TK 811 - Chi phí khác (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại nhỏ hơn giá trị ghi sổ)

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Theo giá trị ghi sổ)

Có TK 711 - Thu nhập khác (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ)

- Đối với nguyên liệu, vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê:

Mọi trường hợp thiếu hụt nguyên liệu, vật liệu trong kho hoặc tại nơi quản lý, bảo quản phát hiện khi kiểm kê phải lập biên bản và truy tìm nguyên nhân, xác định người nhận lỗi. Căn cứ vào biên bản kiểm kê và quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền để ghi sổ kế toán:

- Nếu do nhầm lẫn hoặc chưa ghi sổ phải tiến hành ghi bổ sung hoặc điều chỉnh lại số liệu trên sổ kế toán;

- Nếu giá trị nguyên liệu, vật liệu hao hụt nằm trong phạm vi hao hụt cho phép (Hao hụt vật liệu trong định mức), ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

- Nếu số hao hụt, mất mát chưa xác định rõ nguyên nhân phải chờ xử lý căn cứ vào giá trị hao hụt, ghi:

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý)

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

- Khi có quyết định xử lý, căn cứ vào quyết định, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (Người phạm lỗi nộp tiền bồi thường)

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (Phải thu tiền bồi thường của người phạm lỗi)

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (Nếu trừ vào tiền lương của người phạm lỗi)

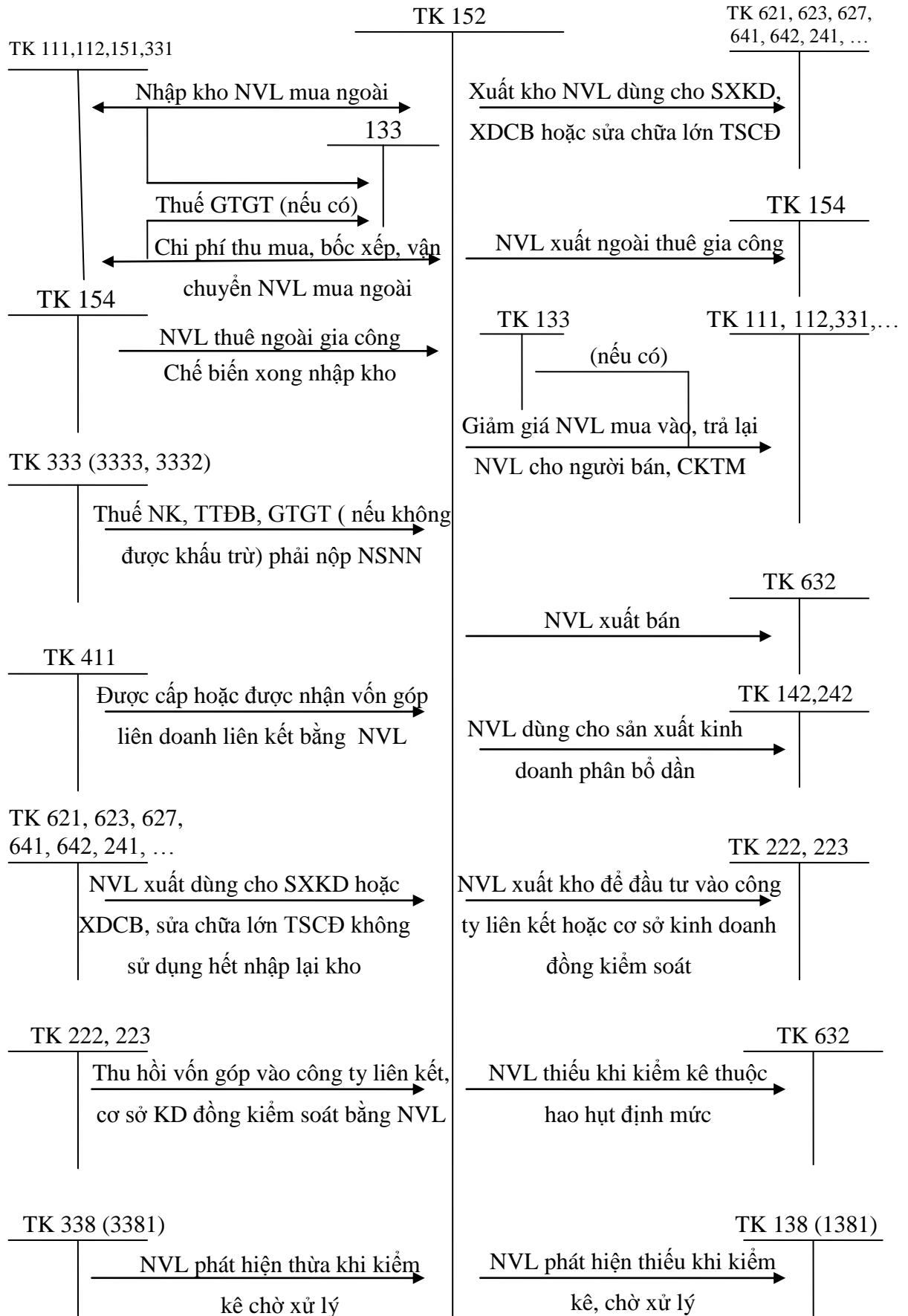
Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Phần giá trị hao hụt, mất mát nguyên liệu, vật liệu còn lại phải tính vào giá vốn hàng bán)

Có TK 138 - Phải thu khác (1381- Tài sản thiếu chờ xử lý).

★ *Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:*

Đối với các nghiệp vụ kế toán hạch toán tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cũng giống như phương pháp khấu trừ, nhưng chỉ khác ở chỗ giá mua vào của nguyên liệu, vật liệu nhập kho bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá phải trả cho nhà cung cấp).

Sơ đồ 1.4. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.2.3.2. Hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ :

➤ **Nội dung và tài khoản sử dụng :**

• **Nội dung :**

- Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập, xuất, tồn kho của nguyên vật liệu trên các tài khoản hàng tồn kho. Các tài khoản này chỉ phản ánh trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ hoặc cuối kỳ.

- Trị giá vốn thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên “Tài khoản mua hàng”.

- Việc xác định trị giá vốn thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ để tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{r} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{của NVL xuất} \\ \text{kho trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{của NVL tồn} \\ \text{kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Trị giá thực} \\ \text{tế của NVL} \\ \text{nhập trong} \\ \text{kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{của NVL tồn} \\ \text{kho cuối kỳ} \end{array}$$

- Phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá với quy cách mẫu mã khác nhau, giá trị thấp và được xuất thường xuyên.

- Phương pháp kiểm kê định kỳ có ưu điểm là giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán nhưng độ chính xác về vật tư, hàng hoá xuất dùng cho các mục đích khác nhau phụ thuộc vào công tác quản lý tại kho, quầy, bến bãi.

• **Tài khoản kế toán sử dụng :**

Kế toán tổng hợp tình hình nhập, xuất nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ sử dụng:

TK 152- Nguyên liệu, vật liệu. Tài khoản này không phản ánh tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu trong kỳ mà chỉ dùng để kết chuyển trị giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ và đầu kỳ (Kết cấu và nội dung phản ánh đã nêu ở trên)

TK 151 - Hàng mua đang đi đường (Kết cấu và nội dung phản ánh đã nêu ở trên)

TK 611 - Mua hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ. Kết cấu của tài khoản:

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá gốc nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê)

- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu mua vào trong kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá gốc nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê)

- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu xuất sử dụng trong kỳ.

- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu mua vào trả lại người bán hoặc được giảm giá.

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra, cũng giống như phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp kiểm kê định kỳ cũng sử dụng thêm một số tài khoản như: TK 111, TK 112, TK 128, TK 621, TK 641, TK642....

★ *Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ:*

1. Đầu kỳ, kết chuyển trị giá nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng

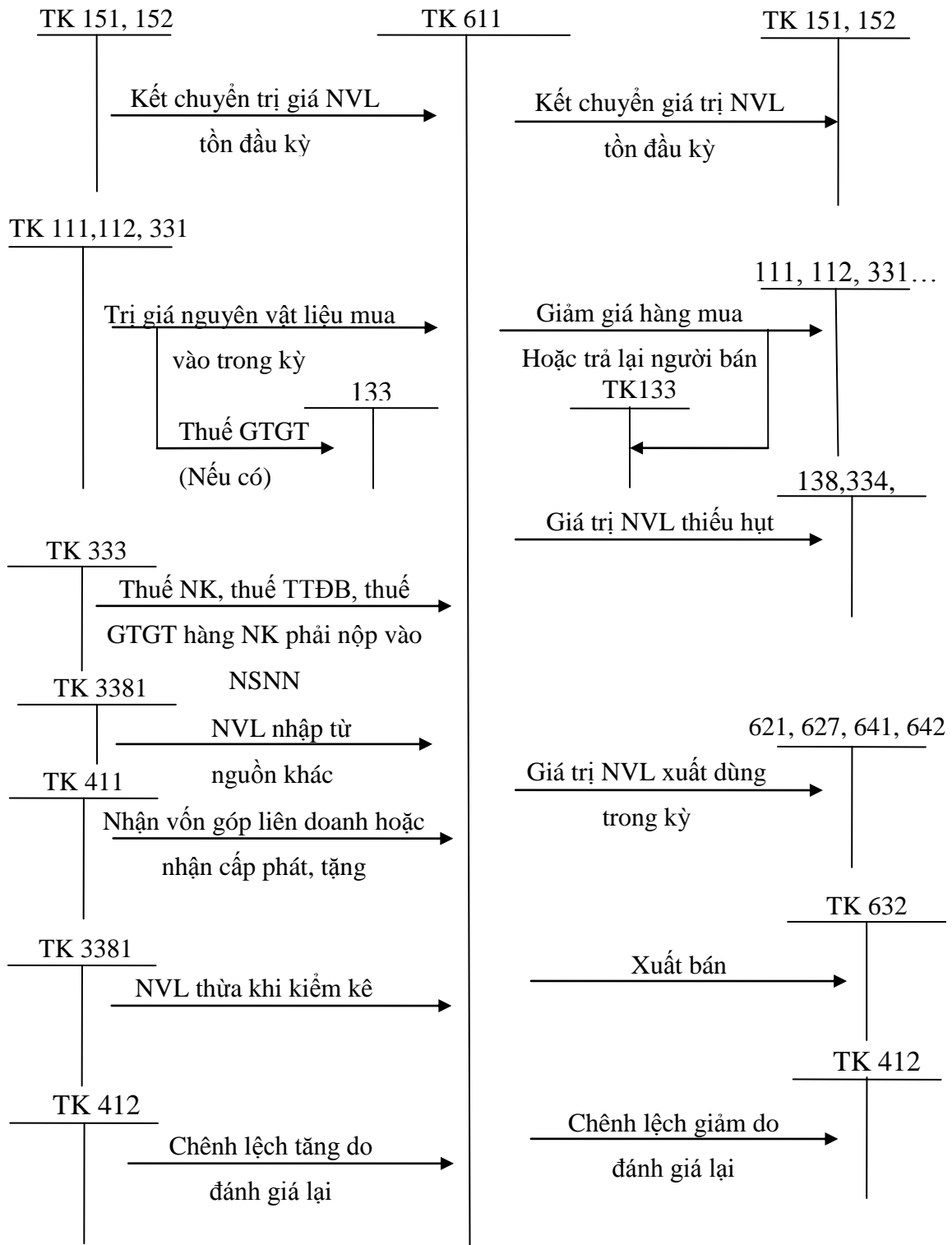
Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

2. Cuối kỳ, căn cứ vào kết quả kiểm kê xác định giá trị nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 611 - Mua hàng.

Sơ đồ 1.5. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.3. Tổ chức sổ kế toán :

Hiện nay, doanh nghiệp sử dụng rất nhiều hình thức kế toán nhưng chủ yếu là các hình thức kế toán sau :

- Hình thức kế toán nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán nhật ký chung
- Hình thức kế toán nhật ký sổ cái

Mỗi hình thức kế toán có ưu nhược điểm riêng và các điều kiện áp dụng cho từng loại vùng doanh nghiệp. Tuy nhiên tùy thuộc vào đặc điểm sản xuất kinh doanh mà các doanh nghiệp có thể lựa chọn hình thức kế toán phù hợp với đơn vị mình để tự đó cung cấp những thông tin kế toán kịp thời, đầy đủ, đáng tin cậy giúp cho việc quản lý và ra quyết định của giám đốc.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung :

1.3.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung :

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- *Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;*
- *Sổ Cái;*
- *Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.*

1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung (Sơ đồ 1.6)

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản

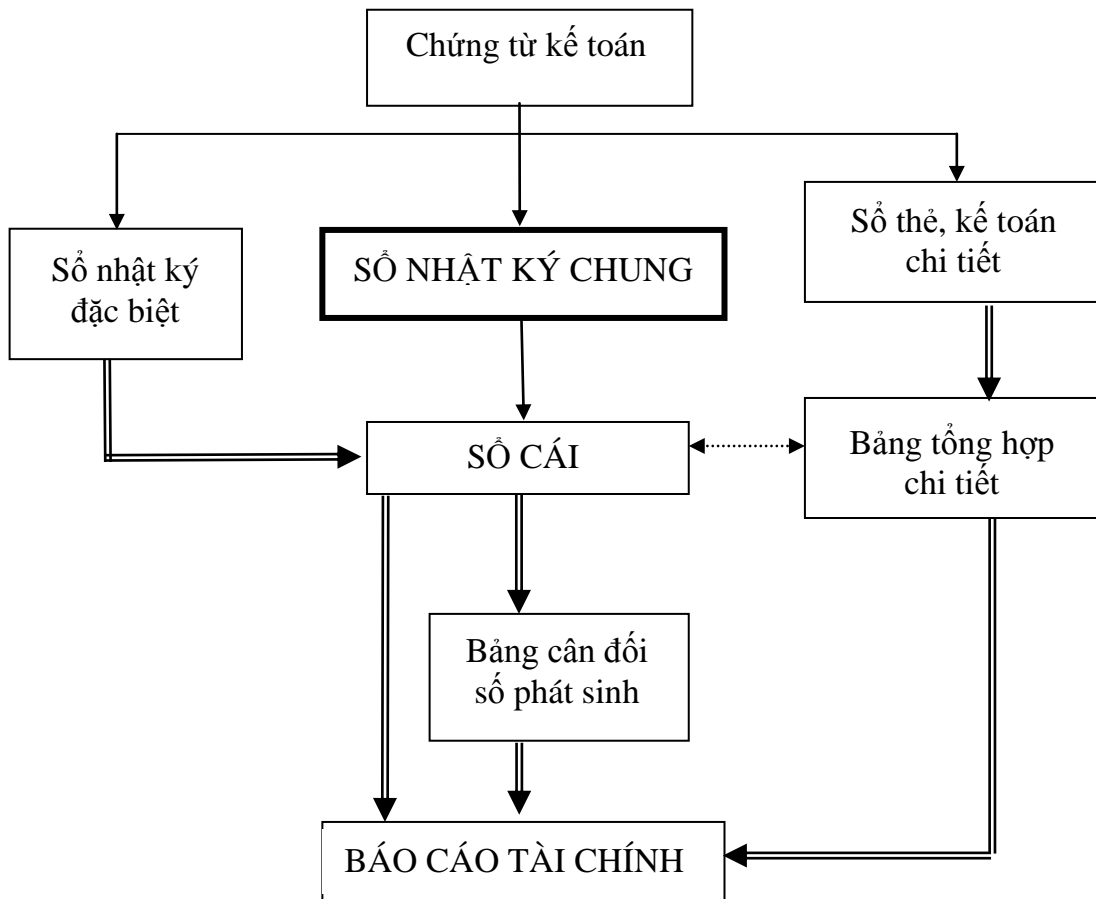
phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

Sơ đồ 1.6 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi định kì (cuối tháng, cuối quý) \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái :

1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái :

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

1.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái (Sơ đồ 1.7)

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

(3) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

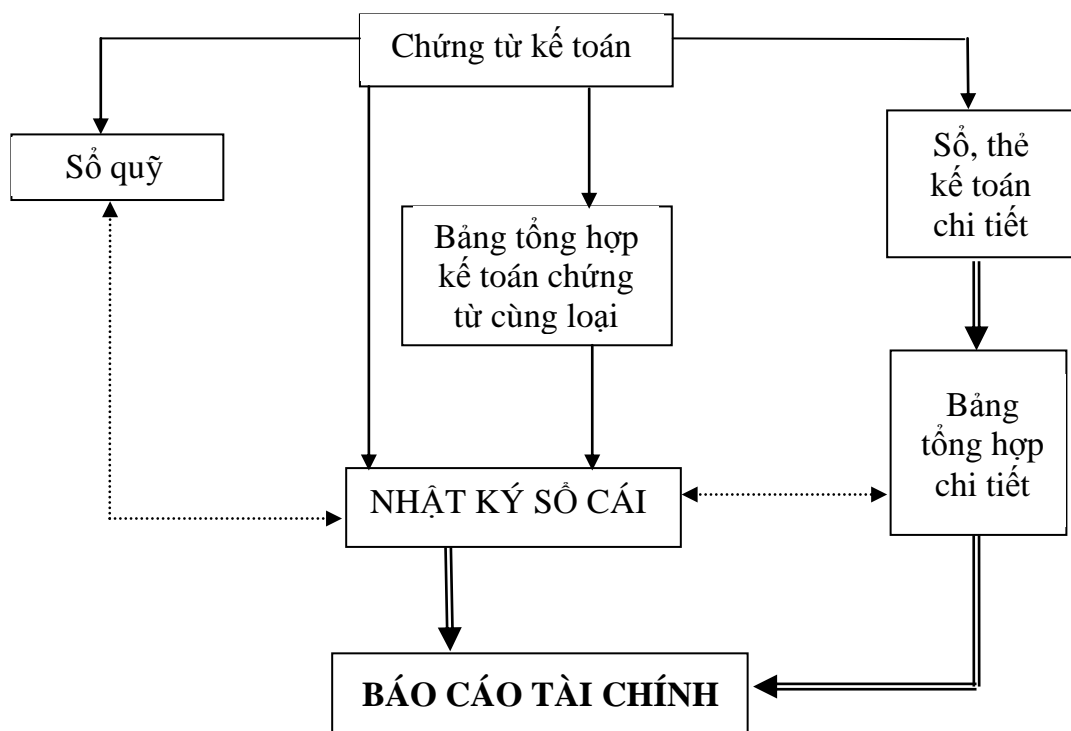
$$\begin{array}{rcc} \text{Tổng số tiền của cột} & & \text{Tổng số phát sinh} & & \text{Tổng số phát sinh} \\ \text{“Phát sinh” ở phần} & = & \text{Nợ của tất cả các} & = & \text{Có của tất cả các} \\ \text{Nhật ký} & & \text{Tài khoản} & & \text{Tài khoản} \end{array}$$

Tổng số dư Nợ các Tài khoản = Tổng số dư Có các tài khoản

(4) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khoá sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ :

1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ :

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ (Sơ đồ 1.8)

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

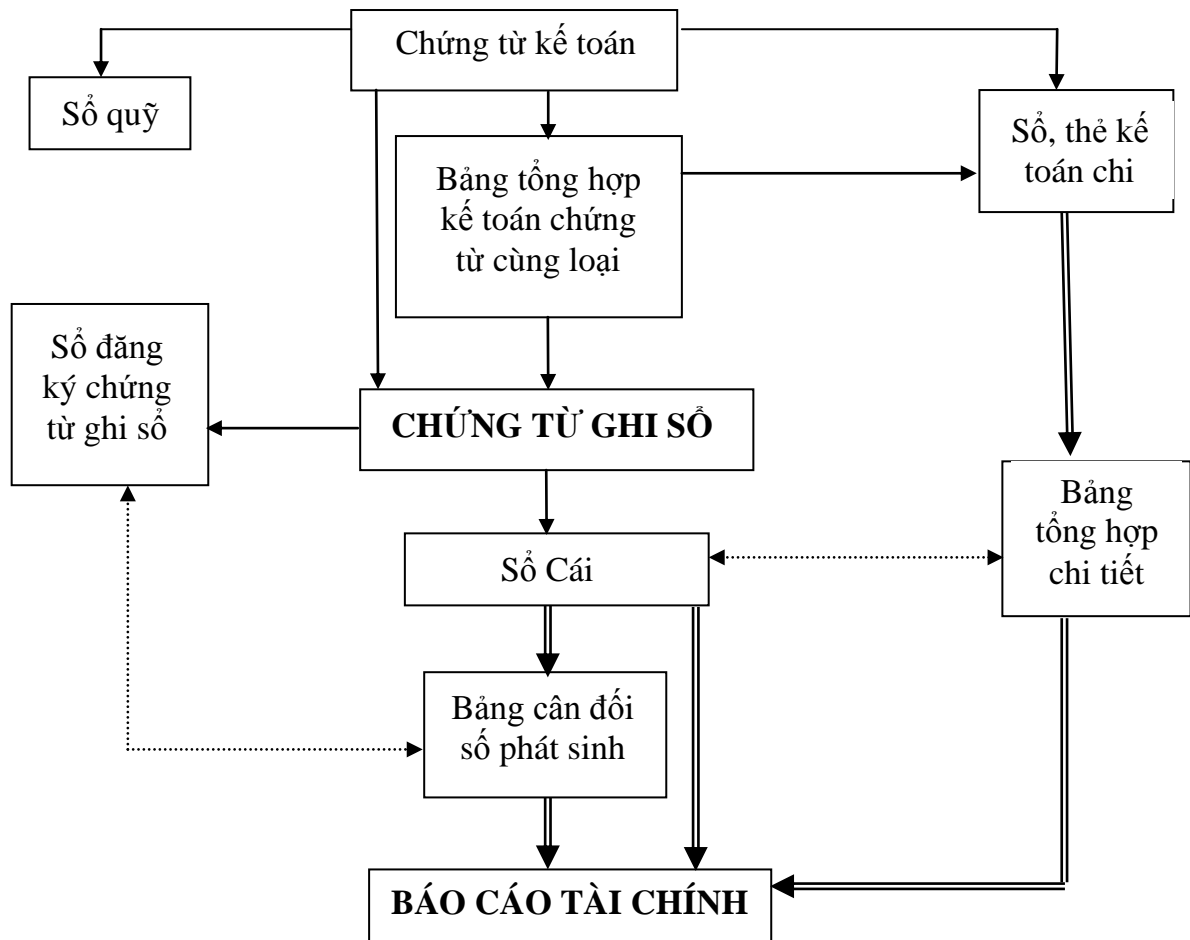
(2) Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng

nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.->

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ :

1.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ :

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ Cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

1.3.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ (Sơ đồ 1.9)

(1) Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan.

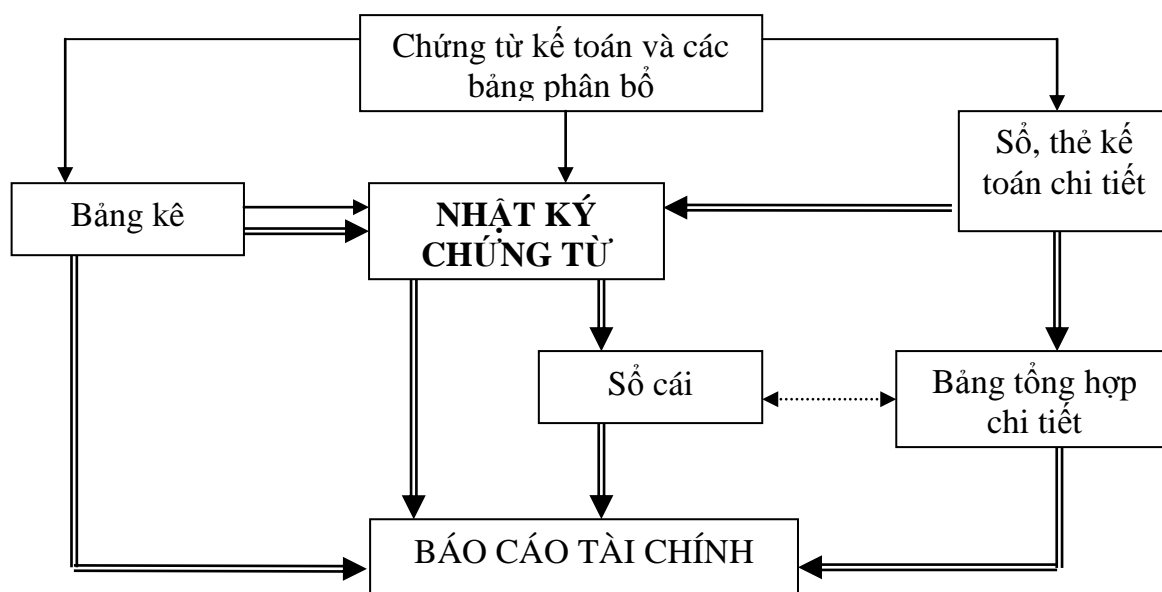
Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

(2) Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.

Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- Đối chiếu, kiểm tra

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính :

1.3.5.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính :

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng *không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay*.

1.3.5.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính (Sơ đồ 1.10)

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài

khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

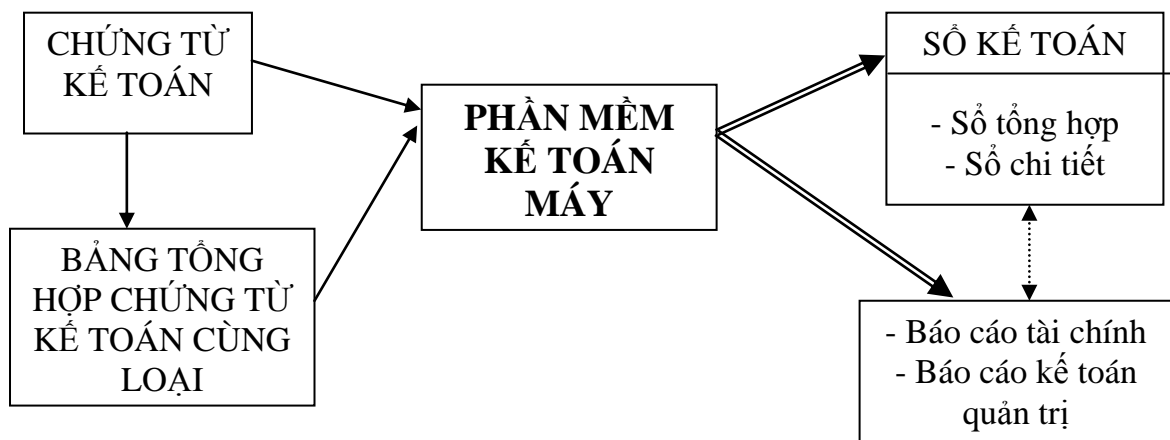
Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú :

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←-.-> Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY TAM BẠC

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Tam Bạc :

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP CNTT Tam Bạc :

Theo quyết định số 1189 TCCB – LD của Bộ trưởng bộ CNVT, Công ty cổ phần CNTT Tam Bạc được thành lập ngày 16/6/1993 với tên giao dịch : Tam Bac Ship yard, trụ sở chính đặt tại số 157 đường Hạ Lý - Quận Hồng Bàng – Thành phố Hải phòng.

Ngày 30/10/1955 là mốc son lịch sử đánh dấu sự ra đời của công ty, lịch sử của công ty gắn liền với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước và xây dựng CNXH của nhân dân thành phố Hải Phòng. Sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, yêu cầu về phương tiện giao thông vận tải rất cấp bách. Nhìn lại phương tiện vận tải mà ta tiếp thu được của giặc Pháp như tàu lai, tàu kéo, sà lan... thì không một phương tiện nào có thể sử dụng được. Trước những khó khăn và yêu cầu cấp bách trên, tháng 01/1975, Bộ GTVT quyết định thành lập 4 xưởng đóng tàu tại Hải Phòng lấy tên là xưởng 1, xưởng 2, xưởng 3, xưởng 4. Trong đó có xưởng Sacric là xưởng đóng tàu Ba (tên cũ của công ty).

Đến tháng 2 năm 1977, Bộ giao thông vận tải quyết định đổi tên xưởng đóng tàu Ba thành Nhà máy đóng tàu Tam Bạc (nay đã cổ phần hóa là Công ty cổ phần CNTT Tam Bạc)

Tháng 2/1977 đến 1984 Công ty Cổ phần CNTT Tam Bạc thuộc cục cơ khí Bộ GTVT.

Năm 1985 đến 1992 Công ty Cổ phần CNTT Tam Bạc thuộc liên hiệp các xí nghiệp cơ khí đóng tàu.

Tự năm 1993 đến 1995 Công ty Cổ phần CNTT Tam Bạc thuộc liên hiệp khoa học sản xuất đóng tàu - Bộ GTVT.

Từ năm 1996 đến nay công ty trực thuộc tổng công ty công nghiệp tàu thủy Việt Nam nay là Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Bộ GTVT. Hoà chung với xu thế hội nhập của nền kinh tế Thế Giới nói chung, nền kinh tế Việt Nam nói riêng, công ty đang có những bước chuyển mình lớn lao với nền kinh tế thị trường

Năm 1991, trong khi cả nước thành cao trào phá dỡ tàu cũ để xuất khẩu phế liệu thì Tam Bạc đã biết phát huy tay nghề của mình để sửa chữa các tàu cũ và xuất sang Trung Quốc. Hướng đi này đã giải quyết được việc làm cho công nhân đồng thời thêm lãi suất kinh doanh, thu về ngoại tệ.

Từ năm 1991 đến năm 1993, công ty đã có một bận hàng lớn đầy tiềm năng, đó là việc chế tạo phụ kiện cơ khí tàu thủy theo đơn đặt hàng của các nhà máy đóng tàu Nhật bản.

Năm 2006, Công ty cho ra đời tàu khách du lịch cao tốc hai thân vỏ nhôm hiện đại tầm cỡ quốc tế, có sức chở trên 200 khách, chạy với tốc độ 30 ÷ 32 hải lý/ giờ.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP CNTT Tam Bạc :

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY TAM BẠC.**
- Tên tiếng anh : **TAM BAC SHIPYARD**
- Trục thuộc : **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY BẠCH ĐĂNG**
- Địa chỉ : **Số 157 Đường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.**
- Điện thoại : **(84-31) 3669126, 3820534**
- Fax : **031 – 892898**
- Email : **tambac@vinashin.com.vn**
- Vốn điều lệ : **106.695.420.709 (VND)**
- Ngành nghề kinh doanh (theo giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 108162 ngày 07/7/1993 và bổ sung lần thứ I ngày 02/6/2005 do Trọng tài kinh tế Hải Phòng và Sở Kế hoạch - Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp).

* Ngành nghề kinh doanh chủ yếu :

- Đóng mới và sửa chữa tàu biển, tàu sông, tàu chuyên dụng, sà lan.
- Sản xuất phụ kiện cho đóng mới và sửa chữa tàu biển, tàu sông và xuất khẩu.
- Sản xuất, lắp dựng cấu kiện sắt thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng các cột anten truyền hình) sản xuất lắp dựng khung bằng thép (khung nhà, kho...)

2.1.3. Thuận lợi và khó khăn :

2.1.3.1. Thuận lợi :

+ Là một trong những công ty có lịch sử lâu đời nhất ở Hải Phòng. Công ty Cổ phần CNTT Tam Bạc có truyền thống và kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực

đóng tàu. Đặc biệt là các loại tàu kéo, tàu đẩy, tàu khách, tàu chuyên dụng, gia công kết cấu cơ khí...

+ Công ty có một đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, cán bộ quản lý, công nhân lâu năm trong nghề, giàu kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, tay nghề cao, đoàn kết thống nhất, có tinh thần tự lực, tự cường vượt qua mọi khó khăn. Đã làm nên những sản phẩm có chất lượng kỹ thuật, mỹ thuật tốt, giá thành hợp lý, có uy tín và tín nhiệm với khách hàng trong nước và nước ngoài.

+ Công ty đã tạo dựng, giữ vững quan hệ và lòng tin với khách hàng từ nhiều năm nay.

+ Ngoài ra, công ty còn có những sản phẩm truyền thống chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

+ Mặt bằng của công ty gần hệ thống giao thông thủy, bộ thuận tiện cho việc đóng, sửa chữa tàu và vận chuyển hàng hoá.

+ Công ty luôn đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân lao động, nâng cấp nhà cửa phục vụ quản lý, cải tạo nhà xưởng, môi trường làm việc

+ Doanh thu hàng năm của công ty tăng dần qua các năm tạo điều kiện cho công ty đạt được những mục tiêu lâu dài và thường xuyên.

2.1.3.2. Khó khăn :

+ Khó khăn về tài chính: Thiếu vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh, các khoản nợ còn thiếu. Bất kì một doanh nghiệp nào, muốn phát triển đều phải có tiềm năng về tài chính. Nhưng trên thực tế, công ty lại gặp phải khó khăn về vấn đề này. Vì vậy, làm thế nào để có được một số lượng vốn lớn để phát triển là một bài toán khó đối với công ty. Thêm vào đó, các chính sách lớn về vốn lưu động, lãi suất ngân hàng... của nhà nước còn nhiều bất cập, gây khó khăn trong việc vạch ra những biện pháp hữu hiệu trong việc xử lý những khó khăn về tài chính.

+ Khó khăn trong bộ máy quản lý: Bộ máy quản lý của công ty chưa gọn nhẹ, cơ cấu cán bộ quản lý điều hành còn nhiều bất cập, số kỹ sư chuyên ngành đóng tàu thiếu, số đông các kỹ sư tuổi trên 50, một số kỹ sư trình độ chưa đáp ứng yêu cầu của sản xuất hiện nay. Thợ đầu đàn ít, một số giữ bậc cao nhưng tay nghề chưa phản ánh đúng năng lực thực tế. Mặc dù phải huy động làm ngoài giờ nhiều nhưng thực tế năng suất lao động vẫn thấp.

+ Cơ sở vật chất và trang thiết bị : Mặt bằng nhà xưởng chật hẹp, thiết bị của công ty thiếu, cũ kỹ và lạc hậu không đáp ứng được điều kiện sản xuất kinh doanh

hiện nay. Các sản phẩm hiện nay, yêu cầu chất lượng cao, giá thành hạ, tiến độ phải nhanh. Điều này đã làm cho công ty không thể giành được những hợp đồng có hiệu quả cao của những chủ hàng có tiềm năng lớn.

+ Công ty nằm ở vị trí luồng lạch nhỏ, rất khó khăn cho việc đóng tàu lớn dẫn đến hạn chế việc liên doanh, liên kết với nước ngoài.

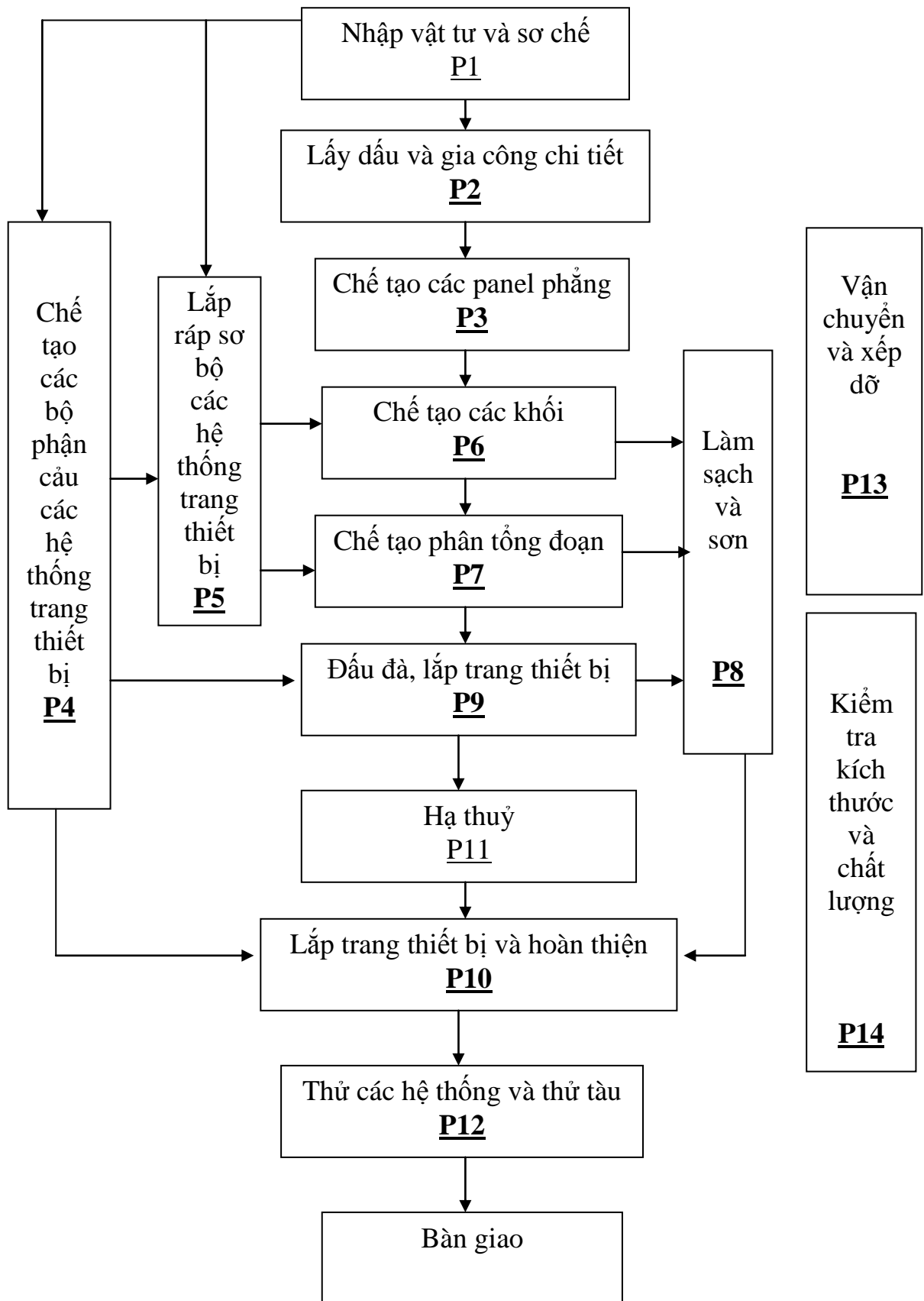
+ Hệ thống quản lý chất lượng của công ty chưa được nâng cấp, thương hiệu sản phẩm chưa được xây dựng.

2.1.4. Quy trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty CP CNTT Tam Bạc

Về công nghệ đóng mới, Công ty áp dụng theo công nghệ truyền thống phóng dạng, gia công lắp ráp khung xương bằng phương pháp lắp úp, lắp tổng thành trên triền, hạ thủy, lắp ráp máy chính, máy phụ, hệ thống điện, hệ thống nghi khí hàng hải, ...hoàn chỉnh bàn giao.

Bên cạnh đó công ty cũng áp dụng công nghệ sản xuất như công nghệ dập ép, vuốt sâu, xử lý bề mặt sơn, phun sơn phủ, phun ép nhựa, công nghệ gá lắp, gò hàn, lắp ráp và kiểm tra theo tiêu chuẩn Việt Nam, công nghệ đúc, uốn tôn, cán các loại thép hình, công nghệ hàn ghép các sản phẩm chịu áp lực.

Sơ đồ 2.1. Các công đoạn sản xuất của Công ty CP CNTT Tam Bạc



➤ **Tình hình sản xuất và vận hành của công ty :**

☞ **Nhập vật tư vào sơ chế**

Cung ứng nguyên vật liệu đầu vào là quá trình chuẩn bị các yếu tố đầu vào cần thiết phục vụ cho quá trình sản xuất. Một doanh nghiệp tổ chức tốt hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguyên vật liệu đầu vào. Biết kết hợp các yếu tố đó một cách định mức sẽ đem lại những kết quả cao, tránh lãng phí hay thiếu hụt ảnh hưởng đến tiến độ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đối với Công ty CP CNTT Tam Bạc, nhập vật tư chủ yếu của công ty là sắt và thép. Quá trình cung ứng nguyên vật liệu đầu vào gồm hai giai đoạn mua và dự trữ.

Để đảm bảo hiệu quả kinh doanh thì chất lượng của các yếu tố đầu vào là vô cùng quan trọng. Khi nhập vật tư vào sơ chế đều được kiểm tra chất lượng theo quy trình nghiêm ngặt, đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn, phù hợp với yêu cầu của sản phẩm.

Bên cạnh đó, dự trữ đầy đủ các yếu tố đầu vào đảm bảo cho quá trình vận hành, sản xuất luôn được thông suốt, không bị gián đoạn. Tuy nhiên việc dự trữ các yếu tố đầu vào phải được tính toán hợp lý, tránh trường hợp dự trữ quá nhiều sẽ dẫn đến tình trạng ứ đọng vốn, tăng chi phí sản xuất.

☞ **Hạ thủy con tàu :**

Sau khi đã lắp ráp, chế tạo hệ thống trang thiết bị một cách hoàn thiện và đầy đủ.

☞ **Bàn giao sản phẩm cho khách hàng :**

Là đơn vị trực thuộc Tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam, một phần đơn hàng của công ty do sự uỷ nhiệm từ phía Tập đoàn và Tổng công ty là Công ty Cổ phần CNTT Bạch Đằng, do vậy tính cạnh tranh trong ngành của công ty không cao. Bên cạnh đó, công ty cũng chủ động tìm kiếm các đơn đặt hàng bên ngoài thị trường, các khách hàng quen thuộc của công ty như Công ty Xi măng Hải Phòng, Cảng Hải Phòng, Công ty Mishu Thăng Long, Nhà máy đóng tàu Hạ Long, Storemill incorporated của Nga.

Trước khi bàn giao sản phẩm hoàn chỉnh cho khách hàng, phải thử các hệ thống và thử tàu, kiểm tra kích thước và chất lượng chặt chẽ, đáp ứng những yêu cầu khắt khe đặt ra từ phía khách hàng, đơn vị cấp trên.

☞ **Phương tiện và cơ sở sản xuất kinh doanh :**

Trong quá trình sản xuất việc quản lý là vô cùng quan trọng, quản lý ra sao ? Quản lý như thế nào? Quản lý bằng phương tiện gì?... Để quá trình sản xuất đạt

hiệu quả cao nhất, khai thác và sử dụng hợp lý và có kết quả các nguồn lực, các phương tiện sản xuất, lao động dần ổn định năng lực và thiết bị của công ty đủ mạnh để đảm bảo công tác kế hoạch được giao. Mở rộng mặt bằng, nhà xưởng để thi công các sản phẩm. Công ty có kế hoạch đầu tư dây truyền công nghệ hiện đại để gia công các thiết bị tàu từ 6500T – 12000T và lớn hơn.

Trong nền kinh tế thị trường, sự cạnh tranh ngày một gay gắt và khốc liệt. Hiện nay, công ty phải đối mặt với rất nhiều khó khăn mà khó khăn lớn nhất công ty đang gặp phải là giá cả nguyên vật liệu, thiết bị, vật tư... ngày càng tăng cao. Điều này, ảnh hưởng rất lớn đến quá trình sản xuất kinh doanh, gia tăng chi phí và giá thành sản phẩm.

Trong những năm qua, Công ty đã khắc phục được một số khó khăn và hoàn thành kế hoạch những chỉ tiêu cơ bản của Tập đoàn giao.

Bên cạnh đó, bộ phận quản trị văn phòng được bố trí sắp xếp lại. Các phòng ban, phân xưởng được trang bị thiết bị văn phòng như: Bàn ghế làm việc, máy tính cá nhân và một số phòng đã được trang bị máy vi tính, có kế hoạch cấp phát văn phòng phẩm.

Phòng làm việc đã được sửa chữa, nhằm cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Công tác vệ sinh môi trường và phòng chống bệnh nghề nghiệp được quan tâm đúng mức, hệ thống nhà ăn, phòng giải trí cho cán bộ công nhân viên được tiến hành nâng cao.

Công ty CP CNTT Tam Bạc được sự quan tâm, giúp đỡ rất nhiều từ phía tập đoàn như: tháo gỡ tài chính, chỉ đạo đầu tư chiều sâu, mở rộng năng lực sản xuất, tìm kiếm việc làm. Hàng năm cho chỉ tiêu cử công nhân đi đào tạo tại Nhật Bản để nâng cao tay nghề, chuyên môn.

☞ Giai đoạn thâu :

Thị trường tàu thủy là một thị trường rộng lớn với rất nhiều đối thủ cạnh tranh. Việt Nam đã gia nhập tổ chức kinh tế thế giới WTO, các nhà đầu tư kinh tế lớn sẽ mở rộng thị trường vào Việt Nam. Do đó, Tập đoàn công nghiệp tàu thủy nói chung và Công ty CP CNTT Tam Bạc nói riêng sẽ gặp phải rất nhiều khó khăn, hiểm họa từ việc xâm nhập thị trường của đối thủ tiềm năng, áp lực từ phía nhà cung cấp, hiểm họa sản phẩm thay thế. Khi công ty trúng thầu một đơn đặt hàng nào đó trong tình hình giá cả tương đối ổn định nhưng trong quá trình làm thầu giá cả tăng cao gây khó khăn rất lớn cho công ty.

2.1.5. Cơ cấu tổ chức của Công ty CP CNTT Tam Bạc :

Gồm bộ máy lãnh đạo (ban Giám đốc) bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc và 10 phòng chức năng giúp việc, 03 phân xưởng được mô tả theo sơ đồ tổ chức bộ máy kèm theo.

Công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng.

* Bộ máy lãnh đạo của Công ty gồm:

- Giám đốc: là người đại diện cho Nhà nước và công nhân viên chức quản lý Công ty, Giám đốc có quyền quyết định mọi hoạt động của công ty theo đúng kế hoạch, chính sách pháp luật của Nhà nước ban hành. Giám đốc có nhiệm vụ đảm bảo tổ chức và hoạt động của Đại hội công nhân viên chức, Đảng uỷ, Công Đoàn, Thanh niên, Ban thanh tra công nhân. Phải định kì thông báo tình hình hoạt động của công ty với Đảng uỷ và Hội đồng xí nghiệp.

- Phó giám đốc: là người giúp việc cho Giám đốc và thực hiện những nhiệm vụ do Giám đốc uỷ quyền.

* Bộ máy tham mưu của Công ty gồm :

- Phòng tổng hợp :

Nắm chế độ chính sách điều động, tuyển chọn con người, quản lý hồ sơ của toàn bộ nhân viên trong công ty, đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề của cán bộ công nhân viên, lập lý lịch công tác tham mưu Giám đốc điều động lao động cho hợp lý, theo dõi lao động khối gián tiếp, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Hành chính văn thư đánh máy, lưu trữ hồ sơ, tiếp khách, quản lý xe con, trực tổng đài điện thoại, tuyên truyền trang trí khánh tiết, bảo vệ con dấu của Công ty. Có chức năng tổ chức thực hiện và quản lý công việc hành chính.

- Phòng tài chính kế toán :

Thực hiện đúng chức năng quản lý vốn, giám sát sự vận động của vốn trong quá trình sản xuất, việc sử dụng vốn có mục đích và kết quả thu thập của Công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán, thống kê theo pháp lệnh kế toán do Nhà nước quy định, nắm bắt và xử lý những thông tin kinh tế phục vụ cho quá trình sản xuất của công ty, hạch toán kinh tế đầy đủ, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước, chấp hành các quy định, chế độ, chính sách của Nhà nước.

Hướng dẫn công tác mở sổ sách đầy đủ và các biểu báo cáo theo dõi phân tích hoạt động sản xuất đúng pháp lệnh, thống kê kế toán. Lập quỹ lương và tham mưu cho Giám đốc về tình hình sử dụng và quản lý quỹ lương, nâng bậc lương, các chế

độ bảo hộ lao động, theo dõi thi đua khen thưởng. Thực hiện hạch toán kế toán theo chế độ chính sách của Nhà nước và điều lệ của Công ty.

- Phòng kỹ thuật :

Quản lý và triển khai các bản vẽ thiết kế kỹ thuật, định mức tiêu chuẩn kỹ thuật, vật tư, lao động. Triển khai các bước công nghệ kỹ thuật, giám sát chất lượng kỹ thuật.

- Phòng kế hoạch :

Quản lý và triển khai các kế hoạch sản xuất do cấp trên giao và của Công ty.

Thực hiện ký kết và thanh lý các hợp đồng sản phẩm.

- Phòng vật tư :

Quản lý, mua sắm, cấp phát vật tư theo định mức kỹ thuật. Tham mưu cho Giám đốc những vật tư chậm luân chuyển, sử dụng hỗ trợ quay vòng vốn, duyệt phiếu lĩnh vật tư cho từng đơn vị cho sản phẩm.

- Phòng KCS :

Là bộ phận kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, kiểm tra và nghiệm thu các thông số kỹ thuật và chất lượng của sản phẩm hoàn thành.

- Phòng vi tính :

Có nhiệm vụ in sao các tài liệu cho Giám đốc, phó Giám đốc và toàn bộ các phòng ban trong công ty, soạn thảo văn bản cho Giám đốc và các phòng ban, lưu trữ các tài liệu vào máy.

- Phòng lao động tiền lương :

Quản lý lao động, thực hiện các chế độ chính sách về lao động tiền lương. Theo dõi chấm công, tính lương cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong toàn công ty, đào tạo và bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên, thanh toán tiền lương.

- Phòng sản xuất :

Viết phiếu giao việc cho cá nhân, tổ sản xuất của các phân xưởng trong toàn Công ty, theo dõi tiến độ sản xuất và lập phương án tiến độ thi công của một con tàu khi vào Công ty.

- Phòng bảo vệ :

Thực hiện công tác bảo vệ tài sản, trật tự an toàn Công ty, từ các kho tàng, phân xưởng, phòng ban, giữ gìn trật tự, an ninh quốc phòng, công tác phòng chống cháy nổ, công tác quân sự tự vệ, phục vụ cho công tác hạ thủy con tàu. Có chức

năng giữ gìn trật tự, an ninh của công ty. Có nhiệm vụ bảo vệ tài sản của Công ty, tránh không cho tài sản thất thoát ra ngoài.

- Phân xưởng vỏ :

Thực hiện sửa chữa và đóng mới hoàn toàn các công đoạn gồm:

Phần vỏ tàu, gò hàn, lắp dựng tổng đoạn, đóng mới phần vỏ cả con tàu, nhận thiết kế dựng mẫu, gá lắp khung xương, tính toán khung gá lắp đúng với hình mẫu của khung xương, hàn và dấu các tổng đoạn của con tàu như tổng đoạn mũi, khoang hàng, tổng đoạn lái. Sau đó hoả công phay mài hoàn chỉnh cả phần ngoài lẫn phần trong kể cả cabin, hàn bộ máy, hoàn thiện các phần thuộc về nội thất con tàu như: Sàn giường, khung cửa, trần buồng lái, buồng thuyền viên, vô lăng, cạo ri, sơn, làm các công trình vệ sinh trên tàu.

- Phân xưởng máy :

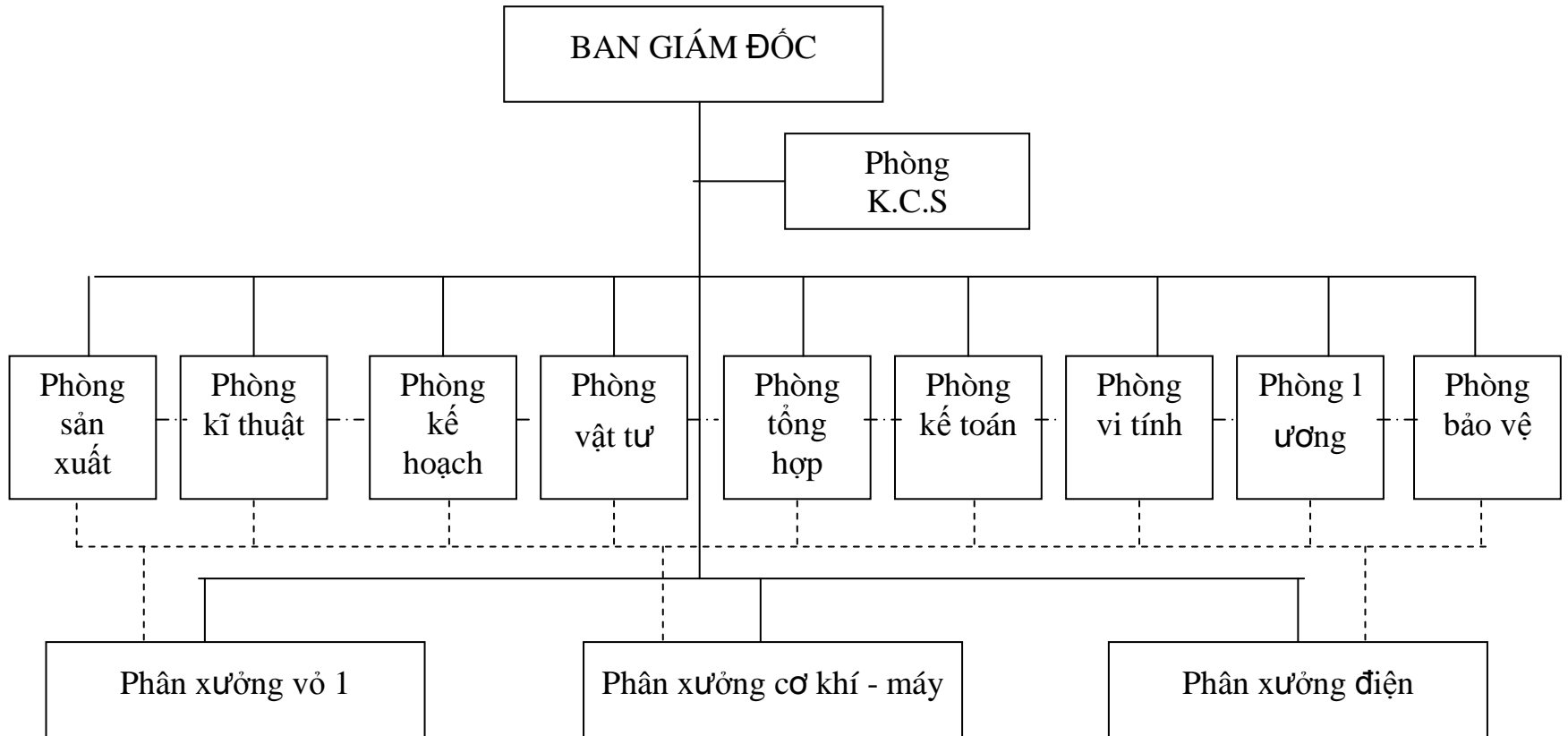
Lắp đặt đảm bảo làm sao khi máy vận hành không có sự cố như bị rung, đảm bảo các thông số kỹ thuật đúng theo tiêu chuẩn, sửa chữa tháo lắp các chi tiết khi sản phẩm sửa chữa xong, vận hành đạt được các thông số kỹ thuật cho phép an toàn.

- Phân xưởng cơ khí :

Gia công các phần căn đệm máy, các chi tiết phục vụ cho việc gá lắp máy, gia công bu lông, trục chân vịt, trục trung gian phục vụ cho công tác hạ thủy con tàu như căn kê, tời hoặc âu đà cho các đội khác làm tiếp, xác định vị trí neo tàu, đảm bảo an toàn khi tàu vào sửa chữa. Thay thế mới bộ phận máy lái, máy neo, bảo dưỡng máy gia công căn chỉnh bộ máy mài trục cơ, đóng mới gầu ngoạm, bóc xếp hàng rời các loại có dung tích từ 0.75m^3 đến 10m^3 , chế tạo thành công, thay thế hàng nhập ngoại, gia công phụ kiện tàu thủy theo đơn đặt hàng của hãng Mitsubishi (Nhật).

- Phân xưởng cơ điện :

Sửa chữa các loại máy công cụ, bảo dưỡng máy động lực, phương tiện vận tải, ô tô, xe nâng, xe ủi, xà lan, xe cầu, thiết kế lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng trong toàn Công ty. Bố trí công nhân vận hành máy khi không có điện lưới, thường xuyên kiểm tra nhắc nhở đội ngũ lái xe sửa chữa duy tu phương tiện vận tải để vận chuyển vật tư đảm bảo phục vụ tốt cho công tác sản xuất, chịu trách nhiệm sửa chữa nhà xưởng, nhà kho, vệ sinh công nghiệp toàn Công ty, sửa chữa khu nhà làm việc bị hư hỏng, xây dựng các công trình vệ sinh, móng để máy, nạo vét tu dưỡng đường triều hạ thủy.



Quan hệ trực tuyến _____
Quan hệ chức năng
Quan hệ ngang -.-.-.-.-

(Nguồn: Phòng tổng hợp)

Sơ đồ 2.2 : Cơ cấu tổ chức của Công ty CP CNTT Tam Bạc

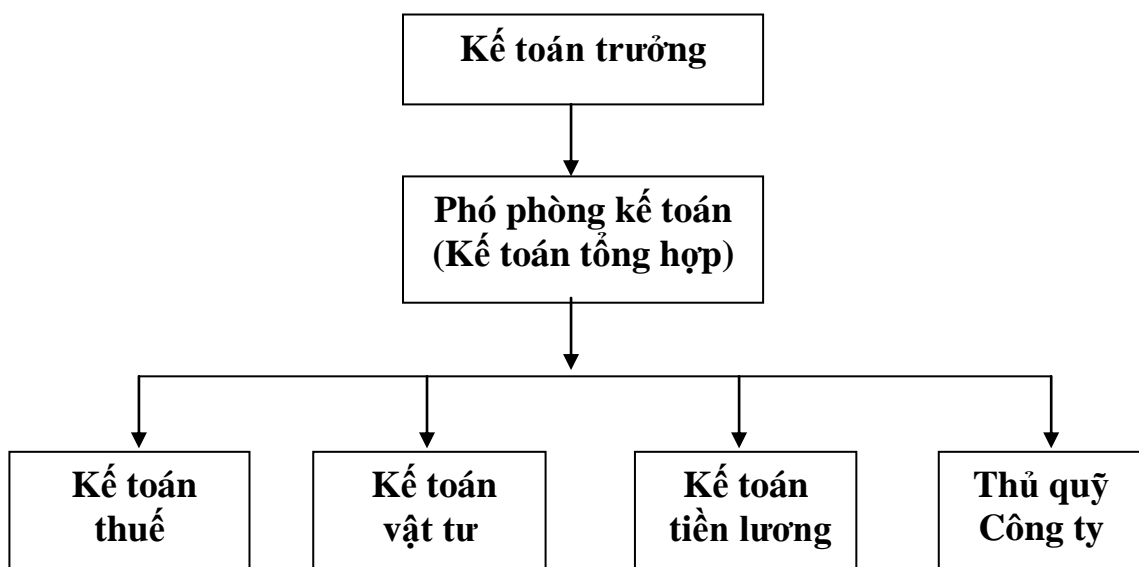
2.1.6. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty CP CNTT Tam Bạc :

2.1.6.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty CP CNTT Tam Bạc :

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh, công ty tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với tình hình tổ chức công tác kế toán đáp ứng nhu cầu quản lý, điều hành công việc theo hình thức tập trung.

Theo mô hình này, toàn công ty tổ chức một phòng kế toán làm nhiệm vụ tổng hợp và hạch toán chi tiết, lập báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh tế, kiểm tra công tác kế toán toàn công ty.

Sơ đồ 2.3. Bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần CNTT Tam Bạc:



*** Kế toán trưởng :**

Là người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị, các cổ đông, giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty đơn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.

*** Phó phòng kế toán :**

- Kiểm tra số liệu chi tiết, lập báo cáo tổng hợp tài chính, kiểm kê theo quy định và mục tiêu của phòng đề ra.

- Chịu trách nhiệm theo dõi toàn bộ quá trình trong lĩnh vực kinh doanh xây dựng nhà để bán bao gồm: Doanh thu, chi phí, công nợ khách hàng.

- Chịu trách nhiệm theo dõi nguồn vốn của công ty.

- Chịu trách nhiệm bảo quản các thiết bị văn phòng, công cụ trong quá trình làm việc. Bảo quản lưu giữ, phân loại hồ sơ, chứng từ thuộc phạm vi quản lý theo đúng yêu cầu luật định và quy trình kiểm soát hồ sơ.

- Các trách nhiệm khác do trưởng phòng phân công.

- Có quyền ký thay kế toán trưởng ngoài nhiệm vụ được phân công khi kế toán trưởng đi vắng.

*** Kế toán thuế :**

- Kế toán tiền mặt:

+ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ. Lập phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.

+ Cập nhật, theo dõi, báo cáo thường xuyên tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền mặt.

+ Cùng thủ quỹ lập biên bản kiểm kê tiền mặt hàng tuần.

+ Lập bảng kê, nhật ký chứng từ tiền mặt theo quy định.

+ Chịu trách nhiệm quản lý công nợ tạm ứng nội bộ công ty

- Kế toán các khoản đầu tư xây dựng cơ bản

*** Thủ quỹ công ty :**

- Thủ quỹ:

+ Chịu trách nhiệm thu tiền mặt hoặc các chứng khoán có giá trị(công trái, cổ phiếu, trái phiếu, vàng, bạc, đá quý...) và chi tiền theo chứng từ thu chi hợp lệ đã được phê duyệt.

+ Hàng ngày kiểm kê số tồn quỹ thực tế, đối chiếu sổ quỹ tiền mặt với tài khoản tiền mặt của kế toán thanh toán.

- Y tế:

+ Chịu trách nhiệm dự trữ, mua, theo dõi cấp phát thuốc y tế cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

+ Nhận và phát thẻ khám chữa bệnh cho CBCNV.

+ Quản lý sổ khám sức khỏe định kỳ.

*** Kế toán vật tư :**

Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi số lượng vật tư nhập, xuất, tồn. Kiểm tra đối chiếu từng chủng loại vật tư, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện mức tiêu hao nguyên vật liệu. Hàng tháng tiến hành ghi sổ các vật tư nhập vào và xuất ra

*** Kế toán tiền lương :**

Là nhiệm vụ tính tiền lương bao gồm lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp mang tính chất lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty theo những quy định chung(đối với khối lao động gián tiếp lương tính trên phần trăm doanh thu thu được, đối với khối lao động trực tiếp lương tính theo sản phẩm).Hàng tháng tính đến các khoản trích theo lương(BHXH, BHYT, KPCĐ).

2.1.6.2. Đặc điểm các chính sách và phương pháp kế toán công ty áp dụng :

➤ Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán chung tại công ty :

Công ty hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, vì vậy công ty nắm bắt được một cách thường xuyên, liên tục và có hệ thống tình hình biến động nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu trên sổ kế toán.

Tài khoản sử dụng gồm có :

- Nguyên vật liệu chính : 1521
- Vật liệu phụ : 1522
- Nhiên liệu : 1523
- Phụ tùng thay thế : 1524
- Thiết bị XDCCB : 1526
- Vật liệu khác : 1528
- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp : 621
- Chi phí nhân công trực tiếp : 622
- Phải trả người bán : 331
- Các tài khoản khác như : 111, 112, 141,....

➤ Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty CP CNTT Tam Bạc :

Công ty đã tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Niên độ kế toán – kì kế toán :

Công ty CP CNTT Tam Bạc áp dụng niên độ kế toán trùng với năm dương lịch bắt đầu từ 01/01 kết thúc ngày 31/12 của mỗi năm

Kế toán ở công ty còn mang tính chất thủ công, việc sử dụng tin học chỉ là ứng dụng chương trình Excel hỗ trợ việc tính toán và lập bảng biểu. Một số sổ kế toán của công ty sử dụng gồm :

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư

- Biên bản kiểm kê vật tư
 - Bảng phân bổ nguyên vật liệu
 - Một số chứng từ có liên quan
- **Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty CP CNTT Tam Bạc :**
1. Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12
 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam
 3. Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính
 4. Hình thức sổ kế toán áp dụng: **Sổ nhật kí chung**
 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho
 - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc được quy định cụ thể cho từng loại vật tư, hàng hoá.
 - Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá đích danh.
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
 - Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính theo quyết định 206/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12/12/2003.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP CNTT Tam Bạc :

2.2.1. Phân loại nguyên vật liệu :

Để đóng mới hay sửa chữa một con tàu hoặc sà lan, công ty cần có nhiều thứ vật liệu khác nhau. Mỗi loại vật liệu lại có vai trò công dụng khác nhau.

Nguyên vật liệu chính gồm có : Tôn, sắt, thép, máy móc, thiết bị và gỗ (những loại vật liệu này chiếm phần lớn trong kết cấu của sản phẩm)

- Vật liệu phụ gồm có như : Que hàn, oxi, đất đèn,... (Những vật liệu này có tác dụng phụ trợ trong sản xuất, được sử dụng cùng với nguyên vật liệu chính để hình thành và nâng cao tính năng, chất lượng của sản phẩm)

Vật liệu phụ phục vụ hoạt động của các tư liệu sản xuất như : dầu mỡ bôi trơn, sơn chống gỉ,...

Vật liệu phụ dùng cho lao động như : xà phòng, giẻ lau, găng tay,...

- Nhiên liệu gồm có : than (rèn tạo ra khuôn ốc mới với nhiều hình dáng, kích thước khác nhau), xăng , dầu (phục vụ cho tàu)

- Phụ tùng thay thế gồm có : cao su, van tàu, bánh lái,...

2.2.2. Công tác quản lý nguyên vật liệu :

Nhận thấy tầm quan trọng của NVL đối với quá trình sản xuất và kinh doanh nên Công ty rất chú trọng đến công tác bảo quản và cất trữ NVL. Tại các kho của Công ty luôn có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác quản lý và bảo vệ NVL và các thủ tục xuất - nhập cũng được quản lý chặt chẽ và liên hoàn

Thủ kho tại đây cũng thực hiện ghi thẻ kho, bảng tổng hợp nhập xuất tồn và hàng tuần sẽ được chuyển lên phòng vật tư tại công ty. Kế toán và các phòng có liên quan theo dõi NVL chi tiết thông qua phòng vật tư.

Với vật liệu phụ, vật liệu hàn, kho sơn, Công ty đã cho xây dựng hệ thống từng nhà kho riêng biệt và có thủ kho riêng. Từng kho có lắp đặt các thiết bị bảo quản vật liệu riêng, các thủ kho của từng kho này sẽ có trách nhiệm bảo quản và quản lý việc nhập xuất vật liệu của kho phụ thuộc về yêu cầu của sản xuất, đồng thời cũng chịu sự quản lý trực tiếp của phòng quản lý vật liệu của Công ty.

Với vật liệu chính : các loại thép tấm, thép hình, thép ống,... có kích thước lớn, có chiều dài lớn, do vậy công ty không thể xây dựng được hệ thống nhà kho như trên mà công ty chỉ xây dựng các bãi tập kết vật liệu ngoài trời, có bạt che phủ. Cũng như các kho trên, việc quản lý nhập xuất tồn vật liệu cũng do một thủ kho riêng phụ trách và cũng chịu sự quản lý trực tiếp của phòng ban quản lý vật tư của công ty.

2.2.3. Tính giá nguyên vật liệu :

2.2.3.1. Tính giá nguyên vật liệu nhập kho :

Nguyên vật liệu nhập kho của công ty là do mua ngoài. Giá thực tế nguyên vật liệu mua ngoài nhập kho được xác định theo công thức sau :

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{NVL mua} \\ \text{ngoài} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trên HĐ} \\ \text{(không có} \\ \text{VAT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua trực} \\ \text{tiếp} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thuế Nhập} \\ \text{khẩu(nếu có)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giảm giá} \\ \text{hàng mua} \\ \text{được hưởng} \end{array}$$

Chi phí thu mua trực tiếp bao gồm các chi phí trong quá trình thu mua vật liệu: Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản, chi phí kiểm nhận nhập kho...

Tùy theo từng hợp đồng kinh tế đã ký kết với nhà cung cấp mà các loại chi phí thu mua có thể được cộng hoặc không được cộng vào giá thực tế của NVL nhập kho. Nếu chi phí vận chuyển do bên bán chịu thì trị giá thực tế NVL mua ngoài nhập kho không bao gồm chi phí vận chuyển.

Việc tính giá nguyên vật liệu do công ty tự tìm hiểu sao cho nguồn nào là lợi nhất. Công tác thu mua nguyên vật liệu được tuân thủ theo kế hoạch đặt ra của công ty, để tránh lãng phí tồn đọng vốn, gây thiệt hại cho sản xuất.

Ví dụ 1 : Theo hóa đơn GTGT số 0067879 ngày 07 tháng 12 năm 2010, Công ty CP CNTT Tam Bạc mua thép 30T của Công ty TNHH TM Thép Toàn Thắng với số lượng 1300, đơn giá là 12.800đ chưa bao gồm thuế GTGT. Hàng được giao tận kho của công ty, chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua. Như vậy, giá thực tế nhập kho của vật tư này là 16.640.000đ

Ví dụ 2 : Theo hóa đơn GTGT số 0071287 ngày 12 tháng 12 năm 2010, Công ty CP CNTT Tam Bạc mua thép lá S2×1250×2500 của Công ty thép và vật tư Hải Phòng với số lượng 245, đơn giá là 6.286đ chưa bao gồm thuế GTGT. Hàng được giao tận kho của công ty, chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua. Như vậy, giá thực tế nhập kho của vật tư này là 1.540.070đ

2.2.3.2. Tính giá nguyên vật liệu xuất kho :

Tại Công ty Cổ phần CNTT Tam Bạc NVL được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh. Theo phương pháp này giá trị NVL xuất kho đúng theo giá NVL nhập kho của chúng vì vậy kế toán phải luôn theo dõi chặt chẽ giá của từng lô hàng để tính giá vốn hàng xuất hoặc bán và giá trị vật tư xuất dùng.

2.2.4. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu :

2.2.4.1. Thủ tục nhập kho :

Trước hết tại đơn vị (phân xưởng sản xuất, phòng ban) lập tờ trình mua vật tư nguyên vật liệu. Phòng vật tư trình lên giám đốc kí duyệt. Khi được giám đốc kí duyệt thì phòng vật tư xin phiếu báo giá ở một số bạn hàng (người bán) và trình lên giám đốc duyệt giá. Sau khi giám đốc duyệt mức giá phù hợp, phòng vật tư sẽ trực tiếp chịu trách nhiệm về việc kí hợp đồng mua bán

Biểu số 2.1. Hợp đồng mua bán thép 30T

Biểu số 2.2. Hợp đồng mua bán thép lá S2×1250×2500

Biểu số 2.1. Hợp đồng mua bán thép 30T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Số 129/HĐMB

- Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày 25-09-1989 của Hội đồng Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành của các cấp, các ngành.
- Căn cứ vào đơn chào hàng (đặt hàng hoặc sự thực hiện thỏa thuận của hai bên).

Hôm nay, ngày 05 tháng 12 năm 2010

Tại địa điểm : Công ty TNHH TM Thép Toàn Thắng

Chúng tôi gồm :

Bên A

- Tên doanh nghiệp : Công ty TNHH TM Thép Toàn Thắng
- Địa chỉ trụ sở chính : 378 Hoàng Văn Thụ - Hải Phòng
- Điện thoại : 0313524789 Telex : Fax :(031) 8623710
- Mã số thuế : 0200661007
- Đại diện là : Phạm Văn Hùng Chức vụ : Giám đốc

Bên B

- Tên doanh nghiệp : Công ty CP CNTT Tam Bạc
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 157. Đường Hạ Lý. Quận Hồng Bàng. Hải Phòng
- Điện thoại : 0313.669126 Telex : Fax :
- Mã số thuế : 0200168881
- Đại diện là : Vũ Quốc Hùng Chức vụ : Giám đốc

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán vật liệu : thép 30T với các điều khoản sau :

Điều 1 : Nội dung công việc giao dịch :

Bên A bán cho bên B :

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Thép 30T	Kg	1.300	12.800	16.640.000	

Bên A đồng ý bán, bên B đồng ý mua vật liệu thép 30T

Điều 2 : Trách nhiệm và nghĩa vụ của hai bên :

- Bên A phải :
 - Cung cấp đúng chủng loại, kịp thời gian và đủ số lượng thép 30T theo yêu cầu của

bên B, đảm bảo chất lượng hàng theo đúng mẫu chào hàng ban đầu mà hai bên đã thỏa thuận.

- Bên bán có trách nhiệm bảo hành chất lượng và giá trị sử dụng vật liệu cho bên B
- Cử cán bộ giao, ký nhận số lượng vật liệu thép 30T đã cung ứng cho bên B
- Bên A phải chịu mọi chi phí bốc xếp vật liệu lên phương tiện vận chuyển của bên B.
- Cung cấp hóa đơn GTGT hợp pháp cho bên B để thanh toán tiền hàng.
- Bên B phải :
 - Thông báo kế hoạch về chủng loại, số lượng thép 30T và thời gian cung cấp của từng đợt giao hàng.
 - Khi nhận hàng bên B phải có trách nhiệm cử cán bộ cùng bên A kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng thì phải lập biên bản yêu cầu bên bán xác nhận.
 - Thanh toán cho bên A đúng thời hạn, nếu thanh toán chậm thì phải chịu lãi suất là 0.1%. Tổng số tiền hàng mà bên A đã cung cấp.

Điều 4 : Nơi giao hàng :

- Địa điểm giao hàng : Tại bãi chứa vật liệu của bên A – Công ty TNHH TM Thép Toàn Thắng
- Thời gian giao hàng : ngày 07/12/2010

Điều 5 : Giá cả, thể thức thanh toán :

- Giá cả : Tùy theo từng thời điểm thanh toán cho từng loại vật liệu khác nhau
- Thể thức thanh toán : Thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản. Ngày 30 hàng tháng hai bên cử cán bộ theo dõi đối chiếu khối lượng để thanh toán.

Điều 6 : Điều khoản chung :

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những điều khoản đã ký trong hợp đồng. Nếu có khó khăn, vướng mắc gì hai bên phải chủ động thông báo cho nhau để cùng bàn bạc giải quyết, nếu bên nào đơn phương thay đổi phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hai bên hết nhu cầu mua bán. Sao 10 ngày hết hạn hợp đồng nếu hai bên không có khiếu kiện gì thì coi như hợp đồng được thanh lý.

Hợp đồng độc lập thành 02 bản, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản có giá trị như nhau.

Đại diện bên A
Phạm Văn Hùng

Đại diện bên B
Vũ Quốc Hùng

Biểu số 2.2. Hợp đồng mua bán thép lá S2×1250×2500

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Số 142/HĐMB

- Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày 25-09-1989 của Hội đồng Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành của các cấp, các ngành.
- Căn cứ vào đơn chào hàng (đặt hàng hoặc sự thực hiện thỏa thuận của hai bên).

Hôm nay, ngày 10 tháng 12 năm 2010

Tại địa điểm : Công ty Thép và Vật tư Hải Phòng

Chúng tôi gồm :

Bên A

- Tên doanh nghiệp : Công ty Thép và Vật tư Hải Phòng
- Địa chỉ trụ sở chính : Km 92 – Đường 5 Mới – Hải Phòng
- Điện thoại : 0313523219 Telex : Fax :(031) 824875
- Mã số thuế : 0200457894
- Đại diện là : Nguyễn Quang Hưng Chức vụ : Trưởng phòng bán hàng

Bên B

- Tên doanh nghiệp : Công ty CP CNTT Tam Bạc
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 157. Đường Hạ Lý. Quận Hồng Bàng. Hải Phòng
- Điện thoại : 0313.669126 Telex : Fax :
- Mã số thuế : 0200168881
- Đại diện là : Vũ Quốc Hùng Chức vụ : Giám đốc

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán vật liệu : thép lá S2×1250×2500 với các điều khoản sau :

Điều 1 : Nội dung công việc giao dịch :

Bên A bán cho bên B :

STT	Tên hàng	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Thép lá S2×1250×2500	Kg	245	6.286	1.540.070	

Bên A đồng ý bán, bên B đồng ý mua vật liệu thép lá S2×1250×2500

Điều 2 : Trách nhiệm và nghĩa vụ của hai bên :

- Bên A phải :
 - Cung cấp đúng chủng loại, kịp thời gian và đủ số lượng thép lá S2×1250×2500

theo yêu cầu của bên B, đảm bảo chất lượng hàng theo đúng mẫu chào hàng ban đầu mà hai bên đã thỏa thuận.

- Bên bán có trách nhiệm bảo hành chất lượng và giá trị sử dụng vật liệu cho bên B
- Cử cán bộ giao, ký nhận số lượng vật liệu thép lá S2×1250×2500 đã cung ứng cho bên B
- Bên A phải chịu mọi chi phí bốc xếp vật liệu lên phương tiện vận chuyển của bên B.
- Cung cấp hóa đơn GTGT hợp pháp cho bên B để thanh toán tiền hàng.
- Bên B phải :
 - Thông báo kế hoạch về chủng loại, số lượng thép lá S2×1250×2500 và thời gian cung cấp của từng đợt giao hàng.
 - Khi nhận hàng bên B phải có trách nhiệm cử cán bộ cùng bên A kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng thì phải lập biên bản yêu cầu bên bán xác nhận.
 - Thanh toán cho bên A đúng thời hạn, nếu thanh toán chậm thì phải chịu lãi suất là 0.1%. Tổng số tiền hàng mà bên A đã cung cấp.

Điều 4 : Nơi giao hàng :

- Địa điểm giao hàng : Tại bãi chứa vật liệu của bên A – Công ty Thép và Vật tư Hải Phòng
- Thời gian giao hàng : ngày 12/12/2010

Điều 5 : Giá cả, thể thức thanh toán :

- Giá cả : Tùy theo từng thời điểm thanh toán cho từng loại vật liệu khác nhau
- Thể thức thanh toán : Thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản. Ngày 30 hàng tháng hai bên cử cán bộ theo dõi đối chiếu khối lượng để thanh toán.

Điều 6 : Điều khoản chung :

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những điều khoản đã ký trong hợp đồng. Nếu có khó khăn, vướng mắc gì hai bên phải chủ động thông báo cho nhau để cùng bàn bạc giải quyết, nếu bên nào đơn phương thay đổi phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hai bên hết nhu cầu mua bán. Sao 10 ngày hết hạn hợp đồng nếu hai bên không có khiếu kiện gì thì coi như hợp đồng được thanh lý.

Hợp đồng độc lập thành 02 bản, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản có giá trị như nhau.

Đại diện bên A
Nguyễn Quang Hưng

Đại diện bên B
Vũ Quốc Hùng

Người đi nhận hàng mang HĐGTGT của bên bán vật tư về công ty để xem xét kiểm tra

Nguyên vật liệu sau khi mua về được tiến hành kiểm nghiệm chất lượng và lập biên bản kiểm nghiệm với mục đích xác định số lượng, chất lượng trước khi nhập kho làm căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản (công việc này do phòng KCS đảm nhận).Biên bản kiểm nghiệm nguyên vật liệu được lập thành 2 bản giao cho phòng vật tư và phòng kế toán giữ. Nếu nguyên vật liệu không đúng yêu cầu thì lập thêm 1 liên kèm theo chứng từ có liên quan gửi đến nơi bán để giải quyết.

Sau khi tiến hành kiểm nghiệm vật tư, thủ kho xem xét cụ thể số lượng, chủng loại, chất lượng của vật tư ghi trên hoá đơn với số lượng mang về, đối chiếu giữa hoá đơn và biên bản kiểm nghiệm. Nếu trùng khớp thì phòng vật tư lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên :

- + Một liên : Lưu tại phòng vật tư
- + Một liên : Chuyển sang phòng kế toán tài chính
- + Một liên : Giao cho thủ kho

Khi nhập kho thủ kho phải ký vào phiếu nhập để vào thẻ kho. Trên phiếu nhập kho thể hiện cả 2 chỉ tiêu số lượng và giá trị nhưng khi vào thẻ kho thủ kho chỉ ghi chỉ tiêu số lượng.

Tiếp ví dụ 1 phía trên :

- Khi nhận được chuyển hàng theo hoá đơn GTGT số 0067879

Biểu số 2.3 : Hóa đơn GTGT số 0067879

Lập biên bản kiểm nghiệm vật tư

Biểu số 2.4 : Biên bản kiểm nghiệm vật tư

Căn cứ vào HĐGTGT và biên bản kiểm nghiệm vật tư. Phòng vật tư tiến hành lập phiếu nhập kho

Biểu số 2.5 : Phiếu nhập kho số 817

Tiếp ví dụ 2 phía trên :

- Khi nhận được chuyển hàng theo hoá đơn GTGT số 0071287

Biểu số 2.6 : Hóa đơn GTGT số 0071287

Lập biên bản kiểm nghiệm vật tư

Biểu số 2.7 : Biên bản kiểm nghiệm vật tư

Căn cứ vào HĐGTGT và biên bản kiểm nghiệm vật tư. Phòng vật tư tiến hành lập phiếu nhập kho

Biểu số 2.8 : Phiếu nhập kho số 912

Biểu số 2.3 : Hóa đơn GTGT số 0067879

HOÁ ĐƠN		Mẫu số:01 GTKT -3LL																
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		NG/2010B																
Liên 2: Giao cho khách hàng		0067879																
Ngày 07 tháng 12 năm 2010																		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM Thép Toàn Thắng.....																		
Địa chỉ: 378 Hoàng Văn Thụ - Hải Phòng																		
Số tài khoản:																		
Điện thoại :																		
MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	0	6	6	1	0	0	7			
0	2	0	0	6	6	1	0	0	7									
Họ tên người mua hàng: Phạm Thị Hoa																		
Tên đơn vị: Công ty CP CNTT Tam Bạc																		
Số tài khoản: 109.20097641.013																		
Hình thức thanh toán:....chưa thanh toán.....																		
MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	0	1	6	8	8	8	1			
0	2	0	0	1	6	8	8	8	1									
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
A	B	C	1	2	3													
1	Thép 30T	Kg	1.300	12.800	16.640.000													
Cộng tiền hàng					16.640.000													
Thuế GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT		1.664.000													
Tổng cộng tiền thanh toán					18.304.000													
Số tiền viết bằng chữ: <i>Mười tám triệu ba trăm linh tư nghìn đồng chẵn./</i>																		
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> Phạm Thị Hoa		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> Phạm Văn Hùng		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i> Phạm Thị Quyên														

Biểu số 2.4: Biên bản kiểm nghiệm vật tư

Đơn vị : Công ty CP CNTT Tam Bạc

Mẫu số 03 – VT

Bộ phận : Phòng KHVT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 07 tháng 12 năm 2010

- Căn cứ vào hóa đơn bán hàng số 0067879 của Công ty TNHH TM Thép Toàn Thắng
- Ban kiểm nghiệm gồm có :
 - Ông, bà : Lê Hồng Nguyên - Trưởng ban.
 - Ông, bà : Lê Minh Mẫn - Ủy viên.
 - Ông, bà : Trần Kim Phi - Ủy viên.
 - Ông, bà : Nguyễn Quang Hùng - Ủy viên.
- Đã kiểm nghiệm vật tư sau :

STT	Tên hàng hoá, ký mã vật tư	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Số lượng vật tư đúng quy cách phẩm chất	Số lượng vật tư không đúng quy cách-phẩm chất	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4
1	Thép 30T	Kg	1.300	1.300	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm : Đã đạt tiêu chuẩn nhập kho

Cán bộ kỹ thuật
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban
(Ký, họ tên)

Cán bộ mua vật tư
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.5 : Phiếu nhập kho số 817

CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT TAM BẠC

Mẫu số 02

Số 157 Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số : 15/2006/ QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

Số : 817

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 07 tháng 12 năm 2010

Nợ TK: 1521

Nợ TK: 1331

Có TK: 1111

Họ và tên người giao hàng : Phạm Văn Hùng

Hóa đơn: số 0067879

Lý do nhập hàng : Nhập vật liệu phục vụ đóng tàu

Nhập vào kho : Công ty CP CNTT Tam Bạc

Biên bản kiểm nghiệm số 119/KHKT

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Trên hóa đơn	Thực nhập		
	Thép 30T	Kg	1300	1300	12.800	16.640.000
	Cộng					16.640.000

Số tiền bằng chữ: *Mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./*

Ngày 07 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.6 : Hóa đơn GTGT số 0071287

HOÁ ĐƠN		Mẫu số:01 GTKT -3LL																			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		NG/2010B																			
Liên 2: Giao cho khách hàng		0071287																			
Ngày 12 tháng 12 năm 2010																					
Đơn vị bán hàng: Công ty Thép và Vật tư Hải Phòng.....																					
Địa chỉ: Km 92 – Đường 5 Mới – Hải Phòng.....																					
Số tài khoản:																					
Điện thoại :																					
MS:		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>	0	2	0	0	3	6	1	2	0	7					<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>				
0	2	0	0	3	6	1	2	0	7												
Họ tên người mua hàng: Đàm Thu Trang.....																					
Tên đơn vị: Công ty CP CNTT Tam Bạc																					
Số tài khoản: 109.20097641.013																					
Hình thức thanh toán:....chưa thanh toán.....																					
MS:		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>	0	2	0	0	1	6	8	8	8	1					<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>				
0	2	0	0	1	6	8	8	8	1												
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																
A	B	C	1	2	3																
1	Thép lá S2×1250×2500	Kg	245	6.286	1.540.070																
Cộng tiền hàng					1.540.070																
Thuế GTGT : 10% Tiền thuế GTGT					154.007																
Tổng cộng tiền thanh toán					1.694.077																
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một triệu sáu trăm chín mươi tư nghìn không trăm linh bảy mươi bảy đồng chẵn./</i>																					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>																	
Đàm Thu Trang		Nguyễn Quang Hưng		Phạm Thị Quyên																	

Biểu số 2.7 : Biên bản kiểm nghiệm vật tư

Đơn vị : Công ty CP CNTT Tam Bạc

Mẫu số 03 – VT

Bộ phận : Phòng KHVT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

- Căn cứ vào hóa đơn bán hàng số 0071287 của Công ty Thép và Vật tư Hải Phòng
- Ban kiểm nghiệm gồm có :
 - Ông, bà : Lê Hồng Nguyên - Trưởng ban.
 - Ông, bà : Lê Minh Mẫn - Ủy viên.
 - Ông, bà : Trần Kim Phi - Ủy viên.
 - Ông, bà : Nguyễn Quang Hùng - Ủy viên.
- Đã kiểm nghiệm vật tư sau :

STT	Tên hàng hoá, ký mã vật tư	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Số lượng vật tư đúng quy cách phẩm chất	Số lượng vật tư không đúng quy cách-phẩm chất	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4
1	Thép lá S2×1250×2500	Kg	245	245	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm : Đã đạt tiêu chuẩn nhập kho

Cán bộ kỹ thuật

Thủ kho

Trưởng ban

Cán bộ mua vật tư

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.8 : Phiếu nhập kho số 912

CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT TAM BẠC

Số 157 Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số 02

Ban hành theo QĐ số : 15/2006/ QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

Số : 912

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

Nợ TK: 1521

Nợ TK: 1331

Có TK: 1111

Họ và tên người giao hàng : Nguyễn Quang Hưng

Hóa đơn: số 0071287

Lý do nhập hàng : Nhập vật liệu phục vụ đóng tàu

Nhập vào kho : Công ty CP CNTT Tam Bạc

Biên bản kiểm nghiệm số 219/KHKT

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Trên hóa đơn	Thực nhập		
	Thép lá S2×1250×2500	Kg	245	245	6.286	1.540.070
	Cộng					1.540.070

Số tiền bằng chữ: *Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn không trăm bảy mươi đồng chẵn./*

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.4.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu :

Nguyên vật liệu tại Công ty CP CNTT Tam Bạc được xuất kho chủ yếu nhằm mục đích đóng mới và sửa chữa tàu. Căn cứ để tiến hành thủ tục xuất kho là hạn mức tiêu hao vật tư của từng con tàu ở từng phân xưởng. Hạn mức này do phòng kỹ thuật sản xuất lập, sau đó được chuyển sang phòng vật tư, thiết bị và các phân xưởng. Kế toán tại phân xưởng dựa trên hạn mức vật tư để viết phiếu xuất kho, số lần xuất không hạn chế, nhưng số lượng xuất không vượt quá hạn mức quy định.

Phiếu xuất kho cũng được lập thành 3 liên

+ Một liên : Lưu tại phân xưởng

+ Một liên : Giao cho thủ kho

+ Một liên : Giao cho phòng kế toán tài chính

Ví dụ 3 : Căn cứ vào phiếu yêu cầu vật tư (*Biểu số 2.9*), thủ kho ghi phiếu xuất kho số 916 (*Biểu số 2.10*)

Biểu số 2.9 : Phiếu yêu cầu vật tư

CÔNG TY CP CNTT TAM BẠC PHIẾU YÊU CẦU VẬT TƯ

Bộ phận yêu cầu : Xưởng đóng tàu 1

Số phiếu : 1

Bộ phận nhận yêu cầu : Phòng vật tư

Lần yêu cầu : 1

STT	Tên, quy cách vật tư	ĐVT	SL	Mục đích sử dụng	Ngày yêu cầu
1	Thép 30T	Kg	350	Đóng tàu lai dặt 2 × 500 CV	09/12/2010
2	Thép tròn	Kg	100		
3	Sắt tròn f60	Kg	132		

Ngày 09/12/2010

Ngày 09/12/2010

Ngày 09/12/2010

Xác nhận phiếu yêu cầu

Người yêu cầu

Phê duyệt

Biểu số 2.10 : Phiếu xuất kho số 916

CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT TAM BẠC

Mẫu số 02

Số 157 Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số : 15/2006/ QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

Số: 916

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 09 tháng 12 năm 2010

Nợ TK: 621

Có TK : 1521

Họ và tên người nhận hàng: Xưởng đóng tàu 1

Lý do xuất kho : Đóng tàu lai dặt 2 × 500 CV

Xuất tại kho: Vật tư

STT	Tên hàng	ĐV Tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Thép 30T	Kg	350	350	12.800	4.480.000
2	Thép tròn	Kg	100	100	14.760	1.476.000
3	Sắt tròn f60	Kg	132	132	15.000	1.980.000
Cộng						7.936.000

Số tiền bằng chữ: *Bảy triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng chẵn.*

Ngày 09 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ví dụ 4 : Căn cứ vào phiếu yêu cầu vật tư (Biểu số 2.11), thủ kho ghi phiếu xuất kho số 974 (Biểu số 2.12)

Biểu số 2.11 : Phiếu yêu cầu vật tư

CÔNG TY CP CNTT TAM BẠC
PHIẾU YÊU CẦU VẬT TƯ

Bộ phận yêu cầu : Xưởng đóng tàu 1
Bộ phận nhận yêu cầu : Phòng vật tư

Số phiếu : 1
Lần yêu cầu : 1

STT	Tên, quy cách vật tư	ĐVT	SL	Mục đích sử dụng	Ngày yêu cầu
1	Thép lá S2×1250×2500	Kg	150	Đóng tàu lai dết 2 × 500 CV	27/12/2010

Ngày 27/12/2010
Xác nhận phiếu yêu cầu

Ngày 27/12/2010
Người yêu cầu

Ngày 27/12/2010
Phê duyệt

Biểu số 2.12 : Phiếu xuất kho số 974

CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT TAM BẠC
Số 157 Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số 02
Ban hành theo QĐ số : 15/2006/ QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC
Số: 974

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Nợ TK: 621

Có TK : 1521

Họ và tên người nhận hàng: Xưởng đóng tàu 1

Lý do xuất kho : Đóng tàu lai dật 2 × 500 CV

Xuất tại kho: Vật tư

STT	Tên hàng	ĐV Tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Thép lá S2×1250×2500	Kg	150	150	6.286	942.900
Cộng						942.900

Số tiền bằng chữ: *Chín trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm đồng chẵn./*

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty CP CNTT Tam Bạc :

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản trong quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào trong quá trình sản xuất sản phẩm, chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, nên việc sử dụng nguyên vật liệu đúng mục đích và đúng kế hoạch có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc hạ thấp giá thành sản phẩm và thực hiện kế hoạch sản xuất.

Hạch toán chi tiết NVL là bộ phận quan trọng trong công tác tổ chức kế toán. Đặc điểm cơ bản trong hạch toán NVL tại Công ty CP CNTT Tam Bạc đó là công tác nhập xuất NVL trong tháng rất lớn.

Hiện nay, hạch toán chi tiết NVL ở công ty là phương pháp thẻ song song

Hạch toán chi tiết NVL ở kho và phòng kế toán được tiến hành trên cùng 1 cơ sở chứng từ nhập, xuất do vậy giữa kho và phòng kế toán có sự kết hợp chặt chẽ để quản lý NVL trong kho và xuất dùng. Công ty hạch toán chi tiết nvl theo phương pháp “ thẻ song song

➤ Tại kho :

Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày các nghiệp vụ nhập, xuất tồn trên cơ sở chứng từ xuất về chỉ tiêu khối lượng NVL, thẻ kho được mở cho từng thứ vật tư, mỗi chứng từ nhập, chứng từ xuất vật tư được ghi một dòng trên thẻ kho, cuối ngày, cuối tuần, cuối tháng (theo định kỳ) thủ kho tính ra số lượng tồn của từng thứ vật tư trên từng thẻ kho để đối chiếu với cột số lượng trên sổ kế toán

Số tồn cuối tháng = Số tồn đầu tháng + Số nhập trong tháng - Số xuất trong tháng

➤ Tại phòng kế toán

Khác với thủ kho, kế toán phải theo dõi cả chỉ tiêu số lượng, chỉ tiêu giá trị sau khi xem xét và xác nhận vào thẻ kho, kế toán phải nhận phiếu nhập, xuất kho từ thủ kho, mỗi trang sổ chi tiết được dùng cho một loại nvl ghi cho cả số lượng và giá trị, đồng thời định khoản luôn tài khoản đối ứng, mỗi nghiệp vụ nhập, xuất được ghi một dòng trên sổ chi tiết nvl, số dư cuối kì trước là số dư đầu kì này.

Sau đó từ số liệu trên sổ chi tiết tài khoản, kế toán lập báo cáo nhập - xuất - tồn nvl để phản ánh tình hình tổng hợp số liệu vật tư của công ty

Ví dụ 5 : Tiếp ví dụ 1 và 3

- Căn cứ vào PN 817, PX 916 thủ kho ghi thẻ kho (*Biểu 2.13*)

- Căn cứ vào PN 817, PX 916 kế toán vật liệu ghi sổ chi tiết vật liệu thép 30T (*Biểu 2.14*)

Ví dụ 6 : Tiếp ví dụ 2 và 4

- Căn cứ vào PN 912, PX 974 thủ kho ghi thẻ kho (*Biểu 2.15*)
- Căn cứ vào PN 912, PX 974 kế toán vật liệu ghi sổ chi tiết vật liệu thép lá S2×1250×2500 (*Biểu 2.16*)
- ☞ Cuối tháng, từ sổ chi tiết vào bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn (*Biểu 2.17*)

Đơn vị: Công ty CP CNTT Tam Bạc

Mẫu S12 - DN

Địa chỉ: Số 157 Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 31/12/2010

Tờ số: 57

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Thép 30T

Đơn vị tính: Kg

Mã số:

Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
			Tồn đầu tháng				<u>12.000</u>	
			Số phát sinh tháng 12					
07/12	PN 817		Nhập kho vật liệu	07/12	1.300		13.300	
09/12		PX 916	Xuất kho vật liệu	09/12		350	12.950	
22/12	PN922		Nhập kho vật liệu	22/12	2.700		15.650	
28/12		PX 975	Xuất kho vật liệu	28/12		9.500	6.150	
			Cộng phát sinh tháng 12		4.000	9.850		
			Số dư cuối kỳ				<u>6.150</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13: Thẻ kho vật liệu thép 30T

Đơn vị: Công ty CP CNTT Tam Bạc

Mẫu S12 - DN

Địa chỉ: Số 157 Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 31/12/2010

Tờ số: 65

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Thép lá S2×1250×2500

Đơn vị tính: Kg

Mã số:

Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
			Tồn đầu tháng				<u>432</u>	
			Số phát sinh tháng 12					
12/12	PN 912		Nhập kho vật liệu	12/12	245		677	
27/12		PX 974	Xuất kho vật liệu	27/12		150	527	
31/12		PX 977	Xuất kho vật liệu	31/12		218	309	
			Cộng phát sinh tháng 12 Số dư cuối kỳ		245	368	<u>309</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.14 : Thẻ kho vật liệu thép lá S2×1250×2500

CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT TAM BẠC
Số 157 Hạ lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM , HÀNG HÓA)

Năm 2010

Tài khoản : 152

Tên quy cách NVL, CCDC: Thép 30T

Đơn vị tính : Kg

Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	ĐƠN GIÁ	NHẬP		XUẤT		TỒN	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Tồn đầu tháng		<u>12.800</u>					<u>12.000</u>	<u>153.600.000</u>
		Phát sinh T12								
PN817	07/12	Mua vật liệu chưa thanh toán	331	12.800	1.300	16.640.000			13.300	170.240.000
PX916	09/12	Xuất vật liệu đóng tàu	6211	12.800			350	4.480.000	12.950	165.760.000
PN922	22/12	Mua vật liệu thanh toán bằng tiền mặt	111	12.800	2.700	34.560.000			15.650	200.320.000
PX975	28/12	Xuất vật liệu đóng tàu	6211	12.800			9.500	121.600.000	6.150	78.720.000
		Cộng phát sinh T12		×	4.000	51.200.000	9.850	126.080.000	×	×
		Tồn cuối tháng							<u>6.150</u>	<u>78.720.000</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.15: Sổ chi tiết thép 30T

CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT TAM BẠC
Số 157 Hạ lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM , HÀNG HÓA)

Năm 2010

Tài khoản : 152

Tên quy cách NVL, CCDC: Thép lá S2×1250×2500

Đơn vị tính : Kg

Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	ĐƠN GIÁ	NHẬP		XUẤT		TÒN	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Tồn đầu tháng		6.286					432	2.715.552
		Phát sinh T12								
PN912	12/12	Mua vật liệu chưa thanh toán	331	6.286	245	1.540.070			677	4.255.622
PX974	27/12	Xuất vật liệu đóng tàu	6211	6.286			150	942.900	527	3.312.722
PX977	31/12	Xuất vật liệu đóng tàu	6211	6.286			218	1.370.348	309	1.942.374
		Cộng phát sinh T12		×	245	1.540.070	368	2.313.248	×	×
		Tồn cuối tháng							309	1.942.374

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.16.: Sổ chi tiết thép lá S2×1250×2500

CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT TAM BẠC
Số 157 Hạ lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tài khoản: 152
Tháng 12 năm 2010

S T T	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá)	Đơn vị tính	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn cuối kỳ	
			SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
1	Thép 30T	Kg	12.000	153.600.000	4.000	51.200.000	9.850	126.080.000	6.150	78.720.000
2	Thép tròn	Kg	4.000	28.000.000	8.500	63.750.000	8.000	58.720.000	4.500	33.030.000
3	Sắt tròn f60	Kg	215	32.250.000	8.500	63.750.000	195	29.250.000	20	3.000.000
4	Tôn d8	Kg	30	14.700.000	210	105.000.000	180	89.775.000	60	29.925.000
5	Tôn d14	Kg	15	742.500	24	1.200.000	26	1.295.000	13	647.500
6	Thép lá S2×1250×2500	Kg	432	2.715.552	245	1.540.070	368	2.313.248	309	1.942.374
7	Cáp thép f22 LD	M	20	36.000	80	160.000	75	147.000	25	49.000

	Cộng		x	315.725.000	x	651.425.000	x	670.125.028	x	297.024.992

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.17: Trích bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) tháng 12 năm 2010

2.2.6. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu :

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu thông qua các tài khoản kế toán. Để phục vụ cho công tác hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, Công ty CP CNTT Tam Bạc sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Theo phương pháp này, tình hình biến động nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu tại công ty được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên liên tục. Vì vậy, giá trị nguyên vật liệu của công ty trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

2.2.6.1. Chứng từ kế toán sử dụng :

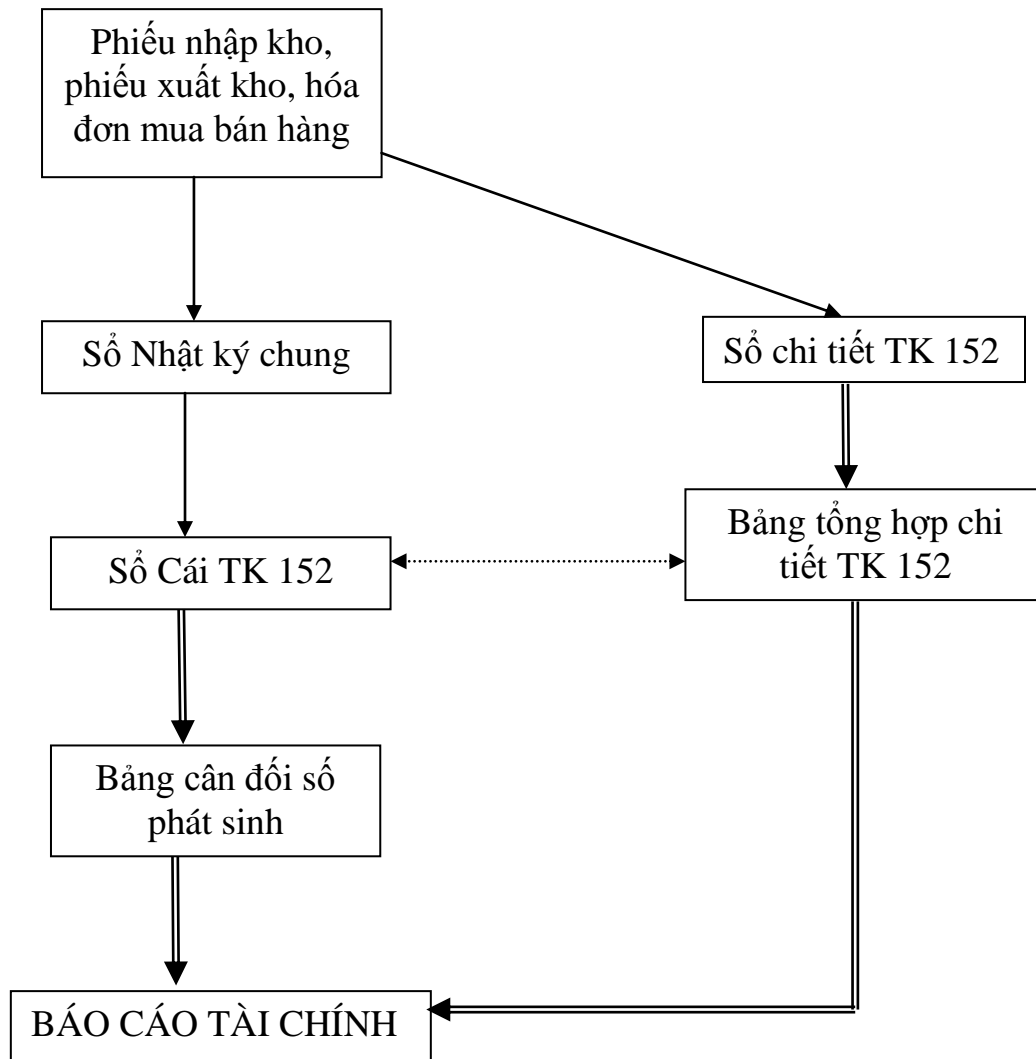
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

2.2.6.2. Tài khoản kế toán sử dụng :

- TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu.
- TK liên quan: TK 111, TK 331, TK 133, TK 621

2.2.6.3. Quy trình hạch toán :

Sơ đồ 2.4. Quy trình hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng, cuối quý
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

Ở phòng kế toán, hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra : Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Hoá đơn GTGT, kế toán ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ nhật ký chung và sổ chi tiết TK 152, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 152. Cuối tháng hoặc cuối quý căn cứ từ sổ chi tiết TK 152 ghi Bảng tổng hợp chi tiết TK 152, rồi kế toán kiểm tra, đối chiếu số liệu trên Sổ cái TK 152 với Bảng tổng hợp chi tiết TK 152 xem có khớp đúng không.

Cuối quý, cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết dùng để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 7 : Tiếp các ví dụ trên

Căn cứ từ PN, PX ở các ví dụ trên kế toán vào Sổ nhật ký chung (*Biểu số 2.18*).

Từ Sổ nhật ký chung, kế toán ghi chép nghiệp vụ vào Sổ cái TK152(*Biểu số 2.19*)

Biểu số 2.18 : Trích Sổ nhật ký chung tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT TAM BẠC

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 157 Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

Ngày 15/03/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	Ngày tháng				Nợ	Có
		Tháng 12/2010				
...
PN817	7/12	Mua thép 30T của Công ty TNHH TM Thép Toàn Thắng chưa thanh toán	✓	1521 133 331	16.640.000 1.664.000	18.304.000
PX916	9/12	Xuất vật liệu đóng tàu lai dẹt 2×500 CV	✓	621 1521	7.936.000	7.936.000
...
PN912	12/12	Mua thép lá của Công ty Thép và vật tư Hải Phòng chưa thanh toán	✓	1521 133 331	1.540.070 154.007	1.694.077
...
PN922	22/12	Mua vật liệu thanh toán bằng tiền mặt		1521 133 111	34.560.000 3.456.000	38.016.000
PX974	27/12	Xuất vật liệu đóng tàu lai dẹt 2×500 CV	✓	621 1521	942.900	942.900
PX975	28/12	Xuất vật liệu đóng tàu		621 1521	121.600.000	121.600.000
PX977	31/12	Xuất vật liệu đóng tàu		621 1521	1.370.348	1.370.348
		Cộng lũy kế năm			225.123.967.915	225.123.967.915

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19 : Trích Sổ cái TK 152

CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT TAM BẠC

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Số 157 Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

Ngày 15/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Nguyên vật liệu

Số hiệu : 152

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tr NKC	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			<u>315.725.000</u>	
		Số phát sinh trong kỳ				
PN817	7/12	Mua thép 30T của Công ty TNHH TM Thép Toàn Thắng chưa thanh toán	978	331	16.640.000	
PX916	9/12	Xuất vật liệu đóng tàu lai dắt 2×500 CV	978	621		7.936.000
...				
PN912	12/12	Mua thép lá của Công ty Thép và vật tư Hải Phòng chưa thanh toán	978	331	1.540.070	
...
PN922	22/12	Mua vật liệu thanh toán bằng tiền mặt	984	111	34.560.000	
PX974	27/12	Xuất vật liệu đóng tàu lai dắt 2×500 CV	984	621		942.900
PX975	28/12	Xuất vật liệu đóng tàu	984	621		121.600.000
PX977	31/12	Xuất vật liệu đóng tàu	984	621		1.370.348
		Cộng phát sinh trong kỳ			<u>651.425.000</u>	<u>670.125.028</u>
		Số dư cuối kỳ			<u>297.024.992</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.7. Công tác kiểm kê nguyên vật liệu :

Cũng như các doanh nghiệp khác, theo quy định của Nhà nước mỗi năm công ty CP CNTT Tam Bạc tiến hành kiểm kê hàng tồn kho, và các tài sản khác một lần vào cuối năm.

Mục đích của việc kiểm kê vật liệu, công cụ dụng cụ là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng của vật tư trong kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách với thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý vật tư ở công ty. Trước mỗi lần kiểm kê, được sự thông báo của hội đồng kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để tạo điều kiện cho kiểm kê. Đồng thời, ở phòng kế toán, các sổ kế toán về vật tư đều được khoá sổ sau khi kế toán tính ra giá trị tồn kho của vật tư. Thông qua việc cân, đo, đong, đếm ... Hội đồng kiểm kê phát hiện kết quả kiểm kê trên Biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào biên bản kiểm kê này, giám đốc công ty cùng với hội đồng kiểm kê sẽ có những quyết định xử lý thích hợp như: thanh lý, nhượng bán, quyết định đòi bồi thường nếu cá nhân làm mất hoặc hỏng... Căn cứ vào các biên bản xử lý kết quả kiểm kê kế toán tiến hành ghi sổ.

Nhìn chung công tác quản lý vật tư của công ty là khá tốt nên không có trường hợp mất mát, chỉ có một vài trường hợp thiếu, bị hư hỏng do nguyên nhân khách quan.

Ví dụ 8 : Theo kết quả kiểm kê nguyên vật liệu ngày 31/12/2010. Hội đồng kiểm kê lập Biên bản kiểm kê vật liệu (*Biểu 2.20*)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ NĂM 2010

Thời điểm kiểm kê: 9h00 ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ban kiểm kê gồm:

- | | | |
|-----------------------|-------------------------|--------------------|
| - Ông: Phạm Minh Toàn | Chức vụ: Phòng KCS | Trưởng ban kiểm kê |
| - Bà: Nguyễn Mai Châu | Chức vụ: Thủ kho | Ủy viên |
| - Bà: Phạm Hải Thoa | Chức vụ: Kế toán vật tư | Ủy viên |

Đã kiểm kê kho có những mặt hàng sau:

ST T	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Sổ sách		Thực tế		Chênh lệch				Chất lượng		
			SL	T.Tiền	SL	T.Tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
							SL	T.Tiền	SL	T.Tiền			
1	Thép 30T	Kg	6.150		6.150		-		-		X		
2	Thép tròn	Kg	4.500		4.500		-		-		X		
3	Thép lá S2×1250×2500	Kg	309		309		-		-		X		
												

Kết luận của ban kiểm kê: Tất cả vật liệu còn tốt 100%, không chênh lệch giữa sổ sách và kết quả kiểm kê.

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê
(Ký, họ tên)

Biểu 2.20: Trích Biên bản kiểm kê nguyên vật liệu năm 2010

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CP CNTT TAM BẠC

3.1. Đánh giá chung công tác hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty CP CNTT Tam Bạc :

3.1.1. Tình hình chung của công ty :

Công ty CP CNTT Tam Bạc bắt đầu với cơ sở vật chất nghèo nàn, lạc hậu. Trong những năm qua cùng với sự quan tâm của Tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam cộng với sự nỗ lực phấn đấu của lãnh đạo và toàn cán bộ công nhân viên, Công ty đã có những bước phát triển đáng ghi nhận trong thời gian gần đây. Trong quá trình phát triển Công ty không ngừng đổi mới hợp lý bộ máy quản lý, nâng cao tay nghề cán bộ công nhân viên, đầu tư máy móc thiết bị. Do những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, nên bên cạnh những thuận lợi công ty phải đương đầu với không ít khó khăn từ các yếu tố khách quan cũng như chủ quan mang lại. Tuy vậy, Ban lãnh đạo cùng toàn thể công nhân viên cố gắng khắc phục những khó khăn, từng bước hoàn thiện công tác quản lý và công tác kế toán phù hợp với quá trình phát triển của Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy nói chung và Công ty CP CNTT Tam Bạc nói riêng.

3.1.2. Những thành tựu công ty đạt được :

Năm 1955, với 150 công nhân và một vài cán bộ của ngày đầu thành lập, từ hai bàn tay trắng, họ đã thu góp dụng cụ đồ nghề, thu dọn mặt bằng và chiếc sà lan 200 tấn đầu tiên của ngành đóng tàu của chế độ Việt Nam dân chủ cộng hoà đã được cán bộ công nhân công ty đóng và hạ thủy an toàn.

Năm 1956, công ty mạnh dạn áp dụng phương án hạ thủy chiếc sà lan thứ 3 bằng đường ray – goòng thay cho phương pháp hạ thủy bằng máy trượt, tiết kiệm mỗi lần hạ thủy 400.000 đồng cho Nhà nước. Cùng năm đó, công ty đóng mới được 15 sà lan 200 tấn và khôi phục được một số tàu cũ để phục vụ việc vận tải xây dựng và phát triển đất nước. Với sự trợ giúp của 10 chuyên gia Trung Quốc, tháng 10/1957 chiếc tàu loại 200 cv đầu tiên được cán bộ công nhân viên nhà máy lắp đặt thành công trước sự khâm phục và ngạc nhiên của chuyên gia Trung Quốc.

Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1960 – 1965 ngoài việc đóng mới và sửa chữa sà lan, tàu kéo, tàu quốc, tàu lai, công ty đã khôi phục tàu “ Khâm sai” cũ của Pháp thành tàu chở khách Hải Phòng – Hà Nội – Nam Định.

Đặc biệt năm 1963, thực hiện nhiệm vụ vận tải phục vụ miền Nam công ty đã hoàn thành đóng mới chiếc tàu vận tải 100 tấn chạy ven biển đầu tiên lắp máy 225cv, tốc độ đạt 10, 80 hải lý/giờ. Đây là chiếc tàu vận tải biển đầu tiên trong 6 chiếc do công ty đóng để vận tải chi viện cho đồng bào miền Nam đồng khởi tiến lên giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Năm 1968, Công ty được giao nhiệm vụ chế tạo thử thành công chiếc cano rà phá bom từ trường không người lái đầu tiên ngay tại công viên Thống Nhất – Hà Nội đã được Trung ương Đảng và Bộ quốc phòng khen thưởng.

Năm 2009, Công ty CP Công nghiệp tàu thủy Tam Bạc bàn giao 02 tàu lai 2 x 500CV. Hai tàu lai Vinashin Bạch Đằng 01 + 02 là loại tàu vỏ thép kết cấu hàn, lắp 2 máy lai 2 chân vịt trong đạo lưu cố định. Buồng máy đặt giữa tàu, ca bin đặt giữa mũi. Tàu có chức năng lai dắt các tàu thuyền và phương tiện nổi trên cảng biển. Tàu có các thông số kỹ thuật chính như sau: chiều dài lớn nhất 25,30m, chiều rộng thiết kế 7m, chiều cao mạn 3,10m, chiều chìm lớn nhất 2,20m, máy chính Yanmar – Nhật Bản, máy phát Cummin – Mỹ, công suất máy chính 2 x 368KW với biên chế thuyền viên 9 người. mặc dù hai tàu lai này được đóng mới trong giai đoạn Công ty gặp vô vàn khó khăn, cả về tài chính lẫn nhân sự, nhưng với sự cố gắng không mệt mỏi, hết lòng vì công việc của một đội ngũ lao động trẻ, khỏe, tâm huyết, có trình độ tay nghề cao cùng với sự giúp đỡ to lớn của các đơn vị trong Tổng Công ty CNTT Bạch Đằng và Chi cục Đăng kiểm 10, hai tàu lai đã được hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm theo yêu cầu thiết kế, đủ điều kiện để bàn giao. Năm 2009 với việc tiếp tục đầu tư theo chiều sâu, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, công ty đã đảm bảo duy trì và tăng trưởng sản xuất, đảm bảo ổn định mọi mặt đời sống, thu nhập của người lao động ngày càng được ổn định và nâng cao.

Năm 2010, Công ty đã hoàn thành và bàn giao tàu lai kéo 2 x 600 CV cho Công ty CP Cảng Đoạn Xá; tổng đoạn cabin tàu Ethylene 4.500m³ cho Tổng Công ty CNTT Bạch Đằng; đóng mới 4 sà lan Lash cho Công ty Vận tải Lash Vinashin; tàu lai dắt 2 x 500 CV cho Tổng Công ty Đóng tàu Hạ Long; Block 4.600 DWT cho Công ty Đóng tàu Bến Kiên; Gia công phao neo, phao báo hiệu cho Công ty CP

Xây dựng và Thương mại Trường Lộc cùng nhiều sản phẩm gia công khác với giá trị tổng sản lượng 10,79 tỉ đồng, doanh thu hơn 11 tỉ đồng.

Qua thời gian thực tập tại Công ty CP CNTT Tam Bạc được sự hướng dẫn của các thầy cô cùng với sự giúp đỡ tạo điều kiện của Ban giám đốc đặc biệt là các anh chị trong phòng tài chính kế toán đã giúp em có được những kiến thức thực tế, bổ sung những kiến thức em đã học được tại trường, có cách nhìn chính xác, đầy đủ hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và công tác tổ chức hạch toán kế toán nói riêng. Qua tìm hiểu em có những nhận xét như sau

3.1.2.1. Ưu điểm :

* Về bộ máy kế toán nói chung :

Phòng tài chính kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả thực hiện đúng theo chế độ hiện hành. Kế toán viên bao gồm những người có trình độ, năng lực, trung thực và nhiệt tình được bố trí đúng người, đúng việc, đúng chuyên môn. Các kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể với từng phần hành cụ thể hợp lý và chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp được những thông tin nhanh chóng, kịp thời và chính xác. Nhờ như vậy đã làm công tác kế toán của công ty thực sự trở thành công cụ đắc lực cho lãnh đạo trong việc quản lý.

* Về công tác quản lý thu mua nguyên vật liệu :

Nhận thấy tầm quan trọng của NVL đối với quá trình sản xuất và kinh doanh nên Công ty rất chú trọng đến công tác bảo quản và cất trữ NVL . Tại các kho của Công ty luôn có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác quản lý và bảo vệ NVL và các thủ tục xuất - nhập cũng được quản lý chặt chẽ và liên hoàn

Thủ kho tại đây cũng thực hiện ghi thẻ kho, bảng tổng hợp nhập xuất tồn và hàng tuần sẽ được chuyển lên phòng vật tư tại công ty. Kế toán và các phòng có liên quan theo dõi NVL chi tiết thông qua phòng vật tư.

Với vật liệu phụ, vật liệu hàn, kho sơn, Công ty đã cho xây dựng hệ thống từng nhà kho riêng biệt và có thủ kho riêng. Từng kho có lắp đặt các thiết bị bảo quản vật liệu riêng, các thủ kho của từng kho này sẽ có trách nhiệm bảo quản và quản lý việc nhập xuất vật liệu của kho phụ thuộc về yêu cầu của sản xuất, đồng thời cũng chịu sự quản lý trực tiếp của phòng quản lý vật liệu của Công ty.

Với vật liệu chính : các loại thép tấm, thép hình, thép ống,... có kích thước lớn, có chiều dài lớn, do vậy công ty không thể xây dựng được hệ thống nhà kho như trên mà công ty chỉ xây dựng các bãi tập kết vật liệu ngoài trời, có bạt che phủ.

Cũng như các kho trên, việc quản lý nhập xuất tồn vật liệu cũng do một thủ kho riêng phụ trách và cũng chịu sự quản lý trực tiếp của phòng ban quản lý vật tư của công ty.

* Về chứng từ sổ sách kế toán áp dụng :

- Hệ thống chứng từ tài khoản : Công ty đã tổ chức tốt hệ thống chứng từ và vận dụng tài khoản kế toán tương đối đúng với chế độ kế toán và biểu mẫu do bộ tài chính ban hành. Các chứng từ được lập, kiểm tra luân chuyển thường xuyên, phù hợp với nghiệp vụ phát sinh. Hệ thống tài khoản của công ty sử dụng đã phản ánh đầy đủ mọi hoạt động kinh tế, việc sắp xếp phân loại các tài khoản trong hệ thống tài khoản của công ty tương đối phù hợp với tình hình sản xuất của công ty.

- Về sổ sách kế toán : Hình thức Nhật ký chung phù hợp với doanh nghiệp có quy mô sản xuất kinh doanh lớn, đặc điểm sản xuất kinh doanh đa dạng số lượng chứng từ sổ sách theo dõi cũng khá nhiều. Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Tất cả các chứng từ sử dụng hầu hết đúng theo mẫu của bộ tài chính mới ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006

* Về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu :

- Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là phù hợp với đặc điểm sản xuất của công ty. Việc áp dụng phương pháp này cho phép phòng kế toán theo dõi và nắm bắt tình hình nhập- xuất - tồn kho nguyên vật liệu 1 cách thường xuyên và liên tục. Từ đó phục vụ tốt công tác kế toán và giúp lãnh đạo biết rõ tình hình sản xuất của công ty.

- Việc vận dụng phương pháp ghi thẻ song song đơn giản nhất và dễ làm, tính toán đơn giản và dễ kiểm tra, dễ đối chiếu. Kế toán căn cứ vào chứng từ để luân chuyển và ghi sổ chi tiết.

- Công ty sử dụng phương pháp tính giá thực tế đích danh, theo phương pháp này vật tư xuất thuộc lô nào theo giá nào thì được tính theo đơn giá đó, xác định được chính xác giá vật tư xuất làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại.

3.1.2.2. Hạn chế :

* Về ứng dụng phần mềm kế toán :

Do khối lượng sổ sách nhiều lại làm kế toán Excel trên máy vi tính nên cuối kỳ hay mỗi kỳ kế toán nhiệm vụ của kế toán tổng hợp là khá nhiều. Vì hoàn thành đúng tiến độ nên dẫn tới sai sót. Việc hạch toán kế toán trong đơn vị có khối lượng

lớn nhưng vẫn được thực hiện thủ công, tuy có sử dụng máy vi tính nhưng công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán riêng nên dễ xảy ra sai sót và tốn nhiều thời gian, việc sử dụng máy vi tính chưa phát huy được hiệu quả.

* Luân chuyển chứng từ :

Việc luân chuyển chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, tuy nhiên, giữa các bộ phận, phòng ban này đều không có biên bản giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát chứng từ lại không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

* Sổ sách : chưa lập sổ danh điểm vật tư để phục vụ cho việc quản lý vật tư do nguyên vật liệu trong công ty rất đa dạng phong phú nên công ty đã tiến hành phân loại nguyên vật liệu thành:

- Nguyên vật liệu chính
- Nhiên liệu
- Phụ tùng thay thế
- Nguyên vật liệu phụ
- Phế liệu thu hồi

Mặc dù có sự phân loại này nhưng phòng kế toán không lập sổ danh điểm vật tư.

* Tổ chức nguyên vật liệu

▪ Trong công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu tại Công ty đã không xây dựng định mức dự trữ, định mức tiêu hao vật tư nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó có rất nhiều loại vật tư thừa từ dự án này qua dự án khác hoặc các loại vật liệu đặc biệt thừa không được quản lý tốt, không được dùng cho các dự án tiếp theo, dẫn đến tình trạng lãng phí vật tư. Do vậy sẽ gây nhiều khó khăn cho kế toán nguyên vật liệu trong quá trình theo dõi và quản lý vật tư.

▪ Do khối lượng vật tư chính lớn, đa dạng, nhiều chủng loại nên Công ty không bố trí xây dựng nhà kho mà chủ yếu tập trung, tập kết vật liệu ngoài trời, tuy có bạt che phủ nhưng vẫn không tránh khỏi han gỉ của vật liệu.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu tại Công ty CP CNTT Tam Bạc :

3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện :

Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty đặc biệt chú ý đến các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc nhất quán : Nguyên tắc này yêu cầu kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán
- Nguyên tắc giá gốc : Quy định nguyên vật liệu phải được tính theo giá gốc.
- Nguyên tắc thận trọng : Nguyên tắc này đòi hỏi muốn hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu cần cẩn trọng từng bước.

3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện :

Hoàn thiện kế toán trong công ty là việc hết sức quan trọng và cần thiết, để đảm bảo cho việc hoàn thiện mang tính khả thi, đáp ứng được các yêu cầu quản lý của công ty phải thực hiện được các yếu tố sau :

- Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu phải đảm bảo sự phù hợp với các nguyên tắc kế toán chung
- Phải đảm bảo tôn trọng cơ chế tài chính tuân thủ các chế độ chính sách, thể lệ kế toán ở Việt nam .
- Phải dựa trên cơ sở phù hợp với điều kiện và nhu cầu quản lý của công ty
- Phải đảm bảo hài hoà mối quan hệ giữa chi phí và lợi ích trong công tác hạch toán kế toán.

3.2.3. Nội dung hoàn thiện :

Bên cạnh những ưu điểm mà công tác kế toán nguyên vật liệu đã làm được, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế chưa thực sự đem lại hiệu quả tối ưu cho công ty. Bằng những kiến thức đã được học đối chiếu với lý luận và thực tiễn, em xin đề xuất 1 số ý kiến. Theo em công ty cần có những biện pháp khắc phục những hạn chế trên để làm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

▪ Ý kiến 1 : Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ :

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Biểu số 3.1. Mẫu phiếu giao nhận chứng từ nhập kho hoặc xuất kho

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ NHẬP KHO HOẶC XUẤT KHO

Từ ngày..... đến ngày.....

Nhóm vật liệu (dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá)	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số tiền
1	2	3	4

Ngày... tháng ... năm

Người nhận (ký)

Người giao (ký)

➤ **Ví dụ minh họa :**

Từ ngày 01 tháng 12 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty CP CNTT Tam Bạc đã nhập kho vật liệu thép tấm gồm cắt bích, thép tấm d14×2000×6000, tôn d8 (1500×6000), tôn d14 (1500×6000), công ty lập phiếu giao nhận chứng từ nhập kho giữa bên phòng vật tư với người đi mua vật liệu là Phạm Thị Hoa.

Biểu số 3.2. Hóa đơn GTGT số 0068745

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01/GTKT - 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		NG/2010B			
Liên 2: Giao cho khách hàng		0068745			
Ngày 08 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM Thép Toàn Thắng					
Địa chỉ: 378 Hoàng Văn Thụ - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:					
MS:		0 2 0 0 6 6 1 0 0 7			
Họ tên người mua hàng: Phạm Thị Hoa					
Tên đơn vị: Công ty CP CNTT Tam Bạc					
Số tài khoản: 109.20097641.013					
Hình thức thanh toán:chưa thanh toán.....					
MS:		0 2 0 0 1 6 8 8 8 1			
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Cắt bích	Cái	6	488.600	2.931.600
2	Thép tấm d14×2000×6000	Kg	498,82	14.476	7.220.918,32
3	Tôn d8 (1500×6000)	Kg	62.548,6	11.000	688.034.600
4	Tôn d14 (1500×6000)	Kg	1.978	11.000	21.758.000
Cộng tiền hàng					719.945.118
Thuế GTGT : 10% Tiền thuế GTGT					71.994.512
Tổng cộng tiền thanh toán					791.939.630
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy trăm chín mươi một triệu chín trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi đồng chẵn./</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
Phạm Thị Hoa		Phạm Văn Hùng		Phạm Thị Quyên	

Biểu số 3.3. Biên bản kiểm nghiệm vật tư

Đơn vị : Công ty CP CNTT Tam Bạc

Mẫu số 03 – VT

Bộ phận : Phòng KHVT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 08 tháng 12 năm 2010

- Căn cứ vào hóa đơn bán hàng số 0068745 của Công ty TNHH TM Thép Toàn Thắng
- Ban kiểm nghiệm gồm có :
 - Ông, bà : Lê Hồng Nguyên - Trưởng ban.
 - Ông, bà : Lê Minh Mẫn - Ủy viên.
 - Ông, bà : Trần Kim Phi - Ủy viên.
 - Ông, bà : Nguyễn Quang Hùng - Ủy viên.
- Đã kiểm nghiệm vật tư sau :

STT	Tên hàng hoá, ký mã vật tư	ĐVT	Số lượng theo chứng từ	Số lượng vật tư đúng quy cách phẩm chất	Số lượng vật tư không đúng quy cách-phẩm chất	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4
1	Cốt bích	Cái	6	6	0	
2	Thép tấm d14×2000×6000	Kg	498,82	498,82	0	
3	Tôn d8 (1500×6000)	Kg	62.548,6	62.548,6	0	
4	Tôn d14 (1500×6000)	Kg	1.978	1.978	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm : Đã đạt tiêu chuẩn nhập kho

Cán bộ kỹ thuật
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban
(Ký, họ tên)

Cán bộ mua vật tư
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.4. Phiếu nhập kho số 818

CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT TAM BẠC

Mẫu số 02

Số 157 Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số : 15/2006/ QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

Số : 818

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 08 tháng 12 năm 2010

Nợ TK: 1521

Nợ TK: 1331

Có TK: 1111

Họ và tên người giao hàng : Phạm Văn Hùng

Hóa đơn: số 0068745

Lý do nhập hàng : Nhập vật liệu phục vụ đóng tàu

Nhập vào kho : Công ty CP CNTT Tam Bạc

Biên bản kiểm nghiệm số 129/KHKT

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Trên hóa đơn	Thực nhập		
1	Cắt bích	Cái	6	6	488.600	2.931.600
2	Thép tấm d14×2000×6000	Kg	498,82	498,82	14.476	7.220.918,32
3	Tôn d8 (1500×6000)	Kg	62.548,6	62.548,6	11.000	688.034.600
4	Tôn d14 (1500×6000)	Kg	1.978	1.978	11.000	21.758.000
	Cộng					719.945.118

Số tiền bằng chữ: *Bảy trăm mười chín triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm mười tám đồng chẵn.*

Ngày 08 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 3.5. Phiếu giao nhận chứng từ nhập kho

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ NHẬP KHO

Từ ngày 1/12 đến ngày 31/12

Nhóm vật liệu (dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá)	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số tiền
1	2	3	4
...
Cắt bích	3	HĐGTGT số 0068745 BBKN số 129 PNK 818	2.931.600
Thép tấm d14×2000×6000	3	HĐGTGT số 0068745 BBKN số 129 PNK 818	7.220.918,32
Tôn d8 (1500×6000)	3	HĐGTGT số 0068745 BBKN số 129 PNK 818	688.034.600
Tôn d14 (1500×6000)	3	HĐGTGT số 0068745 BBKN số 129 PNK 818	21.758.000
...

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người nhận (ký)

Người giao (ký)

Nguyễn Thị Thoa

Phạm Thị Hoa

▪ **Ý kiến 2 : Xây dựng định mức dự trữ :**

Hiện nay tại Công ty chỉ có định mức sử dụng vật tư, do vậy Công ty cần xây dựng định mức dự trữ tối đa và dự trữ tối thiểu để có hướng giải quyết các mặt

hàng tồn đọng gây lãng phí chi phí bảo quản và ứ đọng vốn lưu động, đảm bảo dự trữ đủ nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.

▪ **Ý kiến 3 : Mở Nhật ký đặc biệt : Nhật ký mua hàng**

Tại Công ty có các nghiệp vụ mua hàng phát sinh thường xuyên và lặp lại do đó kế toán nên mở Nhật ký mua hàng. Đây là loại nhật ký chuyên dùng cho nghiệp vụ mua hàng. Kế toán sử dụng các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào Nhật ký mua hàng. Các nghiệp vụ đã ghi vào Nhật ký đặc biệt thì không ghi vào Nhật ký chung. Cuối tháng hoặc định kỳ, tổng hợp số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký (nếu có). Mẫu sổ nhật ký mua hàng như sau :

Biểu số 3.6. Mẫu sổ Nhật ký mua hàng

SỔ NHẬT KÝ MUA HÀNG

Năm...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản ghi Nợ				Phải trả người bán (ghi Có)
	Số	Ngày, tháng		Hàng hóa	Nguyên vật liệu	TK khác		
						Số hiệu	Số tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			Số trang trước chuyển sang					
			Cộng chuyển sang trang sau					

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

➤ **Ví dụ minh họa :**

Ngày 1/12 : Công ty CP CNTT Tam Bạc mua sắt tròn f60 của Công ty TNHH TM Duy Thịnh số tiền chưa bao gồm thuế VAT 10% là 12.457.879đ, chưa trả người bán

Ngày 2/12 : Công ty CP CNTT Tam Bạc mua sơn chống gỉ của Công ty Sơn Totun Việt Nam chưa trả tiền, số tiền đã bao gồm thuế VAT 10% là 2.420.000đ

....

Ngày 7/12 : Công ty CP CNTT Tam Bạc mua thép 30T của Công ty TNHH TM Thép Toàn Thắng chưa trả tiền, số tiền đã bao gồm thuế VAT 10% là 18.304.000 (như ví dụ ở chương 2)

Ngày 8/12 : Công ty CP CNTT Tam Bạc mua thép của Công ty TNHH TM Thép Toàn Thắng chưa trả tiền, số tiền đã bao gồm thuế VAT 10% là 791.939.630

....

Ngày 11/12 : Công ty CP CNTT Tam Bạc mua thép lá S2×1250×2500 của Công ty thép và vật tư Hải Phòng chưa trả tiền, số tiền đã bao gồm thuế VAT 10% là 1.694.077 (như ví dụ chương 2)

Do các nghiệp vụ phát sinh đều là những nghiệp vụ mua lặp lại thường xuyên nên kế toán lập 1 sổ nhật ký mua hàng để theo dõi

Biểu số 3.7. Trích sổ nhật ký mua hàng tháng 12

SỔ NHẬT KÝ MUA HÀNG

Năm 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản ghi Nợ				Phải trả người bán (ghi Có)
	Số	Ngày, tháng		Hàng hóa	Nguyên vật liệu	TK khác		
						Số hiệu	Số tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			Số trang trước chuyển sang					
1/12	HDGTGT 0067485	1/12	Mua vật liệu		12.457.879	1331	1.245.788	13.703.667
2/12	HDGTGT 0068471	2/12	Mua vật liệu		2.200.000	1331	220.000	2.420.000
...
7/12	HDGTGT 0067879	7/12	Mua vật liệu		16.640.000	1331	1.664.000	18.304.000
8/12	HDGTGT 0068745	8/12	Mua vật liệu		719.945.118	1331	71.994.512	791.939.630
...
11/12	HDGTGT 0071287	11/12	Mua vật liệu		1.540.070	1331	154.007	1.694.077
			Cộng chuyển sang trang sau					

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

▪ **Ý kiến 4 : Hoàn thiện việc lập danh điểm vật tư :**

Hiện nay, nguyên vật liệu chính của công ty rất đa dạng và phong phú nên việc kiểm tra, đối chiếu, hạch toán cũng như tính giá vật liệu gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, để thuận tiện hơn cho việc theo dõi, quản lý, kiểm tra từng loại nguyên vật liệu một cách có hệ thống và kế hoạch, theo em công ty nên xây dựng hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty. Sổ danh điểm vật liệu là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu được theo dõi cho từng loại, từng nhóm, quy

cách vật liệu một cách chặt chẽ giúp công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu ở công ty được thống nhất.

Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng là phải xây dựng được bộ mã nguyên vật liệu, chính xác, đầy đủ không trùng lặp thuận tiện và hợp lý. Công ty có thể xây dựng bộ mật mã nguyên vật liệu dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào các loại nguyên vật liệu
- Dựa vào các loại nguyên vật liệu trong mỗi loại
- Dựa vào số thứ tự nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở số liệu các tài khoản cấp 2 đối với nguyên vật liệu

Ví dụ : Nguyên vật liệu chính : 1521

- Thép góc : 1521.A : - Thép góc L40×40×4 : 1521.A01
- Thép góc L30×30×3 : 1521.A02

Công ty có thể lập sổ danh điểm vật tư như sau :

Biểu số 3.8. Trích Sổ danh điểm vật liệu

SỔ DANH ĐIỂM VẬT LIỆU

Ký hiệu		Mã số danh điểm	Danh điểm vật liệu	Đơn vị tính	Ghi chú
Loại	Nhóm				
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521.A		Thép góc	Kg	
		1521.A01	Thép góc L40×40×4	Kg	
		1521.A02	Thép góc L30×30×3	Kg	
...
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	1522.A		Đồng	Kg	
		1522.A01	Đồng thanh	Kg	
		1522.A02	Đồng sun fat	Kg	
...
	1522.B		Nhôm		
		1522.B01	Nhôm đúc	Kg	
		1522.B02	Nhôm rèn	Kg	
...
1523			Nhiên liệu		
	1523.A		Dầu diezen		
		1523.A01	Dầu diezen loại 1	Lít	
		1523.A02	Dầu diezen loại 2	Lít	
...

▪ **Ý kiến 5 :** Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho :

Theo quy luật của nền kinh tế thị trường, hàng hóa nói chung và vật liệu nói riêng được mua bán với sự đa dạng và phong phú tùy theo nhu cầu sử dụng. Giá cả của chúng cũng thường xuyên không ổn định. Có thể tháng này giá vật liệu cao hơn tháng trước và ngược lại, do đó đã làm ảnh hưởng đến việc xác định chính xác

giá thực tế vật liệu mua vào, lại càng khó trong việc hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh. Em nghĩ việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thực sự có ý nghĩa đối với Công ty CP CNTT Tam Bạc, nhất là khi giá cả không ổn định, tỷ giá hối đoái thất thường mà chủng loại vật liệu mua vào ngày càng nhiều do yêu cầu mở rộng sản xuất. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp công ty bình ổn giá trị vật liệu cũng như hàng hóa trong kho, tránh được cú sốc của giá cả thị trường. Bên cạnh đó, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhiều khi còn đóng vai trò là những bằng chứng quan trọng của công tác kiểm toán và kiểm tra kế toán toàn công ty.

Dự phòng giảm giá còn có tác dụng làm giảm lãi niên độ kế toán, nên doanh nghiệp tích lũy được một nguồn tài chính mà lẽ ra nó đã được phân chia. Nguồn tài chính này tạm thời nằm trong tài sản lưu động và khi cần sử dụng để bù đắp cho các khoản thiệt hại do vật tư, sản phẩm hàng hóa tồn kho bị giảm giá phát sinh. Một điểm lợi nữa đó là lập dự phòng giảm được ghi nhận như một khoản chi phí làm giảm thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập theo các điều kiện : Số dự phòng không được vượt quá số lợi nhuận thực tế phát sinh của công ty sau khi đã hoàn nhập các khoản dự phòng đã trích từ năm trước, và có bằng chứng về các vật liệu tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá trị thường thấp hơn giá ghi trên sổ kế toán. Trước khi lập dự phòng, công ty phải lập hội đồng thẩm định mức độ giảm giá của vật liệu tồn kho. Căn cứ vào tình hình giảm giá, số lượng tồn kho thực tế, công ty xác định mức dự phòng theo phương thức sau :

$$\text{Mức dự phòng giảm giá vật liệu cho năm kế hoạch} = \text{Lượng vật liệu tồn kho giảm giá tại 31/12 năm báo cáo} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán trên sổ kế toán} \\ \text{Giá thực tế trên thị trường tại 31/12} \end{array} \right.$$

Giá thực tế vật liệu trên thị trường bị giảm giá tại thời điểm 31/12 là giá có thể mua hoặc bán trên thị trường. Việc lập dự phòng phải tiến hành riêng cho từng loại vật liệu.

Ý kiến 6 : Hoàn thiện khoản tạm ứng mua vật liệu :

Thực tế công ty không mở tài khoản 141 "Tạm ứng", mà việc tạm ứng cho phòng kế hoạch cung ứng để mua vật liệu lại diễn ra thường xuyên, do vậy rất cần thiết phải mở TK141 việc mở TK141 không những tuân thủ theo đúng quy định của thủ tục tạm ứng mà còn giúp cho việc theo dõi tạm ứng một cách thuận lợi.

Do vậy vật liệu chiếm khoảng 80% trong tổng số giá thành sản phẩm nên số tiền tạm ứng cho mua vật liệu trong kỳ là rất lớn, mà kế toán lại theo dõi và thanh toán tạm ứng trên sổ chi tiết thanh toán với người bán. Như vậy, cán bộ cung ứng của công ty khi nhận tạm ứng có vai trò như một người bán và như thế thì tạm ứng và thanh toán tạm ứng không được theo dõi về thời hạn thanh toán, hạch toán. Việc hạch toán như vậy dẫn đến việc thanh toán các khoản tạm ứng kéo dài ngày gây ra tình trạng chiếm dụng vốn và sẽ làm thất thoát vốn của công ty.

Để khắc phục điều này, hạch toán khoản tạm ứng thu mua vật liệu có thể làm như sau:

Khi nghiệp vụ tạm ứng phát sinh, tức là người đi mua vật liệu viết đơn xin tạm ứng sau khi kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của đơn xin tạm ứng kế toán thanh toán viết phiếu chi, khi đó kế toán ghi sổ theo dõi thanh toán tạm ứng theo định khoản:

Nợ TK141 (Chi tiết từng người tạm ứng)

Có TK 111

Khi vật liệu về nhập kho, kế toán căn cứ vào hoá đơn, phiếu nhập ghi:

Nợ TK 152 (Chi tiết)

Nợ TK 133

Có TK 141 (Chi tiết từng người tạm ứng)

Nếu số tiền tạm ứng thừa, người tạm ứng sẽ nộp lại cho kế toán và kế toán ghi vào sổ theo dõi thanh toán tạm ứng:

Nộp bằng tiền: Nợ TK 111

Có TK 141

Nếu trừ vào lương Nợ TK 334 (Chi tiết)

Có TK 141

Nếu số tiền chi mua vật liệu lớn hơn số tạm ứng thì kế toán lập phiếu chi thanh toán cho người tạm ứng:

Nợ TK 141

Có TK 111

Kế toán mở sổ chi tiết theo dõi thanh toán tạm ứng TK 141. Sổ này được mở cho cả năm, mỗi đối tượng tạm ứng được theo dõi trên một vài trang sổ.

Biểu số 3.9. Mẫu sổ chi tiết TK 141

SỔ CHI TIẾT

Tài khoản : 141

Đối tượng

Loại tiền : VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ ...					
			- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ	× ×	×	×	×	×

➤ **Ví dụ minh họa :**

Ngày 9 tháng 12, Phòng kế toán chi tiền tạm ứng cho chị Nguyễn Thị Huệ mua cáp thép f22 LD số tiền là 500.000 (chưa bao gồm VAT 10%)

Biểu số 3.10 : Phiếu chi số 514

Biểu số 3.10. Phiếu chi số 514

CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT TAM BẠC

Số 157 Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số 01

Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Số CT 514

PHIẾU CHI

Ngày 09 tháng 12 năm 2010

TK ghi nợ	Số tiền
141	500.000
111	50.000

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Thị Huệ

Địa chỉ : Phòng KT

Lý do chi : Trả ứng tiền mua cáp thép f22 LD

Số tiền : 550.000

Số tiền viết bằng chữ : Năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./

Kèm theo : 02 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền:

Ngày 09 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập biểu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

▪ **Ý kiến 7 : Cần thiết phải có sự nghiên cứu, tìm hiểu thị trường :**

Mặc dù nguyên vật liệu hiện nay không thiếu, thậm chí một số nguyên vật liệu rất dồi dào nhưng các nguyên vật liệu này xuất phát từ nhiều nguồn gốc khác nhau,

chất lượng khác nhau. Vì vậy, việc thiết lập những nguồn cung ứng nguyên vật liệu lâu dài là rất quan trọng, điều này Công ty CP CNTT Tam Bạc đã và đang làm được. Tuy nhiên, bên cạnh những nhà cung cấp quen thuộc, công ty cần có kế hoạch thăm dò, tìm hiểu thị trường để tìm ra nguồn cung ứng tốt hơn, đem tới cơ hội tăng chiết khấu, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng có lợi cho doanh nghiệp.

Không những thế, tìm hiểu tốt thị trường còn giúp doanh nghiệp có những bước đi đúng đắn trong thu mua, dự trữ ở những thời điểm khác nhau, tránh tình trạng mua phải nguyên vật liệu với giá cao khi có sự khan hiếm hoặc thiếu nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

▪ **Ý kiến 8 : Lập báo cáo vật tư theo kế hoạch sản xuất :**

Trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh khốc liệt như hiện nay, nhiều biến động xảy ra có thể ảnh hưởng tới kế hoạch sản xuất của công ty và ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Do vậy, nếu công ty không xác định mức dự trữ nguyên vật liệu thì kết quả sản xuất của công ty có thể bị ngưng trệ làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, nếu công ty dự trữ nguyên vật liệu quá lớn sẽ làm ứ đọng vốn, gây khó khăn trong việc quay vòng vốn của doanh nghiệp và phát sinh các chi phí liên quan. Ngược lại, nếu dự trữ quá ít thì khi nguyên vật liệu trên thị trường khan hiếm hoặc giá cả giảm sẽ làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh của công ty.

Vì vậy, công ty nên xác định mức dự trữ hợp lý để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm và vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm và yêu cầu sản xuất khi có yếu tố bất thường xảy ra thông qua báo cáo vật tư theo kế hoạch sản xuất, kinh doanh và báo cáo nghiên cứu thị trường từ phòng vật tư.

Biểu số 3.11. Mẫu báo cáo dự báo vật tư theo kế hoạch sản xuất, kinh doanh

Đơn vị : ...

Bộ phận : ...

BÁO CÁO DỰ BÁO VẬT TƯ THEO KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tháng ... Năm ...

Danh điểm vật tư	Tên, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Nhu cầu			Số tồn kho thực tế	Số cần nhập bổ sung
			Kế hoạch	Đã sử dụng	Số chưa sử dụng		
A	B	C	1	2	3	4	5

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận báo cáo
(Ký, họ tên)

Người lập
(ký, họ tên)

➤ **Ví dụ minh họa :**

Phòng vật tư của Công ty CP CNTT Tam Bạc nộp báo cáo dự báo vật tư theo kế hoạch sản xuất kinh doanh :

Biểu 3.12. Trích báo cáo dự báo vật tư theo kế hoạch sản xuất, kinh doanh tháng 12

Đơn vị : Công ty CP CNTT Tam Bạc

Bộ phận : Phòng vật tư

BÁO CÁO DỰ BÁO VẬT TƯ THEO KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tháng 12 Năm 2010

Danh điểm vật tư	Tên, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Nhu cầu			Số tồn kho thực tế	Số cần nhập bổ sung
			Kế hoạch	Đã sử dụng	Số chưa sử dụng		
A	B	C	1	2	3	4	5
1521.A	Thép góc	Kg	7.548	5.148	2.400	5.100	2.448
1521.B	Thép tấm	Kg	85.457	85.149	308	23.145	62.312
...
1522.A	Nhôm	Kg	4.789	4.745	44	3.487	1.302
...
1523.A	Dầu diezen	Lít	249	203	46	12	237
...

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận báo cáo
(Ký, họ tên)

Người lập
(ký, họ tên)

▪ **Ý kiến 9 : Áp dụng công nghệ thông tin vào tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng**

Hoà nhập với sự phát triển của công nghệ khoa học kỹ thuật và xu hướng tiên bộ trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là hoàn toàn cần thiết. Công ty CP CNTT Tam Bạc đã ứng dụng tin học vào việc hạch toán kế toán nhưng chỉ là những tính toán đơn thuần, công ty nên áp dụng kế toán máy. Phần mềm kế toán có nhiều ưu việt:

- Thu thập, xử lý thông tin kế toán một cách nhanh chóng.
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kiểm soát các thông tin tài chính.

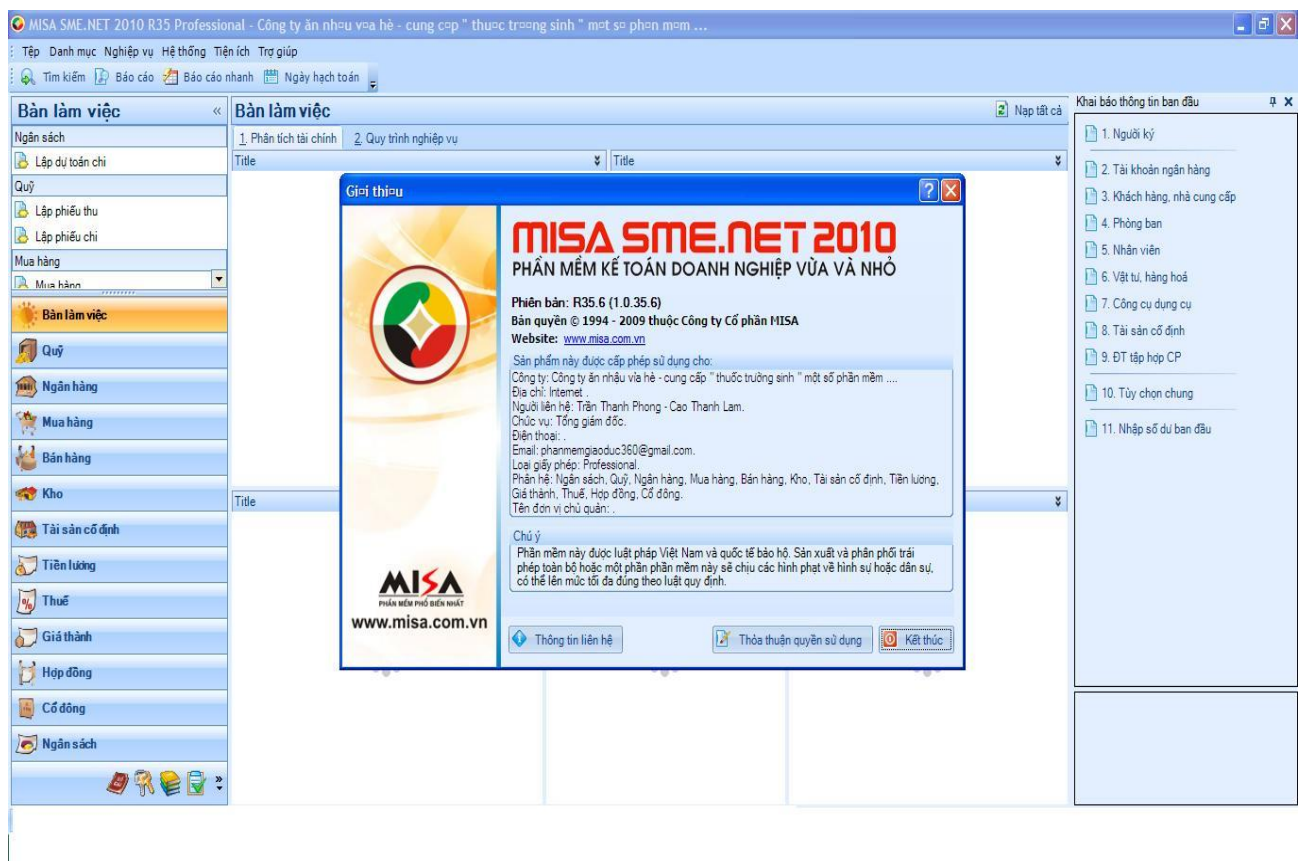
- Chọn lọc thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng.
- Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là liên tục, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng của các đối tượng khác nhau.

- Hơn nữa, việc sử dụng phần mềm kế toán có thể giúp giảm bớt nhân lực so với kế toán thủ công mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc.

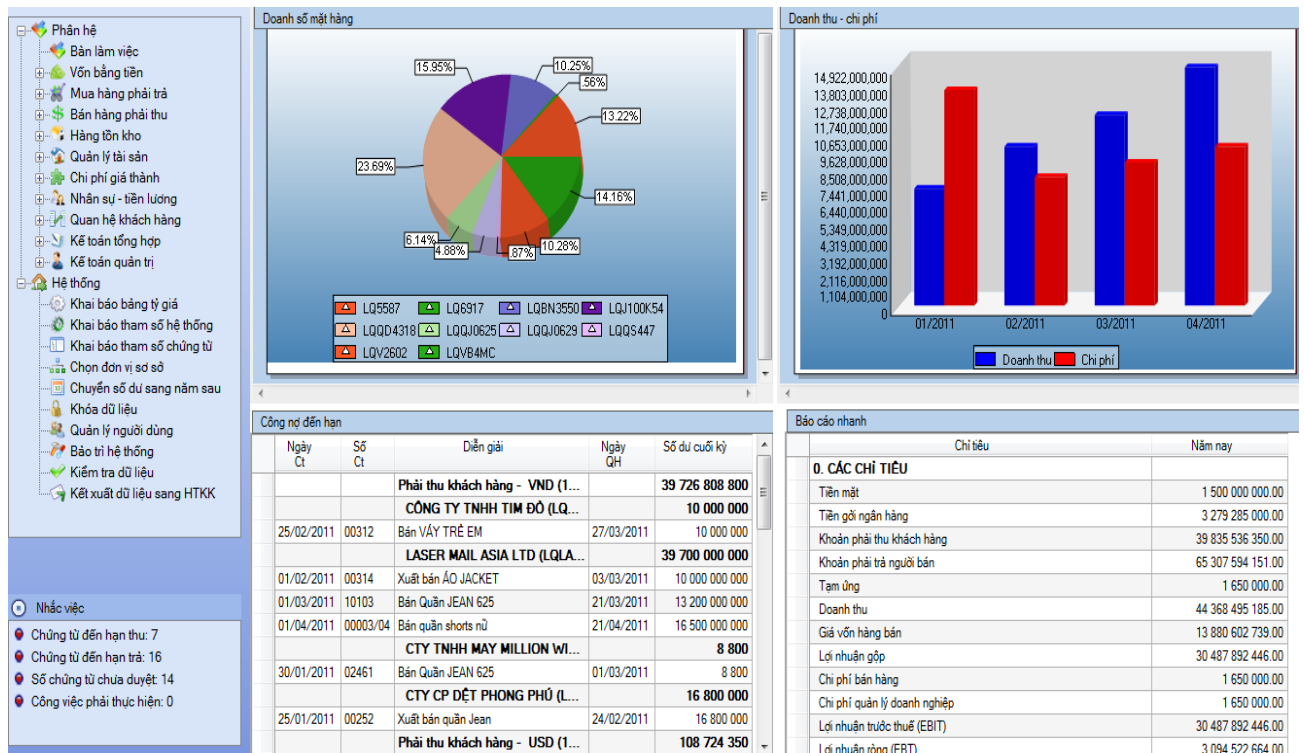
Chính vì những ưu điểm của việc áp dụng phần mềm kế toán, theo em công ty nên lựa chọn một chương trình phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình, bên cạnh đó, công ty cần tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ kế toán sử dụng thành thạo linh hoạt phần mềm kế toán mà công ty áp dụng.

Một số giao diện phần mềm kế toán máy mà công ty nên áp dụng như :

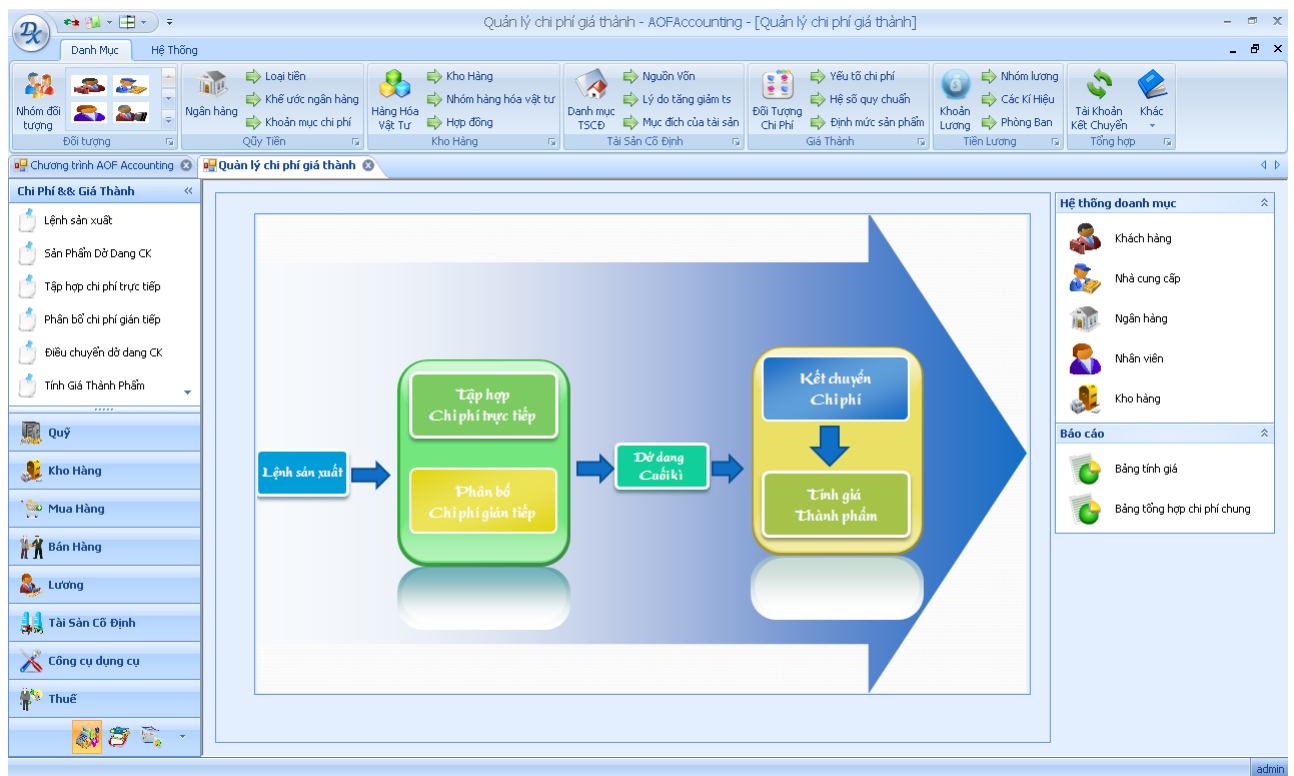
- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2010



- Phần mềm kế toán LinkQ Accounting



- Phần mềm kế toán AOF Accounting



▪ **Ý kiến 10** : Quản lý vật liệu :

Với nguyên vật liệu chính do không có hệ thống nhà kho bảo quản nên hầu hết nguyên vật liệu để ngoài trời, chưa phân vùng hợp lý các chủng loại vật liệu riêng biệt nên có tình trạng vật tư để chồng chéo, lẫn các loại với nhau, rất khó trong công tác tìm kiếm vật liệu, khoanh vùng và đặt hệ thống biển báo cho từng chủng loại vật tư riêng.

Với các loại nguyên vật liệu phụ cũng vậy, tuy đã có hệ thống nhà kho riêng nhưng qua tìm hiểu em thấy quản lý cũng chưa được hợp lý, các loại vật liệu có kích thước nhỏ nhưng lại có số lượng lớn, các thủ kho chưa có cách sắp xếp hợp lý trong kho, chưa được phân loại chi tiết theo kích cỡ, chuyên dùng hay trọng lượng vận chuyển... do vậy khi theo dõi, quản lý, cấp phát và phân bổ giá trị sẽ chưa đảm bảo độ chính xác cao nên chúng thường bị lẫn các loại với nhau, vì vậy phòng vật tư nên cho hệ thống các giá đựng vật liệu, đánh tên và vị trí cho các chủng loại vật liệu để dễ dàng trong việc tìm kiếm.

3.2.4. Điều kiện thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu trong công ty :

Để các giải pháp đã đưa ra có tính khả thi đòi hỏi có những điều kiện nhất định. Các điều kiện này phải có từ phía nhà nước và doanh nghiệp.

* Về phía nhà nước :

Đây là điều kiện mang tính chất vĩ mô phải được thực hiện một cách đồng bộ từ chính phủ đến cơ quan chức năng có liên quan

- Tạo dựng và hoàn thiện môi trường pháp lý thuận lợi như Bộ tài chính cần thông qua và soạn thảo hoàn chỉnh hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam trên cơ sở tham khảo chuẩn mực kế toán quốc tế, rà soát xem xét lại các văn bản có liên quan đến công tác kế toán, tài chính của doanh nghiệp để đảm bảo tính thống nhất giữa các văn bản, hạn chế mức tối đa việc liên tục ban hành văn bản dưới dạng thông tu, nghị định

- Cần quan tâm đến yếu tố con người để có đội ngũ kế toán viên có trình độ chuyên môn cao, nhà nước cần có chính sách thích hợp trong đào tạo

- Cần tổ chức tốt việc kiểm tra, kiểm soát chất lượng công tác kế toán.

* Về phía bản thân doanh nghiệp :

Các giải pháp chỉ có thể thực hiện được nếu doanh nghiệp có nhận thức đúng đắn về kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng, có đội ngũ cán bộ quản lý, kế toán đủ năng lực và trình độ chuyên môn, có sự quan tâm đúng mức đến cơ sở vật chất kỹ thuật của bộ phận kế toán. Tất cả các yếu tố này đều liên

quan đến một đối tượng trong doanh nghiệp đó là “ con người “ doanh nghiệp còn có chính sách phát triển nguồn nhân lực

KẾT LUẬN

Sau một thời gian thực tập tại Công ty CP CNTT Tam Bạc được làm quen với thực tế hạch toán nguyên vật liệu cùng với phần lý thuyết được nghiên cứu em đã học hỏi rất nhiều điều bổ ích để củng cố thêm những kiến thức về lý luận mà em đã được học ở trường. Đồng thời đợt thực tập này cũng giúp em nắm bắt được tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu đối với việc quản lý vật liệu và quản lý của công ty thấy được những mặt mạnh cần phát huy và những điểm còn tồn tại để khắc phục nhằm góp phần nhỏ bé hoàn thiện hơn công tác kế toán vật liệu ở Công ty CP CNTT Tam Bạc. Chuyên đề đã đề xuất những định hướng cơ bản cũng như một số giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán vật liệu nói riêng cũng như công tác kế toán nói chung.

Do trình độ lý luận và thời gian thực tập còn hạn chế, chuyên đề mới chỉ đưa ra được ý kiến bắt đầu chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được các ý kiến đóng góp của cô giáo hướng dẫn, các thầy cô giáo để chuyên đề của em được hoàn thiện hơn về mặt lý luận cũng như thực tiễn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn Thạc sỹ Lương Khánh Chi cùng các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của Công ty CP CNTT Tam Bạc đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn !

CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyển 1 – Hệ thống tài khoản kế toán (Bộ tài chính – Chế độ kế toán doanh nghiệp của Nhà xuất bản thống kê)
2. Quyển 2 – Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán (Bộ tài chính – Chế độ kế toán doanh nghiệp của Nhà xuất bản thống kê)
3. Các bài khóa luận của anh chị khóa trước
4. Các số liệu, sổ sách kế toán nguyên vật liệu của Công ty CP CNTT Tam Bạc